

**TRẬN ĐÁNH
CUỐI CÙNG**

Trận đánh cuối cùng

nhieu tác giả

trận đánh
cuối cùng

nhiều tác giả

Bìa: *Anywhere*
Nguồn: *Internet*
Trình bày: *Anywhere*

**trận đánh
cuối cùng**

Lê Xuân Nhị
Bảo Trân
Vương Mộng Long
Mường Giang
Phạm Kim
Đào Vũ Anh Hùng

...

MỤC LỤC

1. Chúng ta phải đánh giặc kiểu nhà nghèo – <i>Lê Xuân Nhị</i>	10
2. Cánh thép xa vời – <i>Bảo Trân</i>	47
3. Sao hôm, sao mai <i>Vương Mộng Long</i>	93
4. Viết về người lính bất hạnh VNCH - <i>Mường Giang</i>	152
5. Những giờ phút cuối tháng 4-1975 Từ Bộ Tư Lệnh Hải quân VNCH - <i>Phạm Kim</i>	177

6. Trận đánh cuối cùng 255

Đào Vũ Anh Hùng / Người Việt Utah

7. Người Chiến Sĩ VNCH 300

Vào Ngày Cuối Cùng Của Cuộc Chiến

Đêm đêm mẹ đốt cây hương ngát

Mẹ khẩn đôi lời con có nghe

Vì nước bỏ mình là bất tử

Xưa nay chinh chiến mấy ai về.

CHÚNG TA PHẢI ĐÁNH GIẶC KIỂU NHÀ NGHÈO



Một chiếc A-1E của VNCH (VNAF) tại sân bay Đà Nẵng năm 1969

“Chúng ta phải đánh giặc kiểu nhà
nghèo”,

lời Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu

Để tưởng nhớ cố Trung úy phi công
khu trục Hoàng Phi Hùng, thứ nam Bác
Sĩ Hoàng Văn Đức, đã “Về với đất...” tại
chiến trường An Lộc năm 1972. Phi công
A1, Thái Dương Phạm Văn Thặng, đã bỏ
mình tại chiến trường Tây Nguyên...

Đồng thời, xin quý mến thân tặng các
Thái Dương lấy lòng của phi đoàn 530
khu trục A1 Skyraider, những “đao phủ
thủ lòng danh” nhất của vòm trời Tam
Biên với những định mệnh nghiệt ngã đau
thương cuối cùng....

Trường Sơn Lê Xuân Nhị

Người sĩ quan ban 3 thuyết trình xong, phòng họp hành quân của sư đoàn trở nên im lặng lạ thường. Người ta nghe rõ được tiếng tíc tắc của chiếc đồng hồ treo cuối phòng. Bỗng ông trung tá trung đoàn trưởng đứng dậy, tiến lên bục thuyết trình. Ông là một sĩ quan trẻ, mới về nắm trung đoàn chưa tới ba tháng. Áo quần ông nhăn nhúm hình như cả tuần lễ chưa thay, mắt ông ngầu đỏ, tóc ông rối bời...

Đứng trên bục, ông đưa mắt nhìn xuống phòng họp, đặc biệt ở dãy bàn có lỗ nhố mấy chiếc áo bay của không quân. Cái nhìn của ông thật là khó hiểu nhưng chẳng ai mở miệng hỏi.

Người sĩ quan trung đoàn trưởng bộ binh trẻ tuổi đứng lặng yên như vậy một

lúc. Mấy ông phi công của sư đoàn VI Không Quân tự nhiên thấy mình được để ý, liền sửa thế ngồi, ngoan ngoãn nhìn lên, chờ đợi.

Cuối Cùng thì ông trung tá lên tiếng:

– Các ông tiểu đoàn trưởng của tôi chắc biết hai ngày sắp tới sẽ quan trọng như thế nào rồi, tôi khỏi cần phải nói thêm ở đây...

Rồi ông mỉm cười. Nụ cười bất ngờ chẳng ai mong đợi nở lên lúc này không làm giảm bớt được bầu không khí căng thẳng của phòng họp. Ông nói liền như sợ mất đi cái giá trị của nụ cười mình vừa biểu diễn:

– Thuyết trình xong, tôi sẽ có vào lời tâm tình với mấy anh em Không Quân một chút...

Mấy người mặc áo bay phía sau nghe tới đó lại ...sửa thêm thế ngồi một lần nữa, mặt mày ai nấy đều cố gắng làm ra vẻ nghiêm trọng. Một trong những người mặc áo bay đó là đại úy Trần anh Trí, trẻ măng, phi tuần trưởng sáng giá nhất của Không Lực Việt Nam vùng II chiến thuật, người vang danh là “đệ nhất đao phủ thủ” của phi đoàn khu trục 530.

– Các anh em biết, cách đây vài ngày, tổng thống ta vừa tuyên bố một câu rất... giật gân là chúng ta phải “đánh giặc theo lối con nhà nghèo”...

Đây không phải là lần đầu tiên Trí đi họp hành quân với bộ binh. Thông thường những buổi họp này rất giống nhau. Mới đầu, sĩ quan ban 3 của trung đoàn hay sư đoàn lên thuyết trình. Đại khái ông sẽ trình bày một lô tin tình báo như: Sư đoàn sao vàng sư đoàn sao đỏ

hay gì đó đã xâm nhập, trang bị những vũ khí nặng đủ cỡ với những cái tên mà Trí không thể nào nhớ hết. Tiếp đến là ý đồ «thâm độc» của địch, âm mưu cắt khúc này, đánh chỗ nọ. Phần thứ ba là quân ta đang mở một cuộc hành quân tại tọa độ ... Mục đích của mọi cuộc hành quân, dĩ nhiên là để tiêu diệt và bao vây địch, là «đánh chết mẹ nó ra». Hào hứng nhứt là phần hội thảo và kế hoạch. Sau đó, thông thường là một vị cấp bậc cao nhất trong phòng họp lên cho chỉ thị hay phương thức tấn công và cuối cùng, trước khi chấm dứt buổi họp thì thế nào cũng có màn yêu cầu khu trục yểm trợ tối đa, hay trực thăng bốc cho thật đẹp v.v...

Hôm nay, Trí thấy phòng họp có không khí lạ vì ông trung đoàn trưởng này mới tinh. Gặp lần đầu là thấy chịu liên. Trí nhận xét ông ta có khẩu khí

hoàn toàn khác hẳn những ông trước. Sĩ quan trẻ xuất thân từ lò Đà Lạt ra có khác. Dám chê tổng thống là ăn nói giật gân thì ắt phải là “nhân tài”. Mà ông ta muốn tâm tình gì với anh em khu trục đây, Trí thắc mắc. Vậy là có chuyện rồi.

– Anh em biết, tổng thống nói đúng, nhưng chỉ đúng ...một phần. Thứ nhất, trên chiến trường không có vấn đề giàu nghèo mà chỉ có thắng bại, sống hay chết, tử nhục hay vinh quang. Nhưng, anh em cũng như tôi, chúng ta đều biết rằng từ ngày hiệp ước ngưng bắn ký xong, chính phủ Hoa kỳ cúp bớt viện trợ cho chúng ta rất nhiều...

Ông dừng lại một chút như chờ cho mọi người thấm ý câu nói rồi tiếp tục:

– Tôi không dốt đến độ không biết những gì đang xảy ra trên đất nước

mình. Tiếp tế và tiếp liệu của chúng ta càng ngày càng cạn đi. Ngay cả chiếc xe díp của tôi, thiếu cái bình điện mà còm m៉ăng cả tháng chưa có, phải lấy xe của người khác đi... Nói như vậy để anh em hiểu tình hình bi đát như thế nào. Ngày xưa chúng ta đánh giặc kiểu Mỹ, bây giờ, tôi không muốn nói chúng ta phải đánh giặc kiểu con nhà nghèo, nhưng chúng ta phải đánh giặc kiểu Việt Nam. Đúng. Tôi nhấn mạnh, đánh kiểu Việt Nam. Ý tôi muốn nói là mình phải “Suy nghĩ ba lần trước khi bắn một trái pháo, suy nghĩ bảy lần trước khi thả một trái bom...”

Thật là một câu “châm ngôn” nghe rất tới nhưng không kém đau thương. Trí nhớ lại câu tục ngữ của người Pháp: “Uốn lưỡi bảy lần trước khi nói” mà thuở xa xưa có lần thầy giáo đã bắt chàng chép 500 lần vì tội ăn nói bậy bạ trong lớp.

Rồi ông trung tá trẻ tuổi xoay người, cầm lấy cây thước, chỉ vào một cao độ trên tấm bản đồ treo phía sau. Khởi căn nhìn Trí cũng biết cái “hột lạc” mà ông ta đang chỉ là ngọn đồi chiến lược 982 nằm ở phía bắc Kontum, nơi chàng đã đánh xuống không biết nhiều là trái bom suốt mấy năm qua. Ngọn đồi chiến lược này là “con mắt” của thành phố Kon Tum. Ai đứng trên này có thể nhìn thấy hết được thành phố. Ngày xưa ngọn đồi này được một đơn vị LLDB Hoa Kỳ trấn đóng, nhưng sau khi Mỹ rút đi thì ta và giặc thay phiên nhau làm chủ ngọn đồi này.

– Trước khi đi vào chi tiết, anh em cho tôi bắt đầu bằng câu này: Bằng mọi giá, vào lúc 1800 giờ ngày mốt, anh em phải ...”đem nó về cho tôi.” Để tôi lập lại một lần nữa lệnh của tôi cho quý vị tiểu đoàn trưởng nghe rõ: Trễ lắm là 1800

giờ ngày mốt, chúng ta phải chiếm được ngọn đồi này.

Ông đưa mắt nhìn xuống cuối phòng, nơi có treo cái đồng hồ:

– Bây giờ là 17 giờ 45 phút. Các anh có 48 giờ 15 phút đúng để «đem» ngọn đồi đó về cho tôi.

Một «dàn» bốn ông tiểu đoàn trưởng và mấy ông tá khác đen đũi sạm nắng trong bộ đồ nhà binh bạc màu ngồi ở bàn đầu im lìm nhìn lên. Cũng như Trí, mấy ông tiểu đoàn trưởng này đâu có lạ gì với cao điểm 982. Giày họ đã vệt gót khắp «giang sơn» của vùng hai chiến thuật, nhiều người bạn đồng đội của họ đã nằm xuống, hoặc đã bị tàn phế để gìn giữ những địa danh vô nghĩa như tên của ngọn đồi máu này.

– Sĩ quan ban 3 vừa trình bày cho các anh biết tình hình địch. Với quân số 3 tiểu đoàn của ta tấn công 1 tiểu đoàn của chúng, theo binh pháp thì quá ít. Con số lý tưởng là 7–1 chứ không phải 3–1. Anh em thấy chốt nó nằm dài dài bắt đầu từ dưới chân đồi lên tới trên đỉnh. Mấy hôm nay bay trực thăng quan sát chiến trường, tôi đã đi đến một kế hoạch tấn công như thế này...

Ông lật tấm bản đồ thứ hai. Trí nhìn lên thấy toàn những ô vuông đánh dấu vị trí của quân bạn và địch.

– Trước khi tiếp tục, tôi xin giới thiệu với anh em một nhân vật quan trọng của cuộc hành quân này.

Ông đưa tay ra, hướng về phía một người sĩ quan bộ binh nãy giờ ngồi im lặng trong một góc phòng:

– Mời Trung úy An đứng dậy.

Một ông trung úy bộ binh trẻ tuổi, nhỏ người đứng lên giơ tay chào mọi người. Tất cả đều quay nhìn nhân vật được giới thiệu. Trí cũng nhìn sang và thoáng giật mình vì khuôn mặt của người này thấy hơi quen quen. Chắc chắn Trí đã gặp hẳn ở một nơi nào đó...

– Tôi xin giới thiệu với anh em, trung úy An là đại đội trưởng đại đội 45 trinh sát của trung đoàn, đơn vị nắm phần quyết định cho trận đánh này. Trung úy có thể ngồi xuống được rồi.

Trí nhìn người trung úy trẻ hơn tuổi mình ngồi xuống và cố moi óc để nhớ xem đã gặp anh chàng này ở đâu.

Tất cả các đơn vị bộ binh từ cấp trung đoàn trở lên, đều có một đại đội trinh sát.

Hai chữ trinh sát thôi đủ nói lên sự hiểm nghèo. Đơn vị này luôn luôn là con cưng của trung đoàn trưởng. Trong quân đội, người ta không có thì giờ để đi “cưng” bậy bạ. Được “cưng” thì phiền toái lắm. Những công tác nguy hiểm, những công việc không ai làm nổi đều giao khoán cho mấy đứa con cưng này. Vì thế, tuổi thâm niên trung bình của lính trong đại đội trinh sát rất thấp và cấp chỉ huy thì thay đổi luôn luôn. Ủa, thì có vinh quang nào mà không được xây bằng máu kia?

Trí biết trung úy trẻ măng như vậy mà nắm được đại đội trinh sát thì phải là “nhân tài.” Mà chắc phải là tài lắm vì bộ binh ít có khi nào thềm biểu diễn mấy cái màn giới thiệu vớ vẩn như vậy.

Vị trung tá chỉ vào một chỗ phía đông ngọn đồi tiếp tục:

– Nội trong sáng mốt, tiểu đoàn một phải sẵn sàng ở tuyến xuất phát tại đây, tiểu đoàn hai bên này, tiểu đoàn ba sẽ nằm ngay đây làm trừ bị và để chặn luôn quân cứu viện của chúng nó nếu có. Khu trục tiền oanh kích xong là hai ông một và hai cho chúng nó xung phong lên...

Tới đây, ông dừng lại, và nhìn xuống hàng ghế có mấy chiếc áo bay. Cả phòng họp lại im lặng như tờ.

Rồi ông chỉ cây thước vào lưng chừng phía Đông của ngọn đồi trên bản đồ, tiết lộ một bí mật bất ngờ:

– Vào khoảng giữa trưa hay tùy theo tình hình cho phép, tôi sẽ cho tăng 45 Trinh sát nhảy vào giữa đỉnh đồi, ngay chỗ này này. Từ trên cao, chúng nó sẽ đánh xuống, vòng ra hai bên để bắt tay với anh một và hai.

Cả phòng họp im lặng đến rợn người. Biết ngày mà, trong quân đội, hễ có chút vinh quang thì thế nào cũng có một cú “chết người” như vậy kèm theo.

– Tiểu đoàn một và tiểu đoàn hai phải ráng làm cho đẹp. Máy thẳng nhỏ trinh sát của tôi đánh thọc xuống mà không gặp được các anh để bắt tay thì hết đường quay lui...

Trí liếc mắt nhìn qua bàn ông trung úy An, thấy gã vẫn ngồi yên, bình thản.

Ông trung tá xoay người, bước vài bước tới trước, thấy cây thước trên bàn thuyết trình rồi hỏi:

– Những chi tiết nhỏ khác, anh em có thể liên lạc và phối hợp với ban 3 Trung đoàn để giải quyết. Có ai thắc mắc gì không?

Một ông tiểu đoàn trưởng bộ binh dơ tay lên liền.

– Mời anh.

– Thừa trung tá, trung tá vừa nói tiền oanh kích, xin trung tá cho biết sẽ có bao nhiêu phi tuần và sẽ đánh vào đâu?

Một nụ cười gượng hiện ra trên khuôn mặt ông trung tá. Hình như ông biết câu hỏi này sẽ được hỏi, và ông thì không muốn trả lời.

– Phòng không trợ Sư đoàn cho tôi biết chúng ta sẽ có hai phi tuần A-1 sẽ làm việc với chúng ta. Một phi tuần tiền oanh kích và một phi tuần đánh yểm trợ tiếp cận.

– Vậy là chỉ có một phi tuần A-1 tiền oanh kích?

– Đúng, một phi tuần A-1.

Lần đầu tiên kể từ khi bước vào đây, Trí nghe được những tiếng xì xầm to nhỏ.

Trả lời xong câu này, ông trung đoàn trưởng thấy nhói trong tim. Rừng núi tam biên dày đặc, chúng nó lại có công sự phòng thủ vững chắc, hai chục phi tuần còn chưa thấy thấm thía vào đâu thì hai phi tuần nghĩa lý gì? Lính của ông làm sao đánh giặc nổi? Ông lại nhớ đến những ngày còn quân đội Đồng Minh yểm trợ. Chỉ cần nhắc cái điện thoại lên thì nào là “F-4”, “F-111” đủ thứ “F” bay trên trời, thậm chí nếu muốn có cả B-52 cũng được. Nhưng tình thế bây giờ đã khác rồi.

Ông trung tá gõ nhẹ ngón tay vào bục thuyết trình. Chờ cho phòng

họp lại trở lại yên lặng, ông tiếp:

– Các anh em có nhớ khi bắt đầu buổi họp, tôi có nói là tôi có vào lời muốn tâm tình với anh em Không Quân?

Ông dừng lại một chút rồi tiếp tục:

– Lời tâm tình rất chân thật của tôi với anh em Không Quân là: Mong anh em ráng giúp chúng tôi. Anh em biết pháo của ta bắn không xa bằng pháo địch, chúng ta lại không được chọn chiến trường. Vậy, sự chiến thắng tùy thuộc rất nhiều vào các anh em Không Quân. Nếu anh em cố gắng giúp, chúng tôi sẽ tiết kiệm được rất nhiều xương máu của binh sĩ tôi, bằng không, chúng tôi vẫn đánh được chúng nó, nhưng cái giá của chiến thắng có thể sẽ rất mắc...

Đi họp hành quân đã bao lần, Trí chưa bao giờ nghe được một lời nói thống thiết của một vị chỉ huy như ngày hôm nay. Trí nhìn lên bức chỉ huy. Chàng cảm thấy khâm phục hơn khi nhận ra vẻ bơ phờ mệt mỏi của ông trung đoàn trưởng trẻ tuổi. Mắt ông quầng sâu vì thiếu ngủ, áo quần nhăn nhó dính đầy bụi đỏ cao nguyên.

Ông kết luận:

– Nếu không còn gì, anh em có thể ra về liền bây giờ để chuẩn bị cuộc hành quân. Mong anh em hiểu rõ những gì tôi nói. 18 giờ ngày mốt, chính tôi sẽ có mặt trên đỉnh ngọn 982. Cảm ơn tất cả các anh em.

Từng người một, họ từ từ rời phòng họp, không ai nói với ai một câu nào. Ngay cả những cái bắt tay thông thường

cũng không có. Trí đón được trung úy An khi hắn vừa leo lên xe díp:

– Tôi thấy anh quen quen.

An cũng nói:

– Tôi thấy đại úy cũng quen quen... Đúng rồi, phải hồi xưa đại úy học La San Tabert không?

Trí cười hờn hờ:

– Tôi nhớ ra rồi, anh học Lasan Tabert sau tôi hai lớp phải không?

– Dạ phải. Đại úy hay lái chiếc Vélo Solex đen. Ngày đại úy tình nguyện đi lính Không Quân, cả trường đều biết...

– Gọi tôi là anh đi, đại úy mẹ gì... Có rảnh không, mình ghé vào câu lạc bộ này làm một ly cà phê?

– Dạ rảnh thì không nhưng với đại úy thì được.

– Đại úy mẹ gì, mình học chung trường, gọi anh em cho tiện.

Trí quay lui kêu mấy người bạn mình về trước rồi cùng An bước vào câu lạc bộ. Khi người hầu bàn xuất hiện, thay vì gọi cà phê, Trí dơ 2 ngón tay:

– Cho hai chai 33 đi «cứng»...

Hai người nói đủ chuyện đời xưa của tuổi học trò yêu dấu. Trí hỏi:

– Ông tình nguyện đi lính à?

– Dạ không... Ngu gì. Em thi rớt tú II hai lần, bị lột sổ phong trần.

Trí uống một ngụm bia:

– Ông làm gì mà trung đoàn trưởng

để ý dữ vậy? Vài hôm nữa được thay lon là cái chắc.

An lắc đầu, cười:

– May mắn thôi anh. Ông này hồi trước là tiểu đoàn trưởng của em. Năm 72, tiểu đoàn bị chúng nó vây kín ở Võ Định, tưởng tan hàng rồi. Tối đó, ông dụ em: “Đù mẹ đảng nào cũng chết. Tụi nó vây mình mấy ngày nay rồi, đang chắc ăn như bắp. Tối nay chú mày bắt ngờ dắt lính đột kích thẳng vào bộ chỉ huy chúng nó. Không xanh cỏ thì thế nào cũng đỏ ngực. Tao sẽ thừa cơ đánh thốc ra, mình có hy vọng dọt về...”

Nghe như chuyện thời tam quốc. Trí hỏi:

– Rồi có đỏ ngực được không?

– Không nhưng tụi em đánh một trận ra gì, phá tan nát bộ chỉ huy của chúng nó. Tiểu đoàn thoát về được gần hết... Ông lên nắm trung đoàn là giao trình sát cho em liền.

– Làm ăn gì được chưa?

An mỗi điều thuốc, lý luận:

– Đại đội còn nhiều lính mới quá. Người cũ chết hết rồi. Từ sĩ quan xuống tới lính, ông nào thâm niên nhất là 6 tháng chiến trường. Cần phải huấn luyện nhiều thì mới đánh giặc tới được.

– Bây giờ sẵn sàng chưa? Đủ khả năng để từ trên đánh thốc xuống chưa?

– Nói sẵn sàng thì chẳng bao giờ được như ý mình cả, nhưng cũng tạm được. Nhưng em có thể bảo đảm với anh là trận này mình nhất định thắng.

– Chắc ăn vậy?

– Có gì đâu, ông trung đoàn trưởng đánh “xa luân chiến”, đem mấy tiểu đoàn thay phiên nhau quần chúng nó cả tháng nay rồi, bây giờ xông vô dứt điểm làm sao chúng nó chịu nổi?

Trí uống cạn ly bia, tính kêu thêm thì nghe tiếng gọi tên mình. Tưởng ai, té ra thiếu tá Quân, người bạn thân trong phi đoàn đang lù lù bước vào. Ông tướng này từ ngày đeo lon thiếu tá làm việc gì cũng có vẻ nghiêm trọng như... đi hỏi vợ. Chưa tới gần, ngài đã hét toang lên:

– Bố Trí, tụi tôi kiếm bố mãi.

– Kiếm làm gì, ngồi xuống đây làm một ly đã.

Quân lắc đầu, giọng có vẻ nghiêm trọng, pha lẫn một chút buồn phiền:

– Phi đoàn trưởng kêu về họp liên, có chuyện không hay rồi.

Nhìn sắc mặt và lời nói, Trí biết Quân không đùa. Chàng gọi bồi tính tiền nhưng An cản lại:

– Anh để đó cho em.

Khỏi cần khách sáo từ chối, Trí đứng lên ngay, xiết chặt tay An:

– Chúc ông may mắn. Ngày mốt tôi sẽ cố gắng đánh thật đẹp cho ông.

– Cám ơn anh. Anh ráng đánh cho đẹp giùm. Chỉ sợ trực thăng đáp không được. Nếu chạm được đôi bốt đờ xô xuống đất, con cái em sẽ làm đẹp.

– O.K. Hẹn lúc khác mình gặp lại.

Ngồi bên phải chiếc pick up do Quân lái, Trí hỏi dồn dập:

– Có chuyện gì mà gấp vậy mày, lâu lâu gặp lại một người bạn học cũ mà mày cũng không cho tụi tao có thì giờ uống với nhau vài chai bia.

Quân im lặng. Trí biết xưa nay ông phi công này là một người có tật ham đấu. Chuyện gì cũng vậy, chưa ai hỏi là đã mở miệng ra bô bô lên rồi. Vậy mà hôm nay hấn cảm như thế thì nhất định là có chuyện rồi, mà phải là chuyện lớn chứ chẳng chơi. Trí thắc mắc:

– Có việc gì thế? Hay có thằng nào mới rớt tàu?

Quân vẫn im lìm không nói gì. Quái lạ, phi đoàn lâu lâu cũng có đứa “đi không ai tìm xác rơi” mà Quân đâu có phản ứng kỳ cục vậy? Vào phi trường, Trí nhìn thấy những chiếc khu trục A1 nằm im lìm thành từng dãy. Dưới trời chiều

cao nguyên đang tắt nắng, coi chúng oai hùng như những con mãnh hổ đang nằm thềm thiếp ngủ sau một ngày chiến đấu oanh liệt.

Tự nhiên, Trí để ý thấy hai hàng nước mắt ứa ra từ đôi mắt Quân. Quen biết Quân từ bao nhiêu lâu, chàng biết bạn không phải là hạng mau nước mắt. Ngày thăng Sanh, bạn thân nhất của Quân bị SA- 7 bắn nổ tung giữa trời, hắn đã không khóc. Nhất định phải có chuyện lớn rồi. Dù mẹ bạn bè với nhau từ đời nào, có cái gì không biết mà lại giấu kỹ vậy. Trí bực tức, găm lên:

– Có chuyện gì? Dù mẹ có chuyện gì thì nói mẹ nó ra, sao mày cứ giấu tao. Dù mẹ lớn hết rồi, đủ sức lái tàu bay đánh giặc thì đủ can đảm để nghe bất cứ nguồn tin nào dù nó bi thảm đến đâu. Mày nói đi, thằng nào vừa chết?

Quân thắng xe, quẹo vào bờ cỏ rồi tắt máy. Vẫn không thềm nói năng gì, chàng leo xuống, bước từng bước một tới phía hàng rào, đứng nhìn vào bãi đậu có những chiếc khu trục A-1 của phi đoàn. Trí lắc đầu, mở cửa phóng xuống theo.

Đứng bên cạnh Trí nơi hàng rào, Quân lắc đầu nói:

– Chẳng có đứa nào trong phi đoàn mình chết cả...

Rồi chàng đưa tay chỉ vào những chiếc tàu bay, giọng nói thần thờ như người mất hồn:

– Đúng ra, tất cả những con chim sắt thép này đều sắp chết hết. Chúng nó đều sắp sửa bị bức tử hàng loạt, chỉ trong vòng vài ngày nữa thôi.

Trí kinh hoàng:

– Mà nói gì? Ai giết chúng nó? Không có nó thì mình làm sao sống được?

Lần này thì hai hàng nước mắt Quân xuất hiện rõ ràng trên gò má:

– Bộ tư lệnh vừa đánh điện ra, cho lệnh ground hết tất cả phi cơ của phi đoàn mình.

Trí găm lên, phần nộ:

– Ground, ground, dù mẹ lệnh lạc c... gì mà ngu vậy? Chúng nó vừa mở một loạt các cuộc tổng tấn công ở khắp nơi. Tại sao lại ground?

Giọng Quân lạc đi, chua xót và buồn thảm:

– Đơn giản lắm: Hết xăng và không có phụ tùng thay thế. Không ground thì

cũng chẳng kiếm đâu ra xăng mà bay. Chính phủ không còn đủ xăng cho khu trục cơ A1 nữa. Phi vụ của mày là phi vụ cuối cùng. Sau đó, A-37 sẽ bao vùng. Chúng nó xài Jet Fuel, nên còn nhiều...

Không còn gì để cãi nữa. Trí đưa hai tay bưng lấy mặt. Cái tin này quả kinh khủng hơn chàng nghĩ. Có sống đến một ngàn năm nữa, Trí vẫn không tưởng tượng được chuyện này sẽ xảy ra. Dù từ ngày hiệp ước ngưng bắn ký, Trí đã biết tiếp liệu của quân đội bị cắt rất nhiều. Tàu bay hư không có cơ phận thay thế, phải lấy từ chiếc này để sửa chiếc khác. Bom đạn nếu không đánh được thì phải đem về mà đập. Nhưng ai có thể ngờ được lại có một ngày như hôm nay. Ngay đến cả xăng cũng không còn để mà bay.

Trí hỏi Quân, lần này thì chính giọng của chàng lạc đi:

– Mà nói thật, mà không đùa giai với tao đấy hả Quân?

Quân không trả lời nhưng Trí cũng biết là bạn mình không đùa. Ai thêm đùa cái chuyện đau thương như vậy. Chàng hỏi để mà hỏi, buồn quá mà hỏi. Chẳng cần nghe trả lời.

Hai người phi công khu trục đứng yên lặng bên nhau cạnh hàng rào, nhìn đăm đăm vào nơi bãi đậu phi cơ. Dưới những tia nắng yếu ớt của trời chiều cao nguyên, đoàn khu trục cơ A-1 vẫn nằm im lặng lẽ. Lặng lẽ nhưng cao cả và oai hùng như những con cọp già trở về hang mình nằm im lặng và bình thản chờ cái chết ập tới sau một cuộc đời tung hoành ngang dọc. Những con cọp già đã trở về lại khu rừng xưa yêu dấu, nhưng sao rừng chưa hề bị tàn phá mà cọp đành phải nhắm mắt vĩnh biệt rừng...

Trời hỏi, có nỗi buồn nào lớn hơn nỗi buồn của phi công bị mất tàu, của rừng bị mất thú..

Trí thấy đôi mắt mình ngửa ngửa, chàng đưa tay lên chùi theo phản ứng và nhận ra là mặt mình đã đầm đìa nước mắt...

Chàng muốn chạy đến, ôm xiết những con cọp yêu dấu kia vào lòng mình, nói một lời xin lỗi, một lời an ủi, một lời gì cũng được cho chúng nó đỡ tủi hờn...

Đau thương quá...

Cọp ơi là cọp, buồn quá đi thôi. Ta đã từng cỡi người tung hoành khắp nơi trong những cỡi trời bập bùng lửa đạn, người đã che chở ta, ngoan ngoãn nghe lời ta... Đã bao nhiêu lần thân xác người

lổ chỗ những viết đạn thù, từ đạn đại liên cho tới đạn phòng không lớn nhỏ, nhưng chỉ sau vài ngày nằm dưỡng bệnh, người lại lạng lẽ bò ra bãi đậu, nằm im lim ngạo nghễ dưới ánh mặt trời để chờ một phi vụ khác.

Với 2200 mã lực, lúc cất cánh lên, người gầm thét vang dội cả núi rừng, đánh thức cả thành phố Pleiku dậy. Thú lắm hả? Lúc lâm trận, người dù chậm chạp hơn anh A-37, nhưng sự chậm chạp chính là điểm son của người, chính là điều làm cho kẻ thù kinh hồn tửng đờm. Người khạc ra trái bom nào là trúng ngay mục tiêu quả bom đó. Còn 4 cây cà-nông 20 ly của người mới là đáng sợ. Mỗi một lần người khạc lửa ra là giặc chạy như một đàn vịt dưới chân người...

Hồi ta mới tập bay, thấy người cũng khó tánh bỏ mẹ. Phi công đáp không

chính xác để người bị văng lên cao, nếu không bình tĩnh nhấn ga từ từ mà cứ chụp cần ga đẩy tới thì sức votex của cánh quạt sẽ làm tàu bay lộn đầu liền. Người cũng có tật... ở dơ nữa. Anh A-37, cậu F-5 sạch sẽ bóng bẩy thế nào thì người dơ bẩn thế ấy. Mình mấy người lúc nào cũng đầy khói, dính đầy dầu mỡ, pilot leo lên tàu mà không cẩn thận thì có ngày sẽ té lộn đầu...

Nhưng khi được làm bạn với người rồi thì người dễ thương ngoan ngoãn lắm. Bao nhiêu người phi công khác thềm được cỡi người một lần mà chẳng bao giờ được. Ta lấy làm hãnh diện lắm...

Vĩnh biệt tất cả các người... Thôi, hãy yên nghĩ đi nhé. Các người đã làm tròn bổn phận của mình. Dù các người không sinh ra trên cái quê hương khói lửa này, nhưng các người đã sống trọn quãng đời

tươi trẻ của mình trên quê hương đầy đau khổ này, đã chia xẻ những vui buồn sướng khổ, những nắng sớm mưa chiều, những cay đắng cùng những ngọt ngào với anh em ta trên quê hương khốn khổ của ta...

Trí thầm thì: “Rest in peace, dear old boys...” Còn ta, ngày nào đất nước ta còn điêu linh thì ta còn phải chia xẻ những điêu linh này với đồng bào ta, dân tộc ta....

Cả hai người đứng đó thẩn thờ nhìn vào đàn chim sắt và đốt thuốc lá liên miên cho đến khi mặt trời lặn, phi trường lên đèn. Cuối cùng, Trí hỏi:

– Mày kêu tao về họp cũng chỉ để nghe chuyện này thôi phải không?

– Ờ. Nhưng giờ này thì họp hành gì nữa, trễ rồi.

Trí quay lại nhìn Quân, giọng chắc nịch:

– Vậy thì đi. Đù mẹ đi. Mày đi với tao ra phố, tao cầm cái đồng hồ rồi hai đứa mình kiếm một chỗ nào ngồi uống rượu tới sáng để ghi nhớ ngày đại tang của mấy con chim sắt yêu quý này.

– Sáng mốt, tao và mày sẽ dẫn hai phi tuần đánh 2 phi vụ cuối cùng...

Hai người trở lại, leo lên chiếc pick-up. Lần này Trí lái. Chàng sang số nhấn ga, miệng vẫn còn lẩm bầm:

– Phi vụ cuối cùng...

CÁNH THÉP XA VÔI



Trước Noel một tuần, Ngọc Yến và Phương Lan tới nhà tôi. Theo sau hai đứa là một anh chàng không trắng trẻo, nhưng đẹp trai, cao ráo trong bộ áo bay màu xám, thẳng tắp. Vừa ngồi xuống ghế xa lông trong phòng khách là Phương Lan đã tía lia giới thiệu:

– Đây là anh Kiều, người anh hàng

xóm của tao, hoa tiêu F5, một cánh thép cô đơn, mới được nghỉ phép về Sài Gòn.

Quay sang Kiều, Lan nói:

– Còn đây là Bảo Trân, hay là nàng thơ Mai Trắng của 12C1 Gia Long, anh Kiều muốn thưởng thức tài năng của nàng thì cứ vào vườn thơ của nguyệt san Tiếng Sóng là sẽ gặp nàng ngay.

Rồi Lan quay lại phía tôi nói tiếp:

– Này nàng thơ Mai Trắng, anh Kiều cũng là một cây viết tên tuổi của vườn thơ Tiếng Sóng đấy nhé. Hồi xưa thì anh làm thơ học trò, nhưng bây giờ anh chỉ viết thơ tình, thơ lính mà thôi.

Kiều nghiêng đầu làm điệu chào tôi:

– Thật hân hạnh, tôi đã được nghe danh của Mai Trắng từ lâu, hôm nay mới

được gặp mặt nhà thơ.

Tôi đập nhẹ vào vai Lan:

– Mi chỉ giới thiệu nhảm nhí, anh Kiều đừng nghe nó, lâu lâu Mai mới gửi một vài bài viết đăng báo cho vui thôi, danh với tiếng nổi gì.

Ánh mắt Kiều tha thiết:

– Mai không tin tôi là một trong những độc giả trung thành của nhà thơ Mai Trắng hay sao? Tôi đã để ý đến nhà thơ này từ ngày những câu thơ nũng nịu như:

Ai bảo anh sang trường người ta học

Chờ làm chi trên lối nhỏ em về...

xuất hiện trên Tiếng Sóng, và tôi vẫn thường xuyên theo dõi bài viết của Mai Trắng. Này nhé, bài thơ gần đây nhất Mai

gửi đăng trên Tiếng Sóng là bài thơ “Độc Báo Mùa Chinh Chiến”, viết về Mùa Hè Đỏ Lửa phải không? Bài thơ có những câu thơ làm ấm lòng người:

Thầm lo, người ở vùng hỏa tuyến

Anh, với những người bạn thân quen

Đời trai, vận nước mùa chinh chiến

Khải hoàn, một giấc mộng bình yên

.....

Đêm đêm em vẫn thăm cầu nguyện

Lối gió đường mây tránh đạn thù

Bình yên cánh thép về hậu cứ

An toàn sau những chuyến tuần du...

Tôi có chuyển bài thơ cho cả đám

bạn cùng phi đoàn đọc. Có thằng đã chảy nước mắt, lo cho đời sống đường mây trên làn đạn của chúng tôi, mạng số do trời, chỉ mong sao tránh được cái cảnh:

Cánh thép thêm hoa giữa nền đèn

Vì biết tôi có viết bài cho Tiếng Sóng, nên bọn chúng đã giao cho tôi cái trách nhiệm đi tìm xem Mai Trắng là ai, có liên hệ gì đến những màu áo xám này không mà thương yêu cánh thép nhiều đến vậy. Ngờ đâu hôm nay tôi có duyên gặp được nhà thơ rồi. Nhất định hôm nào Mai Trắng phải cho cả bọn chúng tôi diện kiến đấy nhé... Phương Lan chen vào:

– Thôi được rồi mấy nhà thơ ơi, khoan khoan nói chuyện dông dài. Anh

Kiều phải để con nhỏ Trân vô trong nhà sửa soạn còn đi chơi với mình nữa chứ.

Tôi nhìn Lan hỏi:

– Tính đi đâu chơi vậy?

Lan đáp:

– Anh Kiêu vừa được về phép, nên rủ tao với nhỏ Yến đi ăn kem, dạo phố, hay ciné gì đó, đi ba người thì hơi lẻ nên tới rủ mi đi cho tròn.

Tôi lên lầu xin phép ông bà nội rồi xuống nhà sửa soạn. Ngọc Yến và Phương Lan theo tôi vào trong phòng. Phương Lan dành phần lựa quần áo cho tôi, con nhỏ nói:

– Tao phải lựa cho mi một bộ cánh nào mong manh như mây trời để cho anh chàng Kiêu chết mê chết mệt vì cái nét

ngây thơ vô... số tội của mi mới được.

Vừa lục tủ quần áo của tôi Phương Lan vừa hỏi:

– Sao, mi thấy anh chàng Kiêu này hào hoa không? Vậy mà đang làm cánh thép cô đơn đó, hát hoài cái câu “...đời tôi cô đơn nên yêu ai cũng vô duyên, đời tôi cô đơn nên yêu ai cũng không thành...” Tao tính giới thiệu anh chàng cho mi đó. Hỏi thiệt nghe, mi thấy anh Kiêu có hơn anh chàng Vũ nào đó, bạn của cậu mi không?

Tôi nghe tim nhói đau khi Phương Lan nhắc đến một cánh bằng đã gãy.

Trong những người bạn bay cùng phi đoàn với cậu thì có lẽ tôi thích Vũ hơn tất cả. Có thể vì Vũ hiền nhất trong những người phi công đó, Vũ không biết nhậu

đến “trời đất cũng cuồng quay” như cậu và những người bạn khác của cậu. Cũng có thể là Vũ trẻ nhất, anh vừa rời ghế học đường, lại hay thích nói chuyện thơ văn với tôi, nên tôi thấy gần gũi với anh hơn. Vũ thích thổi kèn harmonica, và hay thổi những bài nhạc thật buồn. Tôi có hỏi tại sao anh không thổi những bản nhạc vui thì anh bảo:

– Em không thấy là những bản nhạc buồn nó... hay hơn những bản nhạc vui sao? Mà quê hương mình chiến tranh hoài, có gì vui đâu.

Trái với những người bạn khác của cậu, (không dám gọi tôi bằng cháu, chỉ lúng túng gọi tôi bằng tên) Vũ gọi tôi bằng em. Anh gọi tôi bằng em và xưng anh từ những ngày đầu gặp gỡ. Bạn của cậu lúng túng là phải vì họ đâu có hơn tôi bao nhiêu tuổi đâu mà “dám” gọi tôi

là cháu, phần đông họ nhỏ tuổi hơn cậu hoặc cùng lắm là bằng tuổi cậu. Mà cậu thì chỉ hơn tôi đúng chín tuổi.

Cậu có cả năm, sáu người bạn thân trong cùng phi đoàn, và dù cậu biết là con nhỏ cháu mê màu xám của những cánh thép ngang trời, vẫn ước mơ đan khăn ấm cho chàng thắt lại trước khi “... phi đạo chạy dài anh cất cánh bay lên...”, nhưng cậu đã nhiều lần cảnh cáo mấy “thằng bạn” là không được “thân mật” với tôi. Không phải cậu sợ bạn xuống vai về gọi cậu là... cậu, mà cậu chỉ sợ có một ngày con nhỏ cháu rơi vào cái cảnh “... ngày mai đi nhận xác chồng, say đi để thấy mình không là mình...”

Nhưng cậu đã không ngăn cản khi thấy tôi thân thiết với Vũ, có lẽ, cậu biết là Vũ không có ý tán tỉnh tôi. Vũ chỉ cần một người bạn để tâm sự vì Vũ cô đơn

quá. Vũ không có anh em gì cả, Vũ là con độc nhất trong gia đình, mà gia đình lại lạnh nhạt với anh. Nguyên do cũng tại Vũ hết thời, đáng lý ra Vũ không phải vào quân đội, nhưng anh lại tình nguyện vào quân trường khi vừa học xong năm thứ nhất ở Luật Khoa. Việc Vũ gia nhập quân đội làm cha Vũ nổi trận lôi đình, mẹ Vũ buồn khóc đến nổi phát ốm, nhưng cũng không làm sao ngăn bước chân Vũ lại. Vũ giải thích với tôi:

– Sau một mùa hè theo các đoàn sinh viên đi dựng lại nhà cửa, những cây cầu cháy đổ ở một miền quê bị chiến tranh tàn phá về anh học không vô nữa. Anh nghĩ anh cũng nên góp một bàn tay để giữ vững quê hương một cách tích cực hơn theo lời kêu gọi: “...lúc quốc biến bao người con thân yêu ra đi, tiếc tấm thân mà chi...”

Và Vũ đã gia nhập vào đại gia đình Tổ Quốc Không Gian. Sau khi hoàn tất khóa tu nghiệp lái trực thăng Vũ đã về bay cùng một phi đoàn Hoàng Ung với cậu. Là phi công trẻ tuổi, đẹp trai mà Vũ chẳng có số đào hoa chút nào (như cậu và những người bạn cậu), Vũ chẳng có đến lấy một người em gái hậu phương để đưa nàng đi dạo phố. Vũ bảo, trước khi vào quân đội thì Vũ cũng từng có người yêu, người con gái Vũ quen và yêu từ hồi Vũ còn học ở Chu Văn An, nhưng cô nàng bức tức vì Vũ bỏ học đi lính ngang xương nên không thèm liên lạc với Vũ nữa. Vũ nói:

– Anh cũng không buồn, không trách, vì đời lính sống nay chết mai, anh không muốn làm ai kia vướng bận. Rồi thì anh cũng quên thôi.

Vũ nói thì nói vậy chứ tôi biết Vũ còn nhớ người con gái kia lắm, vì lúc nào tôi cũng thấy mắt Vũ vương buồn. Tôi cũng không sao quên được ánh mắt u buồn của Vũ trong bức ảnh đặt trước những nến đèn ngày hôm đó, ngày mà tôi theo cậu đến tiễn đưa anh. Nhìn cậu và những người bạn nghẹn ngào chào Vũ phút cuối cùng tôi đã xúc động ghi vào bài thơ của tôi những câu:

Bạn bè anh trở về – miên viễn –

Cánh thép thêm hoa giữa nến đèn

Anh lặng người trong ngày đưa tiễn

Nghẹn ngào gọi mãi, cái tên quen

Và tôi cũng đã nghẹn ngào gọi tên Vũ nhiều lần khi thả xuống theo anh

những cánh hoa hồng vàng, màu tôi yêu thích. Tôi không phải là người yêu của anh nên không dám gửi cho anh những đóa hoa hồng nhung đỏ thắm, tràn ngập ý nghĩa yêu thương nhưng nhớ. Tôi chỉ có những kỷ niệm rất hiền hòa với Vũ trong những ngày anh về phép, khi anh rủ tôi đi dạo với anh trên những con đường xanh ngắt màu lá me dẫn về ngôi trường của anh học cũ, hay khi anh đến tìm tôi để hai anh em ngồi nói chuyện vu vơ trong một góc vườn nhà.

Kỷ niệm nhỏ nhoi hôm nào lại hiện về trong trí tôi. Buổi chiều hôm đó Vũ và tôi ngồi ở trong vườn nhà tôi, dưới giàn hoa thiên lý đang trổ đầy hoa. Trước khi ra về, anh đứng dậy hái một chùm hoa thiên lý vàng tươi vừa nở, ngát hương thơm, cài lên mái tóc tôi. Ra đến cổng, đã bước đi rồi anh còn quay lại nhìn tôi,

anh định nói với tôi điều gì đó nhưng lại thôi. Lần đó là lần cuối cùng tôi gặp Vũ...

Chuyện qua đã lâu rồi, nhưng nước mắt tôi vẫn rơi mỗi lần tôi nghĩ về Vũ. Tôi cúi xuống kéo tay áo chùi nước mắt.

Ngọc Yến nãy giờ đứng dựa lưng ở một góc tủ khoanh tay nhìn nhỏ Lan lảng xăng chạy tới chạy lui lựa quần áo cho tôi, thấy tôi khóc, nó bèn mắng Phương Lan:

– Con nhỏ Lan này vô duyên tận cùng bằng số luôn, mi hết chuyện nói rồi sao mà đương không nhắc tới anh Vũ làm chi cho nhỏ Trân nó buồn, nó khóc rồi kìa.

Phương Lan xít xoa:

– Xin lỗi nghe Trân, tao không cố ý

đâu.

Tình cờ sao Phương Lan lại chọn ra cái áo lụa màu hoa thiên lý mà có lần tôi đã mặc để đi chơi với Vũ. Tôi lặng im thay áo rồi ngồi xuống bàn trang điểm. Da tôi đã trắng mịn sẵn rồi nên tôi không cần tô son trét phấn cho nhiều. Tôi chỉ cần đánh một lớp phấn kem lót thật nhẹ, thoa một chút phấn hồng trên má, tô một chút son màu nhạt trên môi, và vẽ thêm hai đường mi đen cho vùng mắt thêm sâu. Tôi tháo mái tóc nãy giờ vẫn quấn gọn ra sau thành đuôi gà xuống, uốn quần sơ vài ba lọn tóc ở cuối phần đuôi rồi thả dài trước ngực. Tôi trang điểm đơn sơ như thế này có đủ làm cho anh Kiều chết mê mệt vì tôi không?

Anh Kiều chở Phương Lan bằng cái xe Yamaha màu xanh của nó. Còn tôi đi theo Ngọc Yến. Ngọc Yến thường ngày

vẫn đi học bằng cái xe PC như tôi, hôm nay lại đến nhà tôi bằng cái xe Honda dame màu đỏ, chắc nó mượn của chị Ánh. Hai chiếc xe nhanh chóng nhắm hướng Sài Gòn trực chỉ.

Ăn kem xong, Phương Lan bỗng đổi ý không muốn đi ciné nữa, con nhỏ đòi đi dạo bến Bạch Đằng. Anh Kiều cũng đồng ý bảo lâu quá rồi anh cũng chưa nhìn lại bến sông Sài Gòn. Gửi xe xong bọn tôi đi bộ dọc theo bờ sông ngắm cảnh. Chiều thứ bảy, mát trời, nên người qua lại dập dìu. Vì đã lỡ nói là “giới thiệu” anh Kiều cho tôi nên Phương Lan đành nắm tay Ngọc Yến dung dăng dung dẻ đi trước, để cho tôi và anh Kiều đi đằng sau có cơ hội “làm quen” với nhau.

Đi vòng vòng một hồi mà bọn tôi tới gần nhà hàng nổi Mỹ Cảnh lúc nào không hay. Yến và Lan mang giấy cao gót

nên mỗi chân, bèn bỏ lại cái ghế đá gần gốc cây cổ thụ ven đường ngồi nghỉ mệt. Kiều rủ tôi tản bộ ra đứng gần cái hàng rào thấp làm bằng những sợi giây xích lớn gần bờ sông nhìn sóng nước. Trời mùa đông nên chiều xuống thật nhanh. Những ánh nắng cuối ngày trải mỏng manh trên sóng nước êm đềm tạo nên một khung cảnh bình yên, thơ mộng. Hai chúng tôi cứ đứng như thế nhìn hoàng hôn xuống lặng lẽ bên sông. Kiều chợt nói:

– Anh là phi công mà vẫn cứ mê sóng nước, chắc có lẽ vì một phần đời của anh đã dính liền với những giòng sông ở quê nhà. Hồi anh còn nhỏ thì gia đình anh làm vườn ở Cần Thơ, sau đó thì ba anh chuyển qua Mỹ Tho buôn bán một thời gian dài, cho tới năm cuối cùng của trung học nhà anh mới về an cư ở tại

Sài Gòn.

Tôi hỏi:

– Nếu gia đình anh ở Mỹ Tho thì chắc anh có học một vài năm ở trường Nguyễn Đình Chiểu hử?

Anh nhìn tôi:

– Mai cũng biết trường Nguyễn Đình Chiểu sao? Anh học hết sáu năm trung học ở đó chứ một vài năm gì. Anh chỉ đổi về học ở Petrus Ký đầu năm lớp mười hai thôi.

Tôi nói như reo:

– Xém chút nữa thì Mai được làm “hàng xóm” của anh rồi. Hồi mới thuyền chuyển về Mỹ Tho làm việc bố cũng đã định đem hết mấy chị em Mai về trường Lê Ngọc Hân học. Nhưng coi bộ tình

hình chiến sự không yên nên bố đã để mấy đứa ở lại Sài Gòn với ông bà nội. Tuy vậy mỗi mùa hè chị em Mai đều có dịp về Mỹ Tho nghỉ hè, được bố đưa về Gò Công hái trái sêri.

– Mai có về Cần Thơ chưa? Cần Thơ nổi tiếng với bến Ninh Kiều. Không phải là chủ quan nghe, nhưng anh cảm thấy bến Ninh Kiều đẹp hơn là bến Bạch Đằng nhiều.

Tôi cười:

– Cồn Phụng ở Mỹ Tho gần như vậy mà Mai còn chưa qua tới, nói chi đi Cần Thơ cho xa. Bà nội của Mai nói Mai có căn Mấu Thoải nên Mai không được qua sông, qua nước, qua phà. Cứ hể mỗi lần bố muốn dẫn Mai qua cồn Phụng chơi là trời mưa to, sóng lớn, mấy lần ra đến bờ sông rồi cũng phải quay về. Vậy mà Mai

vẫn thích ra bờ sông ngồi nhìn thuyền bè qua lại, nhìn sóng nước êm đềm trong ánh hoàng hôn.

Kiều gật gù:

– Anh cũng vậy, hể có dịp về Cần Thơ thăm ông bà nội, bận cách mấy anh cũng ra thăm bến Ninh Kiều một lần, nhìn sóng nước. À này, Mai đã có ngồi ăn tối trên những nhà hàng nổi bên sông chưa? Thú lắm khi cảm nhận được sóng nước đập dềnh ở dưới chân mình.

Rồi Kiều kéo tay tôi:

– Đi em, mình rủ Yến và Lan đi ăn tối ở nhà hàng Mỹ Cảnh.

Kiều quay lại gọi Yến và Lan:

– Anh còn đủ tiền để đãi mấy em một bữa ăn sang đây. Hôm nào về đơn vị

rồi thì tính sau.

Tôi và Ngọc Yến, chưa được vào Mỹ Cảnh bao giờ nên không phản đối, nhưng tôi thấy con nhỏ Phương Lan có vẻ miễn cưỡng làm sao, chắc tại nó quen thân anh Kiều nên biết rõ túi tiền của ông anh hàng xóm. Tôi đưa mắt nhìn Ngọc Yến, nhưng con nhỏ tỉnh bơ nhìn lại tôi nhún vai ra điều – cho anh chết luôn, ai biểu anh đòi làm sang – rồi Ngọc Yến kéo tay tôi bước lên chiếc cầu gỗ dẫn vào nhà hàng.

Nhỏ Ngọc Yến tuy tinh nghịch nhưng cũng ý tứ, nó lựa cái món ăn nhẹ nhẹ cho đỡ khổ túi tiền anh. Tôi cũng chọn một món ăn chơi, ngon hơn ăn thiệt. Phương Lan thì khỏi nói, con nhỏ cũng nổi tiếng kén ăn nên cũng chọn một món nhẹ nhàng. Anh Kiều nhìn mấy cái món ba đứa tôi chọn rồi bảo:

– Mấy cô đừng có sợ anh lung túi nghe. Anh còn dư tiền để đãi một châu ciné nữa đó.

Ăn xong cơm chiều, vì mấy cô con gái giữ eo không gọi thêm món tráng miệng nên anh Kiều bảo gọi café uống cho ấm bụng. Phương Lan nhõng nhẽo nói:

– Điều này là tụi em thức trắng đêm luôn.

Anh Kiều vừa quấy đường trong ly café của Phương Lan vừa bảo:

– Chứ không phải là mấy cô vẫn uống café để thức gạo bài thi sao?

Tôi cười:

– Đúng rồi. Không biết con nhỏ Phương Lan cảm rằm nổi gì chứ đêm

nào Mai cũng phải cầu viện café đen để thức học bài. Riết rồi Mai không uống café có đường được nữa.

Anh nhìn tôi:

– Thật sao? Vậy là mình có nhiều ý thích giống nhau. Từ lâu rồi anh cũng thích uống café đen đậm không đường.

Tôi vừa múc muỗng café đậm đắng đưa lên môi, chưa uống vào mà thấy lòng đã ghen. Tôi nghe lời nói sao quen. Có phải Vũ cũng đã từng nói với tôi là anh cũng thích uống café không đường từ sau những ngày thi cuối khóa? Tôi cúi xuống nhìn ly café với ý nghĩ trong đầu:

– Không phải chỉ có anh thích uống café đen không đường. Còn có một người khác nữa. Một cánh thép đã xa vời.

Ngọc Yến vẫn ngồi ừ hử bên cạnh tôi

từ hồi vào tiệm ăn, đưa tay sang vỗ nhẹ vào đùi tôi, có lẽ con bé cũng biết tôi đang nghĩ đến Vũ nên nhắc chừng tôi đừng để rơi nước mắt.

Kiều đưa ly café lên nhấp một ngụm rồi hỏi rất nhỏ, như chừng chỉ để tôi nghe:

– Anh nghe Phương Lan nói Mai có người cậu cũng là phi công hử?

Lòng tôi như chùng lại. Từ lâu rồi, tôi đã cố quên cánh thép đã thật xa vời đó. Tôi có thể nói gì với anh về cậu đây? Vì từ sau mùa hè đỏ lửa đó thì cậu đã thật sự trở thành... một bóng mây.

Tôi chớp mắt:

– Cánh thép đó đã xa rồi. Thôi đừng nhắc đến anh Kiêu nhé. Nào bây giờ nói chuyện về anh cho Mai nghe đi. Tại sao

tên anh là... Kiêu, sao không giống tên con trai chút nào vậy hử?

Anh cười:

– Tên thật của anh không phải là Kiêu. Ninh Kiêu là bút hiệu anh đã chọn từ ngày xưa khi anh còn đi học. Dần dà rồi bạn bè gọi anh là Kiêu luôn, thành quen. Đôi khi anh cũng quên luôn cái tên thật của mình. Thế Mai có muốn biết tên thật của anh không? Để nhớ...Hôm nào trời lành lạnh như ngày hôm nay rủ anh đi uống café nhìn sóng nước êm đềm.

Tôi giật mình. Coi bộ anh chàng Kiêu này đã muốn đốt giai đoạn thật nhanh rồi đó. Tôi liếc mắt về phía Phương Lan, con nhỏ uống café có đường mà sao mặt mũi nhăn nhó trông thảm hại đến thế kia? Tôi nhìn qua Ngọc Yến, con nhỏ vẫn thản nhiên ngồi nhâm nhi café nghe tôi

và Kiều đối đáp. Tôi nói:

– Thôi, để Mai gọi anh là Kiều đi để nhớ Ninh Kiều, một bến nước dễ thương. Và anh cũng đừng nhớ tên thật của Mai, cứ gọi Mai Trắng cho tròn tình văn nghệ...

Tôi cảm thấy như mũi giày của Ngọc Yến đang khều nhẹ lên mũi giày tôi ở dưới gầm bàn, rồi con nhỏ đứng dậy bảo:

– Yến xin phép vào trong kia một chút.

Hiểu ý Yến, vài giây sau tôi cũng nói xin lỗi với anh Kiều và Lan rồi đi vào theo Yến. Ngọc Yến đón tôi ngay ở phía trong phòng vệ sinh, nó rút lên nho nhỏ:

– Trời ơi, tại sao mi chậm tiêu dữ

vậy? Mi có thấy con Lan nhấp nhòm như đang ở trên lửa đỏ, than hồng không chứ mà còn ngồi đó hẹn hò!?

Tôi lắc đầu:

– Tao có hẹn hò gì đâu, nhưng tao thật tình không hiểu, tại sao con Lan bảo giới thiệu anh Kiều cho tao mà bây giờ nó lại nhăn nhó, khổ đau.

Yến thì thầm:

– Mi có biết anh Kiều là ai không? Người yêu trong mộng của con Lan đó. Thật ra thì anh Kiều là người anh hàng xóm, và anh chàng để ý đến chị Phương Tú, chị kế của Phương Lan, chứ không phải để ý đến nó. Hồi đầu thì chị Tú cũng có cảm tình với anh Kiều, nhưng cả hai người đều chưa ai nói tiếng hẹn hò yêu thương gì hết ráo. Trong khi anh Kiều đi

tu nghiệp ở Mỹ thì chị Tú được một anh chàng sinh viên học năm thứ tư Y Khoa theo đuổi ráo riết. Và chị Tú đã mềm lòng trước cái tương lai rực rỡ của một ông bác sĩ đẹp trai, con nhà giàu, mà lại là con một. Khi anh Kiều về nước thì nàng đã quay lưng. Anh chàng thất tình, nhưng vẫn chăm chỉ sang thăm người xưa để nuôi một hy vọng hão huyền là một ngày đẹp trời nào đó thuyền sẽ quay về bến cũ. Nhưng chỉ buồn cho anh là lúc nào anh sang nhà nàng thì Phương Tú cũng tránh mặt, để một mình Phương Lan ra tiếp đón. Phương Lan thích anh, nhưng nghĩ tới cái chuyện ngày xưa anh theo đuổi chị Phương Tú của nó nên cũng thấy kỳ kỳ. Con nhỏ mượn cớ dẫn anh đi tìm bạn gái giới thiệu cho anh để được đi chơi với anh. Khổ thân nó, muốn ăn mà cứ làm bộ gắp bỏ chén người.

Tôi ngỡ ngàng:

– Con nhỏ thiệt là khùng, may là gặp tao chứ lỡ gặp người... “gắp ăn” thiệt thì nó tính làm sao?

Yến tắc lưỡi:

– Thì vậy mới nói. Tao đã cản nó từ đầu rồi mà nó không nghe. Nó biểu để thử lòng anh Kiều. Tao cũng không ngờ là anh chàng Kiều này bị “sét đánh” mau như vậy. Khi thấy mi với anh chàng nói chuyện rộn rã như bắp rang tao đâm ngại, nên tao mới nói trước cho mi hay để mi tha cho người trong mộng của nó đi.

Tôi thở dài:

– Tao đã có tình ý gì với anh Kiều đâu mà tha với thả, chẳng qua là...

Tôi chưa nói xong hết câu thì Phương Lan đẩy cửa bước vào, mắt con nhỏ xịu buồn thấy rõ, nó đứng bên cạnh tôi vừa rửa tay vừa hỏi:

– Sao, mi có vẻ hợp rơ với anh Kiều rồi đó hả? Anh Kiều nói đêm Noel anh với nhóm bạn cùng khóa họp lại mở một cái bal. Anh muốn mời mi và con YẾN đó, tụi mi có đi được không?

Tôi đưa mắt ra dấu cho YẾN rồi trả lời:

– Chắc là không được rồi. Tao với con YẾN có hẹn đi xem lễ nửa đêm với thằng Phương Điền Vỹ, em tao. Còn anh Kiều của mi hả, “nhóc” quá, đâu có chững chạc như anh Vỹ của tao mà mi bảo là tao hợp.

Mặt Phương Lan tươi tỉnh hẳn lên, nhưng nó cũng làm bộ xít xoa:

– Trời đất, mi nói nhỏ chút, anh Kiều của tao điển trai như vậy mà mi dám chê, ảnh mà nghe được thì ảnh buồn ghê lắm đó.

Ba đứa tôi trở ra ngoài. Kiều đã tính tiền xong, đang ngồi chờ đợi. Anh hỏi tôi và YẾN có còn muốn đi ciné không nhưng tôi bảo là không xin phép nhà đi lâu như vậy nên thôi để tôi với YẾN về trước. Tôi và YẾN cũng ngỏ lời cảm ơn anh đã cho chúng tôi một buổi chiều rong chơi vui vẻ và một bữa cơm tối ngon miệng. Chúng tôi lại đi bộ về chỗ gửi xe, nhưng lần này tôi và YẾN nhanh chân đi trước, để anh Kiều và Phương Lan thông thả bước theo sau.

* * *

Tôi gặp lại Kiều một lần nữa trước mùa thi khi anh đến đón Phương Lan ở vườn hoa cư xá vàng, cái cư xá đối diện với góc trường tôi, ở trên con đường Phan Thời Nhiệm. Khi ba đứa tôi đến nơi thì anh đã có mặt ở chỗ hẹn, đang ngồi trên yên xe đọc báo. Mấy hôm trước, Phương Lan đã vui vẻ báo tin với tôi và Yến là chuyện của anh với nó đang tiến triển tốt đẹp vì hồi này anh không còn cay cú chị Phương Tú của nó nữa, mấy lần anh qua nhà nó mà lỡ có gặp anh chàng sinh viên Y Khoa thì anh cũng thản nhiên bắt tay thăm hỏi. Lần nào về phép anh cũng đến trường đón nó, dẫn nó đi ăn kem, đi dạo bến Bạch Đằng. Hôm nay anh cũng đang nghỉ phép nên buổi sáng anh đưa nó đến trường, rồi buổi trưa sau giờ tan học anh lại đến trường đón nó đi chơi.

Phương Lan và Ngọc Yến giao cho tôi với Kiều ngồi canh mấy cái xe để hai đứa nó đi mua đậu đỏ bánh lọt và bò bía cho cả bọn chúng tôi ăn. Chắc anh Kiều và Phương Lan đã “thân mật” với nhau lắm rồi nên con nhỏ không sợ là tôi sẽ “cướp” mất anh trong tay nó nữa.

Kiều đã bỏ tờ báo vào giỏ xe đằng trước, nhưng vẫn ngồi một chỗ trên yên xe nhìn tôi. Còn tôi thì ngồi đối diện với anh ở một góc ghế đá. Tôi và anh cứ thế ngồi im lặng nhìn nhau. Thật im lặng! Hình như anh có vẻ giận tôi. Sau cùng tôi cố làm vẻ tự nhiên để phá bầu không khí nặng nề này nên bắt chuyện hỏi thăm:

– Anh Kiều vẫn khỏe chứ? Anh đã bay được bao nhiêu chuyến từ khi về đơn vị mới? Có chuyến bay nào nguy hiểm lắm không?

Nhưng Kiều không trả lời những câu hỏi của tôi. Anh rời xe, đến gần chỗ tôi ngồi, nhìn thật sâu vào mắt tôi anh hỏi:

– Mai chê anh “nhóc” hử? Có thật là anh “nhóc” lắm không?

Tôi lúng túng không biết trả lời sao. Tôi không ngờ là con nhỏ Phương Lan mách lại với anh lời dối gian mà tôi bắt buộc phải nói với nó. Làm sao tôi giải thích cho anh nghe là tôi cũng...mến anh ghê lắm, mến từ lúc đầu khi nhìn thấy màu áo xám của anh, vì từ lâu màu xám mây trời đã là sợi giây vô hình trói buộc tôi và những cánh thép xa vời. Tôi đã mến anh hơn từ những giây phút đứng yên lặng bên cạnh anh nhìn hoàng hôn trên sóng nước. Nhưng mà, sở dĩ tôi không dám “thân mật” với anh bởi

vì con nhỏ bạn Phương Lan của tôi đã trót... thương anh rồi. Tôi ấp úng:

– Ý Mai muốn nói là... anh tuổi trẻ, tài cao, anh là hoa tiêu F5 mà, Mai có dám chê anh “nhóc” đâu.

Kiều thở dài:

– Chắc tại mình không có duyên với nhau. Nhưng dù sao thì anh cũng cảm ơn Mai đã cho anh một buổi chiều nồng ấm...

Rồi Kiều nhìn về hướng Phương Lan và Ngọc Yến đang bụng đồ ăn đi tới, anh nói thật nhỏ trước khi bước đến tiếp tay cầm mấy ly nước cho Lan với Yến:

– Anh muốn cho Mai biết một điều, cho tới giờ phút này thì Phương Lan cũng chỉ đơn thuần là người em hàng xóm của anh thôi.

Tôi đã không gặp lại Kiều một lần nào nữa, vì trước ngày bãi trường năm đó, Phương Lan buồn rầu nói cho tôi và Yến biết là anh Kiều đã thuyên chuyển ra phục vụ ở một phi đoàn gần vùng hỏa tuyến, nên anh không có dịp về Sài Gòn thường xuyên để cùng nó đi dạo phố như trước.

Tôi có làm một bài thơ cho Kiều, xem như là một lời tạ lỗi, nhưng vì bận rộn ôn bài vở cho ngày thi sắp đến nên tôi đã không có dịp gửi bài thơ đăng báo. Rồi tôi cũng quên lửng bài thơ đó đi.

Sau khi rời Gia Long, tôi và Ngọc Yến cùng vào Văn Khoa, nhưng hai đứa có hai thời khóa biểu khác biệt nhau vì tôi theo ban Anh Văn còn Yến theo

ban Việt Văn. Thỉnh thoảng hai đứa chỉ gặp nhau ở sân trường, hay những lúc vào thư viện tra cứu thêm tài liệu. Còn Phương Lan thì theo học Kinh Thương Minh Đức cho gần nhà nên sự liên lạc của tôi và nó thưa dần.

Một buổi sáng mùa đông, Ngọc Yến lên lầu tìm tôi ở giảng đường Bốn, con nhỏ đưa cho tôi một trang báo nhỏ xé nham nhỏ, xếp làm tư. Ngọc Yến hân học nói:

– Mi đọc đi, đúng là không tin tưởng được mấy cái anh chàng không quân đa tình, bay bướm này, có người yêu mà vẫn mơ tưởng tới người khác, tao sẽ đưa bài thơ này cho con Lan đọc để nó xé xác anh chàng ra trăm mảnh. Tôi mở trang báo, một bài thơ mới đăng ở trong vườn thơ tờ nguyệt san Tiếng Sóng. Bài thơ có tựa đề “Mơ Ước” và tác giả là – Ninh

Kiều, cánh thép cô đơn – Kiêu đã viết:

Anh chỉ có một ước mơ duy nhất

Đưa em về quê cũ, một ngày vui

Tay đan tay mình dạo bến sông dài

Và lặng ngắm hoàng hôn trên sóng nước

Nhưng mơ ước, chỉ hoài là mơ ước

Khi chúng mình đã chẳng hiểu lòng nhau

Hẹn làm chi? Cho lỡ một nhịp cầu!

Cho vương vấn, quắt quay hồn lính trẻ

Em yêu hỡi, phương này anh vẫn thế

Phố thị buồn, thờ thần bước đơn côi

Thành phố xa, cũng với bến nước dài

Anh lại ước, có em, người em nhỏ

Đã có lần anh trở về lối cũ

Nhìn hoàng hôn trên sóng nước. Buồn thôi!

Anh đã mơ, một lần nữa trong đời

Bên em, ngắm hoàng hôn trên sóng nước...

Tôi xếp lại bài thơ đưa trả cho Yến rồi nhẹ nhàng bảo nó:

– Khi anh Kiêu gửi bài thơ này đăng báo, thì anh đã không ngại là con Lan sẽ đọc được, nên mi đừng đưa cho nó đọc làm chi cho nó thêm buồn. Tao không biết sau này chuyện của nó với anh Kiêu ra sao, nhưng theo tao hiểu thì bây giờ Lan vẫn chưa có thể... xé xác anh Kiêu ra trăm mảnh.

Rồi tôi kể lại cho Yến nghe những lời nói của Kiều trong lần gặp lại ở cư xá vàng trước mùa thi. Yến dậm chân, tức tối:

– Mi khùng, con Lan khùng và anh chàng Kiều kia cũng khùng luôn. Mi thì được yêu mà không dám yêu lại. Con Lan thì người ta không yêu mình mà cứ mơ tưởng là yêu. Còn anh chàng Kiều thì yêu mà không dám tiến tới, chỉ dám ngồi than thở cho mỗi tình đơn phương. Để tao nói, nói ra hết cho hai người hết khổ, thà là, chỉ có một người buồn.

Tôi kéo tay nó ngồi xuống bên cạnh tôi:

– Mi làm gì mà gấp rút thế kia. Thì cứ để xem ông tơ bà nguyệt có se đúng mỗi chỉ hồng. Nếu tao và anh Kiều có duyên thì còn ngày gặp gỡ, phải không?

Nhưng rồi sau đó, tôi bỏ dang dở mùa học ở Văn Khoa, rồi bỏ quê hương tuần lễ cuối cùng của tháng Tư đen. Tôi đã không có dịp gặp được Yến, Lan, Kiều một lần sau cuối.

* * *

Một buổi chiều cuối tháng năm trong trại tị nạn Pendleton, trên đường đi thăm gia đình cô Hà từ đây lều trại Tám về, tôi nghe được một mẫu nhắn tin mới từ loa phóng thanh:

“Ninh Kiều, một cánh thép cô đơn, ra đi từ những ngày cuối cùng vội vã, lạc lõng trên xứ lạ, đang mong tin của người thân và bạn bè. Mai Trắng, em ở đâu? Nếu em vẫn độc hành trên bước đường tị nạn thì

hãy liên lạc với cánh thép ở lầu điều hành để chúng ta còn có những buổi chiều êm đêm nhìn hoàng hôn trên sông nước.”

Tôi bàng hoàng. Đúng là Ninh Kiều thật rồi, bởi vì đâu còn ai ngoài anh để muốn cùng Mai Trắng nhìn ngắm sông nước êm đêm trong ánh hoàng hôn. Anh cũng có mặt trong trại tị nạn miền Nam Cali này như tôi sao? Lầu điều hành không xa lầu của gia đình tôi là mấy, và tôi cũng hay đi lên lầu tôn giáo cũng ở gần lầu điều hành để dự lễ mỗi cuối tuần mà sao tôi chưa lần nào gặp anh? Chắc là anh vừa mới đến? Anh dám gửi lời nhắn tin tìm Mai Trắng trên máy phóng thanh như thế này thì có nghĩa là con nhỏ bạn Phương Lan của tôi đã không có dịp đi cùng với anh sang bến bờ tự do.

Từ ngày rời bỏ quê hương ra đi, tôi vẫn mang những bước độc hành trên

bước đường tị nạn vì cho đến giờ này tôi vẫn chưa có ai để tiếc nuối là đã bỏ quên một nửa phần hồn ở bên kia bờ đại dương. Tôi nghĩ, nếu tôi đáp lời tìm gặp lại Kiều trong lúc này thì chắc là anh sẽ... mừng ghê lắm. Núi rừng Pendleton này không có bến sông dài cho chúng tôi ngồi bên nhau nhìn sông nước, nhưng chúng tôi sẽ có những ngày sánh đôi với nhau trên những con đường mòn dẫn vòng quanh trại ngợp đầy hoa dã thảo vàng tươi. Và chúng tôi sẽ có những ngày tản bộ lên đỉnh đồi trại Một ngắm cảnh hoàng hôn mà nhớ đến quê nhà.

Nhưng tôi lại nghĩ... lỡ rồi tôi có những phút yếu lòng thì sau này làm sao tôi dám gặp lại nhỏ bạn Phương Lan của tôi đây? Giờ này nếu còn kẹt lại ở Việt Nam thì chắc Phương Lan đang khóc nhớ Ninh Kiều nhiều ghê lắm.

Tôi còn ở lại trại tị nạn thêm một tuần lễ. Suốt một tuần lễ, tôi tránh không đi ngang qua lều điều hành vì sợ sẽ gặp Kiều. Suốt một tuần lễ, ngày nào tôi cũng được nghe lời nhắn tin của cánh thép cô đơn. Nhưng những lời nhắn tin này đã được rút lại ngắn gọn:

“Ninh Kiều, cánh thép cô đơn, rất mong tin của người thân, bạn bè và... Mai Trắng.”

Nhưng tôi đã không đến lều điều hành để liên lạc với “cánh thép cô đơn” như lời anh kêu gọi. Thôi thì, nếu tôi và Ninh Kiều đã không có chút duyên tự thuở ban đầu thì bây giờ cũng không nên kết nợ cùng nhau.

Buổi sáng một ngày đầu tháng sáu, gia đình tôi rời trại tị nạn lên đường đi sang Louisiana định cư. Trước lúc lên xe

bus ra phi trường, tôi có gửi lại cô thư ký ở nơi làm giấy tờ xuất trại một lá thư nhỏ, nhờ trao về cho cánh thép Ninh Kiều ở lều điều hành. Lá thư chỉ vồn vện mấy hàng, bốn câu cuối cùng trong bài thơ ngày xưa tôi đã viết:

Sóng nước hoàng hôn đã nhạt rồi

Phút đầu gặp gỡ, lỡ làng thôi

Đã không duyên nợ, thôi đừng tiếc

*Nhớ chuyện ngày xưa, chỉ ngậm
ngùi...*

Bảo Trân

cách Pleiku 30 cây số về hướng tây nam.

Trong hai ngày 14 & 15 tháng Tư 1974, Tiểu đoàn 82 /BĐQ/QLVNCH bị hai Trung đoàn 48/SĐ320 & 64/SĐ320/CSBV xa luân chiến, tấn công bằng chiến thuật biển người. Sau những cơn mưa pháo là những đợt xung phong. Cuối cùng, địch đã dùng tới thủ pháo chứa hơi ngạt để dứt điểm.

Trưa 15 tháng Tư 1974 Cộng Quân tràn ngập căn cứ hỏa lực 711. Dù bị đánh văng ra khỏi căn cứ, Tiểu đoàn 82/BĐQ vẫn không bỏ chạy khỏi vùng. Gần hai trăm chiến sĩ bị thương nặng, nhẹ đã từ chối tản thương, họ đã đầu lưng cùng nhau bám đất, chờ tiếp tế đạn để phản công. Rồi hai ngày sau, với sự hỗ trợ của một tiểu đoàn bộ binh, Tiểu đoàn 82/BĐQ trừ (-) đã trở lại trận địa để đánh một cú hồi mã cực kỳ dũng mãnh. Dạ

chiến là sở trường của Biệt Động Quân Plei-Me, vì thế, chỉ sau hai đêm, lực lượng Cộng Sản bám trụ đã bị đánh bật ra khỏi vị trí cố thủ. Chiến dịch kết thúc với tổn thất nặng nề của cả đôi bên, ta và địch. Thiệt hại phía ta là trên 50 quân tử trận. Thiệt hại phía địch là trên 200 quân bị giết (trong đó có một thượng tá). Từ đó, căn cứ hỏa lực 711 được gọi kèm thêm cái tên ‘Đồi Thịt Bằm’. Trận chiến qua nhanh như mưa bóng mây, nhưng mãnh liệt như một cơn dông mùa hè.

Rồi, tình hình lắng dịu, địch và ta lại ghìm quân, chờ dịp ra tay khi phát giác sơ hở của kẻ thù. Ở Plei-Me, thời gian ấy, đơn vị tôi chịu trách nhiệm một vùng cố định. Tôi có cảm tưởng như mình là một tiểu tướng cầm quân thời Tam Quốc. Tôi đã phải nặn óc, vận dụng hết khả năng, kinh nghiệm, sở trường của

mình để đương đầu với một đơn vị địch mạnh gấp năm sáu lần đơn vị mình. Tôi biết rõ Sư đoàn 320 CSBV từ xuất xứ, tổ chức trận liệt, tới thói quen, sở trường, sở đoản. Địch thủ của tôi, những người chỉ huy tác chiến của Sư đoàn 320/ Điện Biên, cũng là những tay dày dạn kinh nghiệm trận mạc. Họ rất tinh khôn, và không kém can trường, liều lĩnh. Trong thời gian này, có một mẫu điện đàm của địch lọt vào đài kiểm thính của ta, trong đó, chính ủy Sư Đoàn 320 /Điện Biên, đã cảnh giác các đơn vị dưới quyền, ‘Phải tránh né tối đa mọi đụng độ trực tiếp với thằng Hai Nâu.’ Phòng 7 giải mã, cho tôi biết địch gọi TĐ82/BĐQ là ‘Thằng Hai Nâu.’

Một ngày, giữa tháng Sáu 1974, trong khi tôi cùng hai đại đội đang lục soát vùng nam núi Chư Gô thì được thông báo cái

điện thứ nhì, ‘Thằng Hai Nâu đang hoạt động dã ngoại, phải khẩn trương bồn tập, đánh tiêu hao nó...’ điện văn này của Bộ Tư Lệnh SĐ320/CSBV ra lệnh cho Trung đoàn 48/SĐ320. Sáng sớm hôm sau, từ đỉnh núi cao, qua ống nhòm, tôi thấy rõ những vết cỏ tranh trên những ngọn đồi hướng bắc Chư Gô rạp xuống như những luống cày. Hình như trong đêm, cả trăm người đã đạp trên cỏ để tiến về suối Lé (Ia Gláé). Suối Lé chạy dài từ đông bắc xuống tây nam, sát chân núi Chư-Gô. Con suối này cắt ngang trực tiến trên phóng đồ hành quân của tôi.

Tôi ra lệnh cho Đại úy Quách cơ Bình (k22 A) đang là tiểu đoàn phó giữ trại, đóng chặt cổng rào, nội bất xuất, ngoại bất nhập. Suốt ngày hôm đó, tôi đã dội hàng trăm quả cối 4.2 (106 ly) và đại bác 105 ly trên những hàng cây gai xanh

bên bờ con suối. Quân dã ngoại của tôi ém trong núi, không lửa khói, chịu đói. Rồi trong đêm, lợi dụng bóng tối, im lặng vô tuyến, theo đường tắt, tôi rút êm. Về tới cổng nam trại Plei-Me tôi mới lên máy gọi chú Bình. Chỉ chừng mười phút sau cú điện đàm giữa tôi và Đại úy Bình, thì từ biên giới Miên, địch đã nã khoảng hai trăm trái đại bác vào trại. Từ vài năm nay, hầu như tất cả điện đàm vô tuyến của ta đều bị địch nghe trộm. Âm mưu của địch đã bị ta phát giác, cú đánh tiêu hao không xảy ra. Hụt ăn, địch gõ gạc! Vụ pháo kích gây cho hai căn nhà tôle bị sập, và một binh nhì gốc Chợ Lớn bị tử thương. Rồi tình hình lại yên...

Cuối tháng Sáu có tin mật báo, một cấp chỉ huy Cộng Sản chiêu chiêu cưỡi ngựa, thám sát khu ngã ba làng Xổm (Plei Xôm). Làng Xổm nằm về hướng

bắc, dưới chân ngọn núi lửa, cách Plei-Me chừng bảy cây số. Làng này đã bị bỏ hoang từ lâu. Trên bản đồ hành quân, làng Xổm nằm sát ranh giới hoạt động của Trung đoàn 42/ Bộ Binh trừ (-) và Tiểu đoàn 82/ Biệt động Quân. Trung tá Nguyễn thanh Danh (k19 VB) trung đoàn phó Trung đoàn 42/ Bộ Binh đang chỉ huy cánh quân bộ binh.

Tôi muốn đích thân giảng dạy hạ thằng Việt Cộng gộc này. Sợ khi đụng trận, bắn nhầm quân bạn, tôi muốn anh Danh chia cho tôi thêm một cây số trách nhiệm về hướng bắc. Chuyện không thể nói trên vô tuyến, vì vậy tôi phải lái xe ra căn cứ 711 gặp mặt Trung tá Danh. Tại căn cứ hỏa lực 711, Trung tá Danh đi vắng, nhưng may mắn, tôi đã gặp Đại tá Nguyễn hữu Thông (k16VB) trung đoàn trưởng Trung đoàn 42 /SĐ22 Bộ Binh

đang có mặt. Tiểu đoàn tôi nằm dưới quyền giám sát hành quân của Niên trưởng Thông.

Niên trưởng Thông hỏi:

– Danh nó về Pleiku, mai mới vô. Cần gì vậy em?

Đứng trước tấm bản đồ hành quân, tôi kể cho Niên trưởng Thông nghe tin tức địch tôi vừa nhận được, và ý đồ hành động của tôi, rồi đề nghị:

– Niên trưởng nói thêm cho tôi một click về bắc, để tôi dễ bề xoay trở.

Đại tá Thông đồng ý ngay:

– Okay, Làm đi! Chắc tên Vi-Xi này tới số nên mới gặp chú...

* * *

Chuyến làm ăn dự trù này của tôi bị khựng lại vài ngày vì chú Quách cơ Bình (TĐ Phó) được lệnh chuyển về nguyên quán. Trong khi chờ một vị tiểu đoàn phó mới tới bổ sung, tôi đem Đại úy Bá, sĩ quan chỉ huy hậu cứ tiểu đoàn vào giữ đồn Plei-Me trong lúc tôi xuất trại. Toán viễn thám của Trung sĩ Nguyễn Chi và toán cận vệ của Hạ sĩ Nguyễn Ba sẽ tháp tùng tôi vào vùng. Lực lượng an ninh ban đầu để tôi thiết lập vị trí là Đại đội 1/82.

Khi tôi đã hoàn tất tổ chức địa thế, lực lượng này sẽ rút lui theo đường tắt để về phòng thủ trại. Lực lượng trừ bị cho tôi là Đại đội 3/82 của Thiếu úy Phạm đại Việt, sẽ án binh trong khu suối đá, bốn cây số hướng tây bắc Plei-Me. Tôi đã dự trù mọi phản ứng thích nghi nếu có

bất cứ trục trặc nào xảy ra bất ngờ. Trừ sáu người đi theo tôi trong chuyến làm ăn này, những quân nhân còn lại trong đơn vị hoàn toàn không biết thầy trò tôi đi đâu. Trên tần số, không ai được phép dả động tới việc tôi xuất trại.

Tôi chọn ‘Vùng làm ăn’ trên đoạn đường xe be cách ngã ba Tỉnh lộ 6C làng Xổm chừng một trăm mét. Hai bên bìa rừng của đoạn đường này không bị khai quang như hai bên lề Tỉnh lộ 6C. Cây rừng chen chúc nhau, lau lách um tùm, khu này rất thuận lợi cho một cuộc bố quân phục kích. Mờ sáng hai quả Claymore đã gài xong. Hướng nổ của hai quả mìn đánh chéo nhau thành hình chữ ‘W’. Bụi lau nơi mô đất giữa đường là điểm mồi. Hai lần đạn chì của Claymore sẽ giao nhau chỗ này. Tử địa chỉ dài chừng năm chục mét thôi, nhưng con mồi nào

lọt vào tử địa là coi như Diêm– Vương đã gọi. Ngày thứ nhất trôi qua, vô sự. Ngày thứ nhì trôi qua, vô sự. Ngày thứ ba, vào lúc mặt trời đứng bóng giữa đỉnh đầu...

Binh nhút Y Huynh nói nhỏ vào tai tôi,

– Thiếu tá! Có tiếng xe!

– Tao có nghe gì đâu?

Tôi quay sang hỏi chú Chi,

– Ê! Chi! Có nghe tiếng gì không?

Trung sĩ Chi nghiêng tai lắng nghe một lúc, rồi lắc đầu,

– Dạ không. Em không nghe gì cả! ...

Lúc sau, thằng Y Huynh vừa giựt vạt áo tôi, vừa càu nhàu,

– Em nghe rõ có tiếng máy xe mà ông thiếu tá! Đó! Đó! Nghe rõ chưa?

– Ủ! Tai thẳng này thính thiệt. Có tiếng xe xa lắm...

Rừng già xanh rì trải dài mênh mông. Trong gió, từ hướng tây, phía làng Gà (PLeì Bon Ga) có tiếng xe rồ máy. Tôi leo lên một ụ đất cao ngóng cổ quan sát. Từ xa, từng cụm khói xe phun lên khỏi đọt cây. Chim rừng hoảng hốt vụt lên không mỗi khi đoàn xe sắp tới gần nơi chúng kiếm ăn. Đoàn cơ giới đang tiến về phía chúng tôi, tiếng động cơ rõ dần, gần từng cơn, như tiếng xe tank, ít nhứt cũng cỡ năm bảy chiếc.

Tôi ghé tai chú Chi và chú Ba ra lệnh,

– Chuẩn bị đánh tank! Đánh gục chiếc đầu. Xong là rút liền!

Chúng tôi cấp tốc chuyển địa bàn phục kích về hướng đầu con dốc ngược trên đoạn đường xẻ ngang một ngọn đồi nhỏ. Con đường độc đạo chạy giữa hai bờ đất cao bốn, năm thước. Bảy Biệt Động Quân, bố trí trên bìa đường, dòm xuống. Tôi tin tưởng rằng, với hai ống M72 và hơn chục quả lựu đạn vừa miểng, vừa lân tinh, thế nào tụi tôi cũng <thịt> được một chiếc tank đi ngù ngờ dưới kia (!) Chúng tôi nín thở, nép mình trong cỏ, đợi chờ...

Tiếng động cơ đã gầm gừ dưới chân dốc. <Ỉm! Ỉm!...ì...ì...ì...Ỉm!...> đoàn xe rồ máy lấy đà leo lên. Thời nhẩy toán trong Plei-Trap Valley (1972) tôi đã có dịp nghe tank địch chạy sát bên mình vài lần. Ngoài tiếng động cơ gần từng cơn, tank di chuyển còn gây tiếng ‘két! két!’ của xích sắt khi móc xích bám vào guồng

quay. Lần này, chiếc tank đang tiến tới không gây ra tiếng ‘két! két!’

Cành lá rung rinh, mặt đất cũng rung rinh khi chiếc chiến xa đầu tiên tiến lên đỉnh dốc. Vòm tre xanh đầu dốc đang bị chẻ đôi bởi chiếc cần cầu trên xe đang di chuyển. Thì ra đó chỉ là một chiếc xe be! Cái cần cầu sơn đỏ của nó cao hơn ngọn tre, nhô lên không. Tôi vội nắm sợi dây ba chạc của chú Chi, ra dấu cho chú dừng phóng viên M72 đi. Dưới đường, chiếc xe be thứ nhứt rồ máy liên tục để lấy đà, kéo chiếc thứ nhì sau lưng. Vì phải kéo một sức nặng gấp đôi, nên động cơ xe gầm rú dữ dội. Mới nghe, ngỡ tiếng máy xe tank. Chúng tôi thở phào, nhẹ nhõm. Thoáng chốc, đoàn xe be năm chiếc theo nhau qua con dốc. Chú Ba lăm bằm,

– Đồ phá thói!

Thấy công việc làm ăn không thuận lợi, tôi cho lệnh cuốn gói. Theo đường tắt, chúng tôi rút về tiền đồn bắc của trại. Khoảng bốn giờ chiều, toán canh gác báo động xa trên Tỉnh lộ 6C cách trại hai cây số báo cáo có mười hai người dân khai thác lâm sản xin vào trại tá túc vì xe be của họ bị hư không thể chạy về Pleiku. Tôi cho lệnh toán an ninh giữ họ tại chỗ chờ tôi xuống tiếp xúc với họ. Đám dân khai thác gỗ này gồm một phụ nữ, một chú bé và mười đàn ông. Người thiếu phụ tuổi trên dưới ba mươi, nhan sắc dễ coi. Mặt chị ta có một vết chàm trên má. Chị khai là chủ hai chiếc xe be, một chiếc bị Việt Cộng bắn cháy đầu máy, phải kéo. Qua đoạn đường đèo ngã ba làng Xổm thì chiếc xe kéo bị ‘lột dên’ không tiếp tục được. Họ biết đường vào Plei-Me để đi hơn đường ra căn cứ 711 nên xin vào tá túc. Tôi cho

phép đoàn người làm rừng này vào đồn, tạm trú qua đêm trong Câu Lạc Bộ tiểu đoàn.

– Tôi là người quen của Trung tá Danh... bà chủ xe be khỏe với tôi.

– Tại sao xe của bà bị Việt Cộng bắn? Bộ bà không đóng thuế cho Cộng Sản à?

– Hai tuần nay họ ra lệnh cấm xe be vào khu vực quanh Ia-Drang. Vi phạm lệnh cấm là họ bắn. Tụi tui không rõ lệnh này, nên họ bắn bể két nước chiếc xe đi đầu. Tha cho những chiếc chạy sau, rồi đuổi chúng tôi về.

– À ra thế!

Tôi hỏi chuyện những người thợ rừng về tin tức địch, nhưng họ cũng không biết gì hơn. Tôi vào máy, gọi Trung tá Danh, báo cho anh biết tin tức người quen của

anh đang tá túc trong trại Plei-Me, sáng mai đoàn xe của họ sẽ dắt dìu nhau về qua căn cứ 711.

* * *

Ngày kế tiếp...

Mặt trời lặn lẽ nghiêng từ từ xuống rặng Chư Prong sát biên giới Việt Miên.

‘Oách! Oách! Oách!... Quàng! Quàng! Quạc! ...Ụt! Ụt! Ụt!...’ đàn chim khách rời cành, vụt bay lên không. Hướng tây, tiếng chim rộ từng chập. Chúng tôi nín thở.

‘K>rọc! ...K>rọc! ...’

– ‘Hùm! ...Hùm!.. ’

Có người đang đi tới! Nhưng tiếng động phát ra nghe lạ quá!

Con cóc Claymore trên tay tôi đã sẵn sàng.

Tiếng ‘K’rọc! ...K’rọc! ...’ – ‘Hùm! ...Hùm! ...’ gần hơn, tiếp đó là lao xạo bước chân dẫm trên lá khô. Một bóng người ngã trên đường. Cái bóng dài dần tới gần điểm mốc, ranh giới của tử địa.

‘K’rọc! ...K’rọc! ...’ – ‘Hùm! ...Hùm! ...’ Trong nắng xế tà, một đàn ông Thượng, cời trần, đóng khố, vuông khăn xéo quấn trên trán, miệng phì phà ống vố, đang vô tư bước trên đường xe be. Tay phải anh ta giữ chuôi con dao quắm vác trên vai. Mỗi khi nuốt xong một đợt khói thuốc, anh chàng này lại hắng giọng, ‘Hùm!...Hùm!..’ Còn tiếng ‘K’rọc!...K’rọc!...’ đều đều là do con dao ngắn trong bao tre trên hông anh ta, lắc lư theo nhịp bước. Anh dân Thượng đứng đĩnh đi qua tử địa. Bóng anh ta mất hút

chỗ khúc quanh nơi con đường mòn nhập vào Tỉnh lộ 6C. Núi rừng lại trở về cảnh cũ, lạnh lùng, vắng lặng. Chớm bóng chiều. Muỗi rừng ‘O...o...o...’ sau gáy. Sợ địch đánh hơi nghi ngờ, dù nằm cuối gió, chúng tôi cũng không dám xoa thuốc chống vắt, chống muỗi. Những con muỗi quái ác, thấy con mồi không phản ứng tự vệ, nên châm chích trên da thịt chúng tôi một cách thoải mái. Có con bị bội thực, ềnh bụng no máu, lăn kênh ra bò, không bay nổi. Chúng tôi cắn răng chịu đựng nỗi ngứa dầy vò, không dám gãi, không dám đuổi xua đàn muỗi đói.

Chợt rừng chiều xào xạc...

‘Oách! Oách! Oách! ...Quàng! Quàng! Quạc! ... Ụt! Ụt! Ụt!...’ Hướng tây, đàn chim khách lại rời cành, vụt bay lên không. Lần này tiếng chim rộn rã, dồn dập hơn lần trước. Rồi chúng tôi

thót tim, khi nghe tiếng vó ngựa nện trên đường, ‘Lộp cộp!...Lộp cộp!...Lộp cộp!...’ Tôi hít một hơi dài cho không khí vào đầy lồng phổi. Tay tôi cầm chắc con cóc Claymore. Tôi liếc mắt ra dấu cho chú Ba. Ba gật đầu, tay chú cũng đang nắm chắc một con cóc Claymore.

‘Lộp cộp! ...Lộp cộp! ...Lộp cộp! ...’ một con ngựa đen, cao to, chắc nó thuộc dòng giống ngựa thổ, lưng thững tới gần bụi lau có đánh mốc bên đường. Trên lưng ngựa là một người to lớn, y phục đen, có dây súng lục đeo chéo qua vai.

Tôi nghiêng răng, bấm cò con cóc,

‘K’rạch!’

Con cóc đã kích hỏa, nhưng quả mìn không nổ!

Con ngựa như nghe được tiếng động lạ, nó đứng dừng lại, hai vó trước dờ hổng, quơ quơ lên trời.

‘Hí!... Hí!... Hí!... í!... í!... í!...’ Con ngựa cất vó, ngựa cổ hí.

Một cái bóng đen bay vòng qua đầu con ngựa, rơi trong bụi lau bên kia đường.

‘Oành!’ quả Claymore của Hạ sĩ Ba nổ! Ào ào một cơn lốc bụi đỏ bốc lên, kéo theo cành lá gãy. Tiếp đó, ‘Rẹt! Rẹt! Rẹt!...’ bảy khẩu M16 bắn chéo nhau, đạn đạn sát mặt đất.

Con chiến mã quằn quại trên mặt đường xe be, miệng phì phì sùi bọt.

Tôi và Trung sĩ Chi tiến ra chặn nút hai đầu đường. Hạ sĩ Ba và bốn tay súng băng nhanh qua đường, kiểm soát

kết quả. Mình ngựa bị ghim đầy vết Claymore và vết M16. Nhưng trong vòng bán kính một trăm mét, chúng tôi không tìm ra dấu tích của chủ nó. Đại đội 3/82 của Thiếu úy Phạm đại Việt đang hoạt động vùng tây bắc Plei-Me được điều động hỏa tốc tiến về hướng bắc, ngăn chặn con đường về làng Gà.

Suốt ngày hôm sau, chúng tôi lục soát từng tấc đất quanh vùng tử địa. Nơi con suối hướng bắc con đường, chúng tôi tìm được dấu giày lưu lại của con mồi. Con mồi đã thoát thân thẳng về hướng bắc.

Tôi kiểm lại quả Claymore của tôi thì phát giác ra rằng, sức điện đã làm đứt một trong hai sợi dây chì gắn vào đầu ngòi nổ, khiến dòng điện bị ngắt, trái mìn câm.

Chú Chi cảm râm,

– Chắc thằng ‘cội’ này có bùa!...

* * *

Ít lâu sau...

Trung đoàn 42/SĐ22 Bộ Binh chuyển vùng hoạt động về Bình– Định, căn cứ 711 được bàn giao cho Liên đoàn 24 BĐQ trách nhiệm. Lúc này vùng hành quân của TĐ 82/BĐQ được thu hẹp lại về hướng nam hai cây số. Làng Xổm nằm trong vùng trách nhiệm của TĐ81/BĐQ. Thiếu tá Nguyễn ngọc Lân đã đặt bản doanh Bộ chỉ huy Tiểu đoàn 81/BĐQ của ông ngay dưới chân ngọn núi lửa nơi ngã ba làng Xổm.

Trưa 27 tháng Bảy 1974 chiến

địch tấn công xóa sổ đồn Plei-Me mở màn. Với sự yểm trợ trực tiếp của một tiểu đoàn pháo, Trung đoàn 64/SĐ320 CSBV hướng bắc, Trung đoàn 48/SĐ320 CSBV hướng nam, đồng loạt mở một cuộc bôn tập tập kích hai tiểu đoàn Biệt Động Quân đang hành quân mở đường dọc Tỉnh lộ 6C. Sau hòa đàm Paris, chiến thuật bôn tập tập kích đã được các đơn vị Cộng Sản thuộc Mặt Trận B3 áp dụng một cách bài bản và hiệu quả. Chiến thuật này là một sự phối hợp nhịp nhàng giữa pháo kích và di chuyển tập kích. Bộ binh địch khẩn cấp di chuyển băng rừng tiến tới mục tiêu, trong khi pháo địch tác xạ tối đa trên vị trí quân ta. Khi pháo địch vừa ngừng thì bộ binh địch đã ở kế bên ta rồi. Ta chưa kịp chấn chỉnh đội hình thì địch đã xung phong. Vì vậy, ngay đợt xung phong đầu, Việt Cộng đã chặt đầu Thiếu tá Nguyễn ngọc Lân, vị tiểu đoàn

trưởng của TĐ81/BĐQ bên chân núi lửa. Cùng ngày, chúng đã bắt làm tù binh ông tiểu đoàn phó TĐ81/BĐQ là Thiếu tá Trần văn Ngọc (k18 VB).

Trong khi đó, tại mặt trận phía nam, Trung đoàn 48/SĐ320 của địch không tiến được bước nào. Suốt ngày 27 tháng Bảy 1974, ba đợt tập kích của địch đều bị chặn đánh từ xa bởi những toán viên thám. Pháo địch dứt, nhưng tiền quân địch chưa tới mục tiêu. Khi lực lượng tập kích địch tới được mục tiêu thì khả năng tác chiến đã giảm đi nhiều. Mục tiêu của địch là con đường, nhưng trên mặt đường và hai bên đường trống trơn, địch xung phong vào chốn không người. Trước đó, pháo địch nổ dày đặc trên mặt Tỉnh lộ 6C chỉ cày xới đất đá vô tri, vì quân mở đường của TĐ82/BĐQ không trải dài trên trục lộ như thói quen của

các đơn vị khác khi hành quân khai lộ, mà đóng chốt chặn các trục xâm nhập bằng cấp đại đội với hồ cá nhân và giao thông hào. Cách bố quân dã ngoại đặc biệt lạ lùng này của TĐ82/BĐQ đã khiến Trung đoàn 48/SĐ320 CSBV không thi thố được sở trường bôn tập của nó. Lần đầu tiên trên chiến trường Tây– Nguyên, chiến thuật bôn tập, tập kích của Mặt Trận B3 thất bại.

Những ngày sau đó, tiền đồn Plei-Me bị cô lập, và địch lại tiếp tục cái màn xa luân chiến. Hết Trung đoàn 48/SĐ320 đến Trung đoàn 64/SĐ320, rồi tới Trung đoàn 26 Địa Phương/Mặt Trận B3 thay nhau phơi thây trên các lớp rào kẽm gai phòng thủ Plei-Me. Hai mươi đợt biển người, biển lửa, mưa pháo, mưa truyền đơn của Sư Đoàn Điện Biên vẫn không hạ nổi lá cờ vàng ba sọc đỏ phần phật

tung bay trên ngọn cột gỗ giữa sân tiền đồn biên phòng này. Trận đánh đã kéo dài ba mươi tư ngày đêm. Sáng mùng 2 tháng Chín 1974 chiến dịch vây hãm Plei-Me chấm dứt. Thêm một lần đụng độ, ‘Thằng Hai Nâu’ đã chứng tỏ cho địch biết rằng, ở Tây Nguyên, Tiểu đoàn 82/Biệt Động Quân là một địch thủ vô cùng lợi hại, một địch thủ chúng không thể đánh bại. Trung đoàn 48/SĐ320 là đơn vị địch bị thiệt hại nặng nề nhất trong đợt cao điểm này. Trung đoàn này phải rút về biên giới để bổ sung và tái huấn luyện.

Tới đầu năm 1975, Trung đoàn 48/Sư đoàn 320 được giao nhiệm vụ chủ công trong chiến dịch tấn công Ban Mê Thuột. Lúc đó Tiểu đoàn 82/BĐQ đã chuyển vùng về bảo vệ tỉnh Quảng Đức. Vì thế ‘Thằng Hai Nâu’ và những

đơn vị trực thuộc SĐ320/Điện Biên CSBV không còn dịp nào chạm mặt nhau nữa...

* * *

Sài Gòn, ngày 7/5/1975,

Hai chiếc xe con của Quân Đội Nhân Dân Việt Nam ngừng lại nơi đầu hẻm TK9, phường Nguyễn cảnh Chân, Quận 2, Sài Gòn. Một người cao lớn, bạn quân phục lực lượng vũ trang Cộng Sản Bắc Việt bước xuống từ chiếc xe thứ nhất. Ông ta trạc tuổi trên bốn mươi, đeo kính râm, cặp da, súng ngắn. Ve áo ông ta lấp lánh quân hàm thượng tá của Quân Đội Nhân Dân Việt Nam, với ba sao, hai gạch vàng, trên nền nỉ đỏ. Xe thứ nhì có máy

truyền tin với bốn bộ đội trang bị AK. Người sĩ quan Bắc Việt cùng hai hộ tống viên đi vào ngõ TK9, tìm địa chỉ.

Tôi căn lầu đúc gần cuối hẻm, họ dừng lại. Người sĩ quan CSBV cất tiếng hỏi,

– Phải nhà này có Vương mộng Long không?

Lúc đó tôi đang ngồi đọc báo nơi phòng khách. Tôi ở nhà một mình. Mẹ tôi đi vắng. Bà cụ lên Ban Mê Thuật để tìm kiếm vợ con tôi.

– Phải! Các ông cần gì?

– Tôi muốn gặp Vương Mộng Long.

Thấy có người trang bị súng ống đến tận nhà gọi đích danh mình, tôi liền tưởng ngay tới một vụ bắt bớ. Tuy hơi chột dạ, nhưng tôi vẫn từ tốn trả lời:

– Tôi đây!

– À! Anh Long đây hử? Anh Long có mạnh khỏe không?

– Cám ơn ông, tôi vẫn khỏe.

Ông thượng tá Quân Đội Bắc Việt quan sát tôi vài giây rồi nói:

– Vất vả hai ngày nay tôi mới tìm được địa chỉ của anh. Tôi có chuyện muốn nói với anh, anh có vui lòng tiếp tôi hay không?

– Vâng, mời ông vào nhà.

Để hai cận vệ đứng gác bên cửa ngăn đám trẻ con hàng xóm tò mò bu quanh, người sĩ quan CSBV bước vào nhà tôi. Ông ta không hề đảo mắt quan sát căn phòng khách. Ít người có thái độ thế này khi vào nhà người lạ. Ông gỡ cặp kính đen, bỏ mũ xuống mặt bàn, chìa tay

ra cho tôi bắt. Bàn tay to lớn, sần sùi, rắn chắc, nhưng rất ấm. Rồi ngồi ngay xuống ghế, với giọng oang oang, tiếng Bắc, pha chút âm sắc lơ lơ Thượng Du Bắc Việt, ông ta mở lời:

– Anh Long có nhận ra tôi không?

– Xin lỗi! Ông là ai? Tôi không nhớ đã gặp ông lúc nào.

– Tôi là người bị anh giết hụt ở Tây Nguyên cách đây một năm.

– À...

– Tháng Sáu năm ngoái, anh đã phục kích tôi ở làng Xổm. Con ngựa của tôi bị bắn chết, nhưng tôi thoát. Tôi muốn gặp anh, xem mặt anh, nói chuyện với anh vài phút. Thế nào, có được không?

– Ừ...ừ.. ông cứ tự nhiên...

Đôi mắt ông khách sáng quắc, giọng nói của ông oang oang, cung cách của ông thật là chất phác thực thà. Lăn lượ, ông thượng tá hỏi qua quê quán của tôi nơi nào ngoài Bắc? Năm nào gia đình tôi vào Nam? Gia cảnh tôi thế nào? Vợ con tôi ra sao? Tôi tình nguyện đi lính Ngụy hay đã bị bắt lính, động viên? Bao nhiêu lần thương tật? Bao nhiêu lần được tặng thưởng huân chương?

Qua thái độ và giọng nói của ông ta, tôi thấy người địch thủ cũ của mình không có ý tâm thù. Vì thế, lòng tôi cũng cảm thấy bớt lo ngại. Người sĩ quan Bắc Việt ôn lại chuyện xảy ra trong những ngày tháng khói lửa mịt mù ở Điện Biên Phủ, ở Quảng Trị, ở Tây Nguyên.

Ông khách thao thao :

– Tôi là con quan Lang xứ Cao Bằng.

Mười bảy tuổi tôi vào bộ đội đánh Tây. Tôi phục vụ Sư đoàn 320 từ ngày thành lập, cho tới tận bây giờ. Đánh Điện Biên tôi làm đại đội trưởng. Tôi thời đi B, xâm nhập Miền Nam, tôi làm trung đoàn trưởng. Mười năm đánh Tây, hai mươi năm chống Mỹ, vào sinh, ra tử. Giờ này mới thấy hòa bình... Ông khách kể tự truyện, theo đó, trước 1945 ông học trường Tây ở Hà Nội. Ông sắp thi ‘Diplôme’ thì Cách Mạng Tháng Tám xảy ra, ông đi theo kháng chiến, giữ chân liên lạc viên, rồi thành bộ đội. Ông kể chuyện đánh thắng Điện Biên, thời Tây, chuyện giải phóng Tân Cảnh, thời Ngụy, chuyện hai lần suýt bị máy bay B 52 làm cỏ ở Pơ-Lây Cẩn (Ben Het), chuyện Sư đoàn 320/Điện Biên CSBV rời địa bàn Kontum, chia đôi, một nửa về chiến trường Bình Định, một nửa xuôi Jarai. Rồi khách rầu rầu vẫn tắt nhắc trận thư hùng tháng Tư

1974 bên bờ Suối Mé (căn cứ 711). Trận này, sau khi dùng hơi ngạt để tấn công tôi, suýt tí nữa ông ta đã bắt sống được tôi, nhưng cuối cùng, ông ta đã thua tôi (TĐ82/BĐQ).

Khi kể tới trận vây đồn Plei-Me 34 ngày đêm (tháng 7&8 năm 1974) ông ta la lớn:

– Đúng là kỳ phùng địch thủ! Tôi không ngờ trên đời lại có thằng lì như cậu! Hết xung phong tới pháo, hết pháo tới truyền đơn, hết truyền đơn lại pháo. Vậy mà cậu vẫn không chịu đầu hàng! Cuối cùng tại tôi phải bỏ cuộc! Gớm thật!

Sau câu, ‘Gớm thật!’ ông ta vỗ đùi đánh ‘độp!’ một cái, rồi nhìn tôi, tán dương,

– Lì thật! Tôi khen cậu đó!

Tiếp theo, khách thao thao về chiến tích của trung đoàn chủ công giải phóng Buôn Ma Thuột tháng Ba 1975 và màn bôn tập Quân Đoàn 2 Ngụy trên đường rút chạy. Với chiến công này, ông trung tá trung đoàn trưởng CSBV đã được thăng cấp thượng tá. Khách nói nhiều hơn chủ nhà. Khách nói say mê, miên man, trong lúc chủ nhà chỉ ậm ừ. Ông ta là kẻ chiến thắng, có thể để nói. Tôi là người thua trận, mở miệng mắc quai. Trên môi khách là nụ cười tự hào. Trên môi tôi, nụ cười như mếu.

Trong dịp gặp mặt ngày hôm ấy, ít nhất, đã ba lần, ông ta thắc mắc :

– Động cơ nào khiến cậu chiến đấu một cách ngoan cường, lì lợm như thế?

Tôi chỉ trả lời thật gọn,

– Vì chữ hiếu!

Nghe vậy, ông ta có vẻ không thỏa mãn với câu trả lời của tôi, nhưng ông ta cũng không gặng hỏi thêm.

Cuộc thăm viếng chấm dứt, tôi tiễn người khách không hẹn gặp ra về. Nơi bậc cửa, khách nhìn vào mặt tôi, dịu giọng như thông cảm,

– Tôi còn ở Sài Gòn ít lâu nữa. Tôi được đề cử vào đây dự lễ nhận huân chương do Bác Tôn trao tặng. Trước lúc chia tay, tôi muốn nói với anh rằng, chúng ta đã đánh nhau hai lần trên Tây Nguyên, hai lần bất phân thắng bại. Cuối cùng, anh là người thua trận. Dù rằng anh là lính Ngụy, tôi vẫn coi trọng anh, vì anh là một ngôi sao sáng hiếm hoi. Tôi với anh như Sao Hôm với Sao Mai, anh sáng thì tôi tối, anh tối thì tôi sáng. Hôm nay tôi đến thăm anh, an ủi đôi lời. Thương cho anh, một vì sao rụng.

– Cảm ơn ông.

Vào lúc người sĩ quan Cộng Sản cất bước, tôi cố với theo,

– Ở tuổi Mé ông giết hụt tôi. Ở làng Xổm tôi giết hụt ông. Thế là hòa. Còn trận Plei-Me ba mươi tư ngày đêm, thì ông thua tôi rành rành. Về cái vụ Ban Mê Thuật, tôi công nhận, ông đã chiến thắng. Nhưng người đánh nhau với ông ở Ban Mê Thuật không phải là tôi.

– Anh nói đúng. Trong trận Buôn Ma Thuật không có ‘Thằng Hai Nâu’. Và trong số những người bị tôi bắt, không có anh...

Khi thốt ra những lời cuối cùng này, mặt ông ta hơi sầm lại, ngượng ngùng.

Vài phút sau, hai chiếc xe con của Quân Đội Nhân Dân Việt Nam và người

khách không mời rồi con hẻm.

* * *

Đầu năm 1988 tôi được tha từ trại cải tạo Z30D Hàm Tân, Thuận Hải.

Tháng 11 năm 1988, tôi nộp đơn xin xuất cảnh sang Hoa Kỳ tỵ nạn.

Từ tháng giêng 1990, những người bạn nộp đơn xin xuất cảnh cùng thời với tôi như Phan trần Bảo (Cảnh Sát), Đỗ Dũng (KQ), Lý ngọc Châu (BĐQ) vân vân, đều đã lên danh sách, chờ ngày phỏng vấn. Riêng hồ sơ của tôi và hai anh bạn Nguyễn thanh Danh (k19VB) và Lê văn Để (BĐQ) vẫn bật vô âm tín. Tháng 8 năm 1990 tôi tới sở Công An Quận 1 Thành phố để hỏi hồ sơ của mình thì được biết, cô Huyền, người nữ Công An phụ trách hồ sơ của tôi đang nghỉ phép

để. Sau khi để, cô ta lại chuẩn bị theo học một lớp Anh Văn kéo dài nửa năm. Một anh bạn gốc Không Quân đã giúp tôi rút hồ sơ ra để chuyển lên Sở Ngoại Vụ. Anh Danh và anh Để cũng vừa lấy được hồ sơ ra, họ rủ tôi đi Hà Nội làm thủ tục xuất cảnh để được cứu xét nhanh hơn. Người ta nói rằng, nếu đem hồ sơ ra Hà Nội nộp cho Phòng Xuất Cảnh Bộ Ngoại Giao, sẽ lướt qua ít nhứt vài ba danh sách.

Hà Nội, với tôi, cũng có chút kỷ niệm riêng tư thuở ấu thơ. Tôi vẫn mong một dịp nào đó trong đời, về lại chốn này, tìm dư hương ngày cũ. Tôi đạp xe một vòng quanh Sài Gòn, gặp người quen, xin viện trợ. Trung tá Bùi văn Huấn, cựu liên đoàn trưởng Liên đoàn 22/ Biệt Động Quân giúp tôi 100 nghìn đồng. Bạn tôi, (TQLC) Mai văn Tấn (k21VB) cho tôi

100 nghìn đồng. Và anh Vũ Văn Ích, một người anh con dì con già của tôi cũng giúp tôi 100 nghìn đồng nữa. Thế là tôi có đủ lộ phí lên đường về Hà Nội.

Hà Nội, một ngày tháng 8 năm 1990...

Tôi xuống ga Hàng Cỏ vào buổi chiều. Thành phố thật rộn rịp đông vui, đầy người qua, kẻ lại. Loa phóng thanh trên cột điện bên đường và trên cổng vào ga đang oang oang phát đi những bài hùng ca thời chiến tranh chống Mỹ. Tôi bước vội qua đường, vì nhìn thấy bên phải con đường đâm thẳng vào cổng ga có cái bảng hiệu một khách sạn bình dân. Tôi vừa đặt chân trên lề phố bên kia, một người đàn ông lớn tuổi đã đứng chờ, dơ tay ngoắc,

– Tìm nhà trọ phải không?

– Phải...

– Phòng ngủ quốc doanh bảy nghìn một đêm, nước tắm giới hạn, khổ lắm! Về nhà tôi, năm nghìn một đêm, nước nôi thả cửa...

Tôi không tin lời người đàn ông này. Tôi vào phòng ngủ quốc doanh.

– Một người, bảy nghìn một đêm, cứ thêm một người, tính thêm ba nghìn...

Tiếp viên phòng ngủ quốc doanh cho giá cả một cách dứt khoát.

Tôi bước ra cửa, người đàn ông đứng tuổi đã chờ sẵn,

– Bên kia đường...theo tôi...

Tôi theo chân người chủ nhà vào khu cư ngụ của công chức về hưu, đối diện với khách sạn quốc doanh. Khu

cư xá này có khoảng trên dưới chục căn phòng. Ông chủ nhà trọ dẫn tôi vào căn phòng bên trái cư xá,

– Nhà tôi đây...

Rồi ông ta chỉ cho tôi cái sạp gỗ bên phải buồng ngủ,

– Chú ngủ ở đây. Cái tủ đứng có năm ngăn, ngăn thứ nhất dành cho chú, chìa khóa nằm trong ngăn tủ, đi đâu nhớ khóa ngăn của chú lại. Tắm giặt thì ra đằng sau nhà, có mười phòng tắm, nước chảy cả ngày. Bên khách sạn quốc doanh không có nước phong-ten, tắm theo tiêu chuẩn, một thùng hai chục lít. Bên này, chú tắm chán thì thôi...

Ông chủ dẫn tôi ra sau nhà, nơi đây có một dãy mười phòng tắm có vòi hoa sen thơm tất sạch sẽ. Tôi thay bộ quần áo đi

đường đầy bụi bặm chuẩn bị đi giặt. Ông chủ nhà lại ra đi. Tôi tắm giặt xong, quay về buồng thì ông chủ cũng trở lại, theo chân ông là một khách đàn bà. Cô ta sẽ nằm trên cái sạp đối diện với tôi. Học tử thứ nhì của chiếc tủ đứng thuộc quyền cô ta. Một cái sạp, một ngăn tủ, tắm giặt thả giàn, năm nghìn một đêm, rẻ chán! Ông chủ nhà ngủ trên cái sạp sát tường, cách đầu giường tôi và đầu giường cô gái một lối đi rộng hai thước. Ba cái sạp kê thành hình chữ «U». Ba người nằm trong một căn phòng hẹp, một người phát ngôn, hai người kia đều nghe rõ...

– Này! Chú em nhà ở đâu mà phải ngủ ghé, không về? Ông chủ nhà gọi chuyện.

– Hải Dương

– Hải Dương xe chạy cả đêm, sao không về?

- Tôi có việc phải ở Hà Nội vài ngày...
- Ủ hủ! Vậy chú chú em làm nghề gì?
- Buôn bán làng nhàng, theo tàu, ngược Bắc, xuôi Nam...
- Có thường ghé Sài Gòn không?
- Chuyến nào mà chẳng ghé...
- Ba, bốn năm nay anh không ghé Sài Gòn, bây giờ chắc đông, vui lắm nhỉ?
- Vâng, đông lắm, vui lắm... vậy chú bác đã ở Sài Gòn hử? Bác làm gì trong đó?
- Tôi dạy học. Tôi dạy Đại Học Khoa Học...
- Ủa! Vậy ra bác là giáo sư...
- Tôi dạy đại học từ bấy năm (1975)

tối tám năm (1985). Tám năm thì tớ về hìu...

– Tám năm, bác còn trẻ, sao về hưu sớm thế?

– Về vườn thì đúng hơn. Mới giải phóng, chúng nó cần mình. Sau... chúng nó thải mình, cho họ hàng, bà con, anh em, con cái chúng nó thay mình, kiếm ăn...

– Bác dạy môn gì trong thời gian đó? Chắc bác có bằng cao học, hay tiến sĩ?

– Bằng cấp con khỉ mốc! Tôi đang học lớp ba, chưa thi Sơ Học Yếu Lực (thời Tây) thì xảy ra cách mạng. Ba mươi năm theo Đảng, vốn liếng của tôi chỉ có mớ lý thuyết Cộng Sản thuộc nằm lòng. Giải phóng Miền Nam xong, Đảng ủy yêu cầu

tớ dạy Lý Thuyết Đảng cho học sinh đại học. Lúc đầu tớ cũng khớp, không dám nhận. Sau đó tớ đánh liều. Mà quả thật, có ai biết mình là thằng dốt đâu? Mười năm, nhờ ơn Đảng, tiếng nói của một thằng i-tờ-rít như tớ tự nhiên có trọng lượng... học sinh nghe theo răm rắp...

– Rồi sau đó...

– Rồi sau đó ư? Tụi nhỏ du học Liên Xô, Tiệp Khắc trở về. Chúng nó thay chân những tên i-tờ như tớ... tớ về hieu, xin được căn hộ này để ở. Già rồi, không ai thèm thuê mướn, tớ đành kiếm khách lỡ độ đường, cho họ trọ qua đêm, kiếm cơm...

– Chắc cuộc sống của bác cũng khấm khá?

– Bữa no, bù bữa đói. Mưa thuận

gió hòa thì có đồng ra, đồng vào. Giông bão vài ngày, không có khách, là meo mớ rồi. Sung sướng gì đâu em ơi!

Tôi trải cái bản đồ thành phố Hà Nội trên sạp, dò tìm con phố Hàng Bài. Cô khách trọ cùng phòng tò mò rướn cổ sang theo dõi,

– Tìm cái gì đấy hở?...

– Phố Hàng Bài...

– Hơi xa đấy nhá! Cứ gọi xích lô là đến ngay! Tìm làm gì cho mệt xác!

Ông chủ nhà nằm ngửa, mắt lim dim nhìn trần nhà, miệng cười khì khì:

– Chú em đi buôn đường Sài Gòn, Hà Nội mà không biết phố Hàng Bài ở đâu thì có ngày lố ngớ đem hàng nộp cho dinh Thủ Tướng...

Tôi đành nhỏ giọng, thú thật:

– Tôi là sĩ quan của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, cựu tù cải tạo. Tôi ra Hà Nội để nộp đơn đi Mỹ...

– Tôi cũng đã nghi như thế, khi nghe giọng nói của chú em không còn thuần túy Hải Dương. Chỉ vì tôi cũng là dân Hải Dương. Trước chú, đã có đôi người của chế độ Sài Gòn cũ ghé đây, ngủ trọ, nộp đơn, chờ ngày ra đi. Mỹ quốc là thiên đường cho những người sa cơ, lỡ vận. Đời chú như thế là may mắn lắm rồi...

Ông giáo sư đại học về hưu thở dài:

– Con đường của chú đi, thấy sai mà đúng. Con đường của chúng tôi đi, thấy đúng lại sai...

Đêm xuống đã lâu, phố phường bớt

người qua lại, nhưng trên đài phát thanh Hà Nội, Tô Lan Phương còn đang biểu diễn bài ‘Cô Gái Vót Chông’. Giọng cô Ca Sĩ Nhân Dân cao vút, nhọn hoắt như những ngọn chông tre. Những ngọn chông tre thời chống Mỹ, từ trên cột đèn và cổng nhà ga, theo nhau tới tấp lao vào màng nhĩ khách bộ hành. Ông chủ nhà thấp ngọn đèn dầu đặt trên nóc tủ. Ông tắt điện, căn phòng chột tối. Cánh cửa gỗ khép lại, cài then. Gõ cửa khá dày, những ngọn chông Tô Lan Phương bị chặn lại ngoài hiên.

Sau mấy ngày ngồi gật gù trên xe lửa, tôi thấy cái sập gỗ của nhà trọ êm ái quá. Tôi nằm duỗi thẳng cẳng để cảm thấy xương cốt mình như đang mềm đi, đang giãn ra. Từ giường bên kia, giọng cô gái trẻ bắt đầu, ‘Anh ở đầu sông, em cuối sông...’ Giọng cô ta không cao vút,

không nhón hoắt, nhưng tôi chỉ nghe được câu đầu của bài ca, hai mi mắt tôi đã sụp xuống rồi. Một đêm qua êm đềm, không mộng mị.

* * *

Mười giờ sáng hôm sau, tôi rời phố Hàng Bài khi vừa hoàn tất việc nộp hồ sơ xin xuất cảnh. Một ngày rảnh rỗi, tôi lang thang trên ba mươi sáu phố phường Hà Nội. Ở đây chỉ có những con đường nhỏ hẹp như đường phố cổ Hội An trong Nam. Tiếng chuông xe điện ‘leng keng...leng keng...’ làm cho thành phố này già nua thêm. Mặt trời đứng bóng, nắng hanh, tôi tạt về hướng hồ Hoàn Kiếm. Xung quanh một gốc si cổ thụ, khách quây quần bên những gánh quà vặt, chè, thạch, óc đậu, kem quay, bánh tôm, bún chả, cháo lòng, thịt bò khô, khoai ngô nướng, nước chè tươi ...

– Chè đồ đen đi chú em...

– Cho tôi một bát.

Bà bán hàng đang múc chè vào bát, chọt ngừng tay, reo lên,

– Ông đại tá tới rồi, chè đồ đen nhá?

Tôi giựt mình, "Chẳng lẽ bà này quen mình, gọi đùa mình là đại tá?"

Nhưng tôi lầm, bà bán chè vừa nói với một phu xích lô mới ngừng bên lề. Trả lời bà, một giọng đàn ông oang oang,

– Bát to đấy nhá! Để lấy sức cuốc một ngày.

– Vâng, bát to. Mỗi ngày một bát chè to cho ông đại tá Điện Biên, Tây Nguyên lấy sức đánh... xích lô.

Ông phu xích lô ghé dót xuống chiếc

ghế con, chiếc ghế quá nhỏ, so với cái mông đồ sộ của ông. Đưa tay quệt mồ hôi trên trán, người phu xe già than thở:

– Hôm nay ế ẩm, từ sáng tới giờ chưa được cuộc nào. Chán bỏ sừ...

– Đại tá mua gạo tháng này chưa? Dạo này tem phiếu giá chui cao quá...

– Nhà này ăn đong từng ngày. Tiền đâu mà mua tem, mua phiếu... Mẹ kiếp! Hồi xưa đánh Tây đánh Mỹ, nó cần mình. Bây giờ hòa bình, nó đuổi mình ra, nó ăn cả, đồ chó má!

Thấy tôi trở mắt theo dõi câu chuyện đổi trao giữa hai người, bà bán chè giải thích:

– Ông đại tá một đời theo Đảng. Anh hùng Điện Biên, Tây Nguyên đấy! Đáng nhẽ ra, những người có công với tổ quốc,

với cách mạng như ông phải được chiếu cố đặc biệt mới đúng. Ai đời! Anh hùng quân đội nhân dân mà sáu chục tuổi đầu còn phải đi đập xích lô để kiếm sống thì quả là tội nghiệp quá!

Người phu xe già thở dài,

– Chúng nó vắt chanh bỏ vỏ. Lốp chúng tớ hết thời rồi. Bây giờ, thân tớ ví như... một vì sao rụng.

Tôi giật mình, bốn tiếng ‘một vì sao rụng’ hình như tôi đã nghe một lần ở đâu đó, lâu rồi...

Tôi vừa nhướng mắt quan sát, vừa moi trí nhớ, xem ông già này có nét gì quen không, thì bên bờ hồ có tiếng gọi,

– Xích lô! Xích lô!

Người phu xe chống hai tay lên đùi lấy đà, nhồm dậm thật nhanh.

– Mai tôi giả tiền nhớ! Có khách, không lệ căng, thằng khác nằng tay trên...

– Được mà! Khách quen, mai giả cũng được mà...

Tôi đang tính bắt chuyện với ông đại tá thì ông đã nhanh chân đẩy xe sang bên kia đường rước khách. Tiếc rằng cuộc hội ngộ mười lăm năm trước (tháng 5/1975) quá ngắn ngủi, tôi không nhớ rõ nét mặt của người khách lạ đã tới căn lầu đúc trong hẻm TK9, phường Nguyễn cảnh Chân, Quận 2 thăm tôi, một tuần lễ sau ngày Sài Gòn thất thủ. Tôi cố ôn chuyện cũ trong óc, gợi lại hình dáng năm xưa của ông thượng tá. Ông thượng tá Điện Biên, anh hùng Quân Đội Nhân Dân Việt Nam có đôi vai ngang, người phu xe già... cũng có đôi vai ngang. Thêm vào đó, thân hình người phu xe già cũng vạm vỡ, cao lớn, tiếng nói cũng oang oang, lơ

lơ như ông thượng tá con quan Lang xứ Cao Bằng.

Khi chiếc xích lô lẫn trong dòng xe nườm nượp giữa thủ đô, tôi cũng đứng dậy tiếp tục lang thang quanh bờ hồ.

Suốt ngày hôm ấy, trong óc tôi cứ lờn vờn hình ảnh người phu xe già, với câu than thở, ‘Bây giờ, thân tớ ví như... một vì sao rụng’

* * *

Đêm thứ nhì, cũng là đêm cuối cùng trên đất Thăng Long, tôi đứng bên này đường, trong ánh điện mờ. Bên kia đường là ga Hàng Cỏ. Nơi này, bố tôi đã đưa tiễn mẹ con tôi lên tàu hỏa xuôi Hải Dương, ngày tôi tròn bốn tuổi. Hôm ấy bố tôi bế tôi trên tay, tôi bập bẹ bài hát trẻ

con đương thời hay hát, ‘Ai yêu Bác hơn chúng em...’

Bố bịt mồm tôi lại,

– Con ơi! Đừng hát bài này, bài hát không hay... Con hãy hứa với Bố, con sẽ không hát bài này nữa nhé!

Mẹ tôi gạt nước mắt, bế tôi lên tàu. Đứng bên đường, cạnh chiếc xe đạp, bố vẫy tay.

Bố con tôi, từ đó, cho tới suốt đời tôi, không còn gặp nhau nữa. Vì hai năm sau, bố tôi đã bị giết. Những người mê say ‘bài hát không hay’ đã giết bố tôi...

Mới đó, mà hơn bốn mươi năm qua! Đêm nay, trước ga Hàng Cỏ, đứng bên cái cột đèn, nơi ngày xưa bố tôi đã đứng vẫy tay, tôi gọi thầm trong nước mắt,

– Bố ơi! Bố ơi!... Con nhớ Bố! Con thương Bố! Bố ơi! ...

Năm giờ sáng hôm sau tôi phải vào ga để lên tàu về lại Sài Gòn. Ông chủ nhà dậy sớm khui gói chè móc câu Thái Nguyên pha tiễn khách. Tôi bắt tay, nói lời cảm ơn người chủ nhà trọ, rồi bước ra đường.

Sáng mùa Thu Hà Nội, buồn hắt hiu. Heo may nhẹ nhẹ. Điện đường lập lòe. Quán hàng còn đóng cửa. Vài chiếc xích lô vội vàng đưa khách vào ga. Còi tàu rúc từng hồi. Loa phóng thanh trên cột đèn và trên cổng ga còn im tiếng, vì chưa tới giờ phát đi những ‘bài hát không hay’.

Đứng trên sân ga Hàng Cỏ, lòng tôi man mác băng khuâng. Vừng dương đang lên. Sao Mai mờ dần. Chân trời

hừng đông màu tím nhạt. Có đôi vì sao
đang rơi trong không trung mờ ảo mênh
mông...

Quốc hận 30-4-1975
VIẾT VỀ NGƯỜI LÍNH
BẤT HẠNH VNCH

MƯỜNG GIANG

Hai mươi năm chinh chiến, QLVNCH đã có 250.000 người gục ngã trước đạn thù và nửa triệu thương binh chịu đời bất hạnh vì một phần cơ thể đã gửi lại sa trường. Tuy nay Chính Phủ cũng như QLVNCH không còn nữa, nhưng trong tâm tư của mọi người được sống sót qua cuộc đổi đời mạt kiếp,

thì lý tưởng và danh dự của Người Lính càng được sáng tỏ, trong niềm hãnh diện chung của quân dân Miền Nam.

Lịch sử của một quốc gia là những gì trung thực, mà người dân của nước đó đã ghi chép không hề thêm bớt. Nhờ vậy ta mới biết được về cuộc nội chiến của Hoa Kỳ xảy ra từ năm 1861-1865, cùng với thái độ của dân chúng và chính quyền nước Mỹ tại Miền Bắc là kẻ thắng trận, đã không hề lên án, bỏ tù hay trả thù những người Miền Nam bại trận. Đã vậy, Hoa Kỳ còn ghi ơn tất cả những chiến sĩ của hai miền vừa nằm xuống trong cuộc chiến, vì lý tưởng riêng của họ.

Thế chiến 2 kết thúc, Tòa Án quốc tế Nuremburg chỉ kết tội những Đầu Sỏ

trong phe Trục, mà không hề bắt bớ hay gây khó khăn cho quân nhân các nước Đức – Ý – Nhật. Năm 1920, Lãnh tụ kháng chiến quân Libya là Tướng Mukhta, bị người Ý bắt và tử hình. Nhưng chính Tổng Tư Lệnh Ý tại Bắc Phi là người đã ở lại pháp trường, để lo lắng hậu sự cho vị anh hùng dân tộc Libya, vốn là kẻ thù của người Ý lúc đó.

Tại VN, khi thực dân Pháp đánh chiếm ba tỉnh miền tây Nam Phần năm 1867, sau đó là thành Hà Nội năm 1873. Các tướng lãnh thủ thành đương thời là Phan Thanh Giản, Nguyễn Tri Phương, Hoàng Diệu.. đã oanh liệt tử tiết theo thành mất và được kẻ thù là người Pháp, tôn kính mặc niệm như chính các tướng lãnh của họ.

Sau rốt là số phận của 500.000 quân nhân Mỹ đã tham chiến tại VN, trong

số này hơn 50.000 người tử trận. Ngày nay các chiến sĩ trên đã được quốc dân Hoa Kỳ trả lại công lý và danh dự, để họ hiện ngang ưỡn ngực, cũng như an giấc nghìn thu bên cạnh ông cha, một đời liệt sĩ. Tất cả đã chết cho lý tưởng quốc gia, sống vinh quang và yên nghỉ trong danh dự.

Người lính VNCH trong suốt hai mươi năm binh lửa cũng vậy, đã phơi gan trải mật để bảo vệ cho đất nước và mạng sống của đồng bào, bị cộng sản quốc tế Bắc Việt xâm lăng giết hại. Tóm lại gần hết cuộc chiến, ở đâu có cộng sản khủng bố cướp bóc giết hại dân lành, là ở đó có sự hiện diện của người lính Miền Nam. Ở đâu có bóng cờ vàng ba sọc đỏ, là ở đó người dân trong vùng chiến nạn, tìm đủ mọi cách trốn thoát sự kềm kẹp của giặc cộng, để trở về vùng quốc gia nhờ che

chở đùm bọc. Ai có làm lính tác chiến hay người cán bộ áo đen Bình Định Nông thôn, Cán Bộ Xã Hội... mới biết được thế nào là nổi thống khổ, trên đe dưới búa, cá nằm giữa dao thớt, người dân tay không hứng hai lần đạn bạn thù, của người VN trong thời ly loạn. Có là người dân bị kẹt trong vùng xôi đậu, lửa khói bom đạn, mới thấu hiểu đời người lính gian khổ chết chóc muôn trùng. Có là người dân quên, nghèo sống đời cay cực, mới thương xót cho “cảnh ba đồng, ba cọc” của kiếp lính Miền Nam.

Nhức nhối và mai mả nhất, đó là hiện tượng ‘thuyền nhân tị nạn’ sau ngày 30-4-1975. Ngoài tuyệt đại đa số nạn nhân đích thực của CSQT, trong số này không thiếu mặt “những tên tuổi lớn” một thời chạy theo VC đâm sau lưng người lính, những nhà văn, nhà báo, cha cố... kể cả

thành phần suốt đời chỉ biết sống ký sinh vào xã hội.. cũng lợi dụng “danh nghĩa người lính” để được tị nạn chính trị. Ừ gan hơn là những tên VC trà trộn trong hàng ngũ những người vượt biên, vượt biển, sau khi tới được bờ đất hứa, chúng trở mặt ngay, để lộ diện thành công an, cán bộ, đảng viên như ngày nào.. để nạt nộ, hăm dọa đồng hương, qua cái đòn “nếu theo Ngụy”, sẽ không được về VN để thăm nhà, như đã thấy tới độ mù mắt khắp nơi tại hải ngoại.

Trong nỗi chịu đựng hy sinh âm thầm nhưng thảm nhất là người lính đã không bao giờ được một lời an ủi tử tế của hậu phương, để yên tâm tiếp tục cầm súng giết giặc bảo vệ cho người dân. Trái lại họ còn bị muôn ngàn bất hạnh đeo đuổi suốt cuộc chiến.

Thật vậy, khi cầm súng thì cô đơn,

nửa đường bị hậu phương, đồng minh và lãnh đạo phản bội bán đứng. Ngày trở về thì bị giặc trả thù đầy đọa, rồi chết thảm trong đói nghèo tủi nhục.

Tiếp tay với những tâm hồn thác loạn, ăn cơm quốc gia thờ ma cộng sản, là bọn báo chí quốc tế bất tài, a dua, xu thời. Nhờ vậy mà cộng sản Bắc Việt, mới có cơ hội tung hoành một mình một cõi, thao túng vờn huyên thoại, bóp mép lịch sử, để đầu độc các thế hệ VN đang sống trong sự kềm kẹp của chế độ bạo tàn, độc đảng. Nhưng rồi gieo gió thì phải gặt bão, chính sự khoác lác đại khờ trên, đã đưa toàn bộ đảng cộng sản VN chìm trong cái vũng bùn ô nhục, khi bí mật lịch sử lần lượt được mọi phe phái bật mí và hồi tưởng.

Câu chuyện tướng Nguyễn Ngọc Loan trong trận Tết Mậu Thân 1968 ở Sài

Gòn, vì không thể chịu nổi hành động dã man, đẩy các trẻ em trong xóm ra làm lá chắn đỡ đạn cho đồng bọn tẩu thoát. Vì quá tức giận không kềm chế được, nên tướng Loan đã rút súng Rouleau ngắn nòng, bắn chết tên VC chỉ huy là Bảy Lốp, tại ngã ba Vườn Lài (góc đường Vạn Hạnh, Minh Mạng và Vĩnh Viễn), trước mặt phóng viên Mỹ là Eddie Asams, nên đã chụp được tấm hình này, đem bán rao khắp thế giới và nhận được giải thưởng quốc tế.

Sau ngày 30-4-1975 Tướng Loan tới tị nạn tại Hoa Kỳ, đã bị bọn phản chiến cùng với giới truyền thông Mỹ làm lớn chuyện. Thậm chí có Elizabeth Holtzman (nữ dân biểu DC bang New York) và Dân biểu Harold Sawyer (CH bang Michigan), đã kiện cáo, đòi Chính phủ Mỹ trục xuất tướng Loan ra khỏi Hoa

Kỳ, vì tội vi phạm nhân quyền nhưng bị thất bại .

Trước và sau ngày tướng Loan từ trần 14-7-1998, người phóng viên chụp tấm hình năm xưa Eddic Adams, đã viết một bài báo xin lỗi tướng Loan vì sự ray rứt hối hận của mình, trong đó có đoạn “Ông đã làm công việc của ông, còn tôi làm bốn phận của tôi”. Ngày tướng Loan qua đời, Eddic lại viết thêm một bài báo khác đăng trên tờ Times, đồng thời gởi tới một vòng hoa phúng điếu, trên đó có đính một danh thiếp viết tay “General, I ‘am so, so, so... sorry”. Bao nhiêu đó, chắc cũng đủ làm nhức óc những tên “sống nhờ người tị nạn” nhưng lúc nào cũng viết lách, làm báo ca tụng VC.

Đau đớn nhất là trận Hạ Lào 1971, cho dù các đơn vị đã tham chiến như SD Dù, TQLC, Sư Đoàn 1 BB, Lữ Đoàn

1 Thiết Kỳ và Liên Đoàn 1 BDQ có bị tổn thất nặng nề. Nhưng cuối cùng QLVNCH cũng đã đạt được mục đích của cuộc hành quân, là phá hủy gần như toàn bộ các cơ sở hậu cần, tiếp liệu tại các mật khu, binh trạm tại đây. Lúc đó, chỉ có Đại Úy Trương Duy Hy, Pháo đội trưởng PDC/44, tham dự cuộc hành quân, tại căn cứ Hỏa lực 30, là tác giả quyển Hồi ký “Tử thủ Căn Cứ Hỏa Lực 30, Hạ Lào” là viết sự thật. Ngoài ra tất cả bọn phóng viên Mỹ và Tây phương đều ở Khe Sanh, hằng ngày nhìn cảnh máy bay tải thương xác lính và thương binh về tới tấp. Từ đó chụp hình, diễn dịch rồi gửi về nước, nói là QLVNCH đã thảm bại tại Hạ Lào, giống như hồi Tết Mậu Thân (1968).

Riêng làng báo Sài Gòn cũng vậy, vì không có ai vào tận chiến trường để chứng kiến sự thật, nên chỉ đành “chôm chĩa tin từ báo Mỹ” rồi “Mao Tôn Cương thành trận đánh cuối cùng không có đại bàng” rằng “VC đâu có quân số đông đảo để đánh QLVNCH, mà chỉ sử dụng hỏa pháo. Ở đây làm gì có kho tàng như tình báo đã báo cáo láo”.

Tóm lại theo họ thì QLVNCH vì sợ hỏa lực của VC nên bỏ chạy. Có đọc những tin tức của báo chí Sài Gòn lúc đó, mới thấy máu của người Lính Miền Nam đã đổ suốt cuộc chiến, để bảo vệ cho “đám này”, thật là uổng phí và tội nghiệp cho những kẻ đã nằm xuống trước ngày 30-4-1975.

Nhưng người lính VNCH từ trước tới nay chỉ biết có cầm súng để chiến đấu giữ nước và bảo vệ sinh mạng cho người

khác, chứ không quen viết lịch sử để ca tụng một chiều. Cho nên nếu có được một tiếng cảm ơn hay sự hồi phục danh dự, thì đó cũng chỉ là sự phản tỉnh của thế giới tự do khi đã biết được sự thật cùng ý nghĩa của cuộc chiến mà người Miền Nam phải bán mạng để chống ngăn giặc Bắc xâm lăng tới giờ phút cuối cùng.

Ngoài ra còn có sự tưởng tiếc muộn màng của đồng bào hậu phương, đối với người chiến sĩ VNCH, khi chính bản thân và gia đình người dân qua cuộc đổi đời, cũng đã trở thành nạn nhân tận tụy, của một chế độ bạo tàn, của những con người không có nhân tính, mà hôm qua chính người dân coi như thần thành, nên đã công khai giúp và theo chúng, đâm sau lưng đồng đội, đồng bào mình.

Trong lúc đất nước đang lâm nguy vì giặc xâm lăng phương Bắc, trong lúc gần

hết thanh niên nam nữ thuộc mọi tầng lớp của xã hội miền Nam, không phân biệt sang hèn, kinh thượng, bỏ nhà, bỏ lớp, bỏ hết tương lai của tuổi trẻ và đời người để lên đường ra biên cương chống giặc thù. Giữa lúc đất nước lâm than, muôn người khổ vì chiến tranh do Hồ Chí Minh và cộng sản mang từ Liên Xô – Trung Cộng vào để dày xéo non sông tổ quốc, thì tại hậu phương Miền Nam có một số người tự nhận mình là trí thức, giáo sư, tu sĩ, hầu hết đều đang độ xuân thì, mập mạnh nhưng lại tìm cách đứng bên lề cuộc chiến bằng đủ mọi lý do để được hoãn dịch, trốn nghĩa vụ làm trai trong thời tao loạn.

Nếu vì sợ chết mà trốn đi lính, thì cũng còn có thể tha thứ nhưng những hạng người này, không bao giờ chịu để yên cho đồng bào và đất nước mình

đang trần trở trong cơn đau bom đạn, hận thù, đói nghèo và ly biệt. Họ hoàn toàn không thông cảm cho ai hết, ngoài cái lý tưởng đã thu lượm được, qua sách báo tây phương phản chiến và các kinh điển nhật tụng của thiên đảng xã hội chủ nghĩa, trong lúc được sống ở hậu phương, thừa mứa vật chất, đàn bà và thời gian để đâm thọt, phá hoại những người đang liều mạng xã thân bảo vệ mạng sống thừa thải ký sinh của mình.

Ngày nay ai cũng biết, cuộc chiến Đông Dương lần thứ hai (1955– 1975) rất đa dạng, phức tạp, khó có thể định nghĩa cho trọn vẹn. Nói chung tùy theo lý tưởng, ai muốn gọi thế nào cũng đều có ý nghĩa riêng với người trong cuộc. Cho nên với người Miền Nam VN, thì đây là một cuộc chiến đấu chống xâm lăng. Cuộc chiến này hoàn toàn khác biệt

với cuộc phân tranh của hai họ Trịnh Nguyễn vào thế kỷ thứ 17, lúc đó chỉ là cuộc tương tàn nội da xáo thịt để tranh giành quyền lãnh đạo của đất nước.

Trái lại cuộc chiến lần này, người Miền Nam chiến đấu, vừa để tự vệ, vừa bảo vệ phần nửa mảnh đất VN, để khỏi bị Bắc Việt nhuộm đỏ bằng chủ thuyết cộng sản. Nhưng với bọn trí thức thiên tả, phản chiến nằm vùng lúc đó, lại trắng trợn phỉ báng, gọi QLVNCH là lính đánh thuê cho Mỹ.

Chính bọn trí thức thiên tả này đã lợi dụng quyền tự do báo chí ngôn luận của VNCH, để viết lách, bôi nhọ, xuyên tạc, tuyên truyền phá nát hậu phương, đâm sau lưng chiến sĩ tiền tuyến, đang liều chết để bảo vệ đồng bào, trong đó có cả sinh mạng ký sinh của chúng.

Cuối cùng, VNCH đã sụp đổ, kéo theo sự mất mát toàn diện mà người Việt QG đã tốn xương máu xây dựng. Người chạy thoát ra nước ngoài tuy không bị đau đớn thể xác nhưng tinh thần và sự dằn vặt, cũng đã làm cho họ điên đảo suốt quãng đời lưu vong nơi xứ người. Tội nghiệp nhất, cũng vẫn là Lính phải còng lưng cúi đầu gánh chịu những thảm tuyệt của kẻ thù man rợ, những điều mà chắc chắn thế giới tự do không hề nghĩ tới, vậy mà vẫn tới trong địa ngục trần gian của các nước Cộng Sản, trong đó có CSVN.

Ngoại trừ một số rất ít khôn ngoan hay có thân nhân VC bảo lãnh, hầu hết các cấp Quân, Công, Cán, Cảnh của Nam VN đều chịu sự hành hạ nơi chốn lao tù. Chúng bắt tất cả Sĩ quan và cán bộ, công chức, cảnh sát VNCH vào tù, qua cái gọi

là “Trại Cải Tạo” để đánh lừa thế giới, về sự dã man tàn ác đối với tù nhân chiến tranh, trái với công pháp quốc tế đã qui định. Hầu hết các trại tù đều lập ở Miền Bắc và Bắc Trung Phần, phía bên kia vĩ tuyến 17. Tại Miền Nam, trại tù nằm trong rừng núi cheo leo, ma thiêng nước độc, để lao động khổ sai, chết dần mòn vì sự hành hạ của quản giáo và nổi cực khổ, đói lạnh nhưng ăn uống thì thiếu thốn với khẩu phần hằng ngày, chỉ lưng chén cơm gạo xấu, trộn với khoai bắp, còn những người bị biệt giam thì đói khát vì phần ăn phát rất ít. Nói chung là không còn bút mực nào để kể cho hết nỗi hận hờn tủi nhục của người tù dưới chế độ CS. Đói quá nên người tù phải ăn tất cả những gì có trước mặt như rắn, rít, ếch nhái, chuột, trùn đất, cào cào.. kể cả cỏ chai và cỏ diệu, thay cơm để đủ sức chống chọi với tử thần, lúc nào cũng như

chực chờ sẵn bên cạnh :

‘Ngày hành xác giữa núi rừng hoang vắng,

đêm ôm đầu thương tiếc chuyện ngày xưa

bạn bè đến đây càng lúc càng thưa

thằng nằm xuống, thằng đày sang trại khác

thằng chống lại thì xác thân tan nát

thằng bệnh đau thân xác cũng không còn

đem xác người đi phá núi đồi non

đem mạng sống để gỡ mìn tháo đạn

thay trời dẫn nước vào sông đã cạn

thay trâu kéo cây phá vỡ ruộng hoang

*buổi sáng gương vui nhìn lúa trở bông
 nửa đêm khóc thầm đời lính bất hạnh
 tôi đã sống qua những ngày đói lạnh
 tôi đã nhét đầy túi liệu buồn nôn
 kiểm điểm nghìn câu cho tốt tốt hơn
 để theo đảng biến người thành khi
 vượn.*

(thơ mường giang). ’ ’

Lính sống bị trả thù đã đành, cho tới những người lính đã chết, CSQT cũng không tha, thì nói chi thành phần Thương Phế Binh, Cô Nhi Tư Sĩ của VNCH, lại càng bị đoạ đầy thê thảm. Tất cả năm tháng dù nay đã đi vào quân sử nhưng sự thật vẫn còn nguyên trước

mắt, với hai cảnh đời hiển hiện như một chứng tích nghìn đời không phai mờ: Đó là địa ngục VN sau 38 năm bị giặc chiếm đóng và giá trị đích thực của QL-VNCH từ 1960-1975, đã có rất nhiều cấp chỉ huy tài ba lẫn đạo đức, văn võ vẹn toàn, được đào tạo từ các quân trường nổi tiếng nhất vùng Đông Nam Á thời đó gồm các Trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt, Bộ Binh Thủ Đức, Đại Học Chiến Tranh Chính Trị, Các Trung Tâm Huấn Luyện Không Quân và Hải Quân, Học Viện Quốc Gia Hành Chánh và Cảnh Sát, Trường Đại Học Quân Sự.. chứ đâu phải chỉ có những tướng tá từ thời Pháp thuộc ?!

Ngày xưa người Lính VN, chiến đấu trong vinh quang, khi trở về cũng thật hiên ngang, giữa cảnh phu phụ trùng phùng, nồng ấm kết lại mối tình xưa:

*‘..xin vì chàng, xếp bèo cõi giáp
xin vì chàng giữ lớp phong sương
vì chàng tay chuốc chén vàng
vì chàng điểm phấn đeo hương nỏ
nùng.. ”*

(Chinh Phụ Ngâm - Đặng Trần Côn
và Đoàn Thị Điểm)

Ngày nay người chiến sĩ VNCH không có cái điểm phúc trên, vì suốt cuộc chiến hai mươi năm, ngoài mặt trận thì chống trả với kẻ thù trong nỗi cô độc. Khi trở về lại bị kẻ thù đọa đầy, tù ngục và chết trong uất hận ghen ngào.

Thử hỏi giữa cõi đời này, có quân đội nào bất hạnh hơn QLVNCH? Ngày nay, đã có không biết bao nhiêu người ,đang

sống thân nhiên khắp các nẻo đường hải ngoại, mà hầu hết bản thân họ hay con cháu, hôm qua vẫn sống nhờ sự bảo bọc của lính. Không biết trong tâm tư đó, có một giây phút nào do lương tâm xao động, khiến trái tim người, chợt nghĩ tới những kẻ bất hạnh đã VỊ QUỐC VONG THÂN?

Xưa NGƯỜI LÍNH chiến đấu anh dũng trong khói lửa để bảo quốc an dân. Nay những người lính già còn sót lại sau cuộc chiến và lớp hậu duệ của lính năm nào, cũng đã và đang tiếp tục tranh đấu không ngừng, cho một ngày về QUANG PHỤC QUÊ HƯƠNG được sống thật với tự do và no ấm, như chúng ta hiện nay đang hưởng tại quê người.

*‘..tội nghiệp, đời trai chưa thỏa chí
sa trường dung ruỗi đã phơi thân
đoàn quân hùng liệt nay về đất
hồn vẫn quanh co giãm lối gầy*

*chiều chiều đứng ngóng ngàn mây nổi
mà khóc quê hương khuất bến bờ
nhớ lúc hát rừng nơi chiến địa
mộng hoàng hoa, khép giữa hư vô’
(thơ mường giang)*

Xin nghiêng mình trước đồng đội
đồng bào đã hy sinh vì đại nghĩa Dân
Tộc Việt. Cũng xin chân thành biết ơn
Quý Ân nhân đồng hương khắp mọi

nẻo đường viễn xứ, đã và đang hướng
về những người lính cũ ngày xưa, giờ họ
là Quả phụ, cô nhi và thương phế binh
VNCH đang kẹt ở quê nhà.

Từ Xóm Cồn Hạ Uy Di

Tháng 4-2013

MUỖNG GIANG

Những giờ phút cuối tháng 4-1975

Từ Bộ Tư Lệnh Hải quân VNCH

1. Tư Lệnh HQ, Đáp Ứng Tình Hình Di Tản

Lễ nhậm chức và bàn giao của tân Tư Lệnh Hải Quân diễn ra vào trưa ngày 24 tháng 3-75 có khoảng 7 Tư Lệnh các vùng đứng một hàng ngang trước bàn có cờ 3 sao Tư Lệnh. Sĩ quan báo chí hiện diện góc cử bên cạnh Trung Tá Khanh để quan sát và tường thuật, trong văn phòng Tư Lệnh nhỏ nhắn trên lầu hai nằm bên tay mặt của trụ sở Bộ Tư Lệnh

trông ra bến Chương Dương.

Phó Đô Đốc Chung Tấn Cang lúc đó đang là Tư Lệnh Biệt Khu Thủ Đô, một trong vài “chỗ” sáng giá, quan trọng nhất chung quanh Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu. Ông được đổi về gấp nhậm chức Tư Lệnh Hải Quân lần thứ nhì sau khi đã rời Hải Quân trên 10 năm về trước. Điều này cho thấy kế hoạch “di tản và lui binh” là mối quan tâm nhất của Tổng Thống Thiệu trong việc bổ nhậm chức vụ này. Ông Cang thổ lộ rằng “nếu tôi còn ở vị trí Tư Lệnh Biệt Khu Thủ Đô trực thuộc Bộ Tổng Tham Mưu, thì sẽ ở lại Sài Gòn tử thủ”.

Hồi đảo chính tháng 11 năm 1963, lần đầu ông Cang được giao nắm chức vụ Tư Lệnh Hải Quân cũng là vì được lòng tin cậy của nhóm tướng lãnh đối với ông. Và lần đầu ông làm Tư Lệnh

Hải Quân kéo dài khoảng 16 tháng.. Còn lần thứ nhì này với cấp bậc cao hơn và giao tiếp khẩn cấp rộng lớn hơn hẳn trước. Rồi vận nước ông cũng chỉ được ở lại chức vụ khoảng trên một tháng, với một kế hoạch “di tản Quân Lực VNCH và các công nhân viên chức chánh phủ khi có nguy biến, để cùng tập trung Hạm Đội tại Côn Sơn, để “về Miền Tây” hoặc ý định, trừ khi kế hoạch không thành – mới dẫn đoàn tàu đi Phi Luật Tân tị nạn...”

Lễ Bàn Giao trầm lắng, căng thẳng đó gồm cả những người đã có bất hoà trước đây với cá nhân tân Tư Lệnh cũng hiện diện còn có mặt khoảng 10 vị sĩ quan chỉ huy cao cấp trong đó có: Phó Đề Đốc Nghiêm Văn Phú (từ Đồng Tâm– Mỹ Tho), Phó Đề Đốc Đặng Cao Thắng (từ Cần Thơ)... , một vài vị khác như Phó Đề

Đốc Hồ Văn Kỳ Thoại rồi bởi tại BTL-HQ vùng I không về được...

Chỉ vài ngày sau ngày nhậm chức ông đã thành lập đơn vị Lực Lượng Đặc Nhiệm 99 bao gồm những Giang Đoàn Ngăn Chặn và nhiều Căn Cứ Hải Quân do Đại Tá Lê Hữu Đồng là tư lệnh, với sự đóng góp đáng kể của Phó Đề Đốc “Phú Già”, là minh chứng cho sự xóa bỏ những dị biệt bất hòa thời “âm mưu đảo chánh trong Quân Chung năm xưa”.

Tân Tư Lệnh Chung Tấn Cang lúc đó có cấp bậc cao nhất Quân Chung, và ngang cấp với các tư lệnh quân-binh chủng khác, dễ dàng nói chuyện với Dinh Độc Lập và Bộ Tổng Tham Mưu. Trong những ngày giờ dầu sôi lửa bỏng đó, quả ông đã quan tâm thực sự đến kế hoạch “Di Tản” một cách chặt chẽ, với tiêu chuẩn phải mang đi được nhiều

tướng lãnh, quân nhân của các quân binh chủng khác, cùng dân chúng và Hải Quân, dĩ nhiên.

Và ông thường xuyên có mặt trong Trung Tâm Hành Quân thuộc Bộ Tư Lệnh Hành Quân Lưu Động Biển, trong tầng Ba một cao ốc tân kỳ mới xây vài năm. Ông có phong thái bề thế chỉ huy oai nghiêm như một Tổng Tham Mưu Trưởng chiến trường Lục Quân. Phó Đô Đốc Cang liên lạc hàng ngang với Tổng Thống và giới chức cao cấp nhất của Tổng Tham Mưu, cũng như bên Biệt Khu Thủ Đô.

2. BTL/HQ Và Cuộc Di Tản QK1 và Tướng Trưởng

Tư Lệnh Chung Tấn Cang theo

dối giải quyết cuộc di tản và tình hình trận liệt ngoài Quân Khu 1 và Đà Nẵng từ Trung Tâm Hành Quân- BTL- HQ. Ông biết từng bước đi của Tướng Bộ Binh, Tướng Không Quân và các đơn vị tác chiến với những khi tạm trú trong căn cứ HQ Đà Nẵng hoặc TTHQ- SĐ/ TQLC, hoặc với Phủ Tổng Thống mỗi ngày hoặc qua Trung Tá Khanh- Chánh Văn Phòng Tư Lệnh.

Tướng Trưởng, Tướng Lân, Tướng Khánh, Phó Đề Đốc Thoại... thường xuyên họp tham mưu tại TTHQ/ Sư Đoàn TQLC hiện đóng tại Non Nước (Đà Nẵng). Trong khoảng thời gian này hai sĩ quan của BTL Sư Đoàn TQLC vừa trúng pháo của VC khi đang trên mặt nước để lên chiến hạm, đó là Trung Tá Nguyễn Xuân Phúc và Trung Tá Đỗ Hữu Tùng, theo như lời thổ lộ của Trung Tâm

Trưởng TTHQ/SĐ/TQLC Trần Vệ và sĩ quan TQLC, Tô Văn Cấp. Vào phút chót Trung Tướng Trưởng đành bó tay, đã rời bỏ Quân Khu I... Nếp đạo đức, khôn ngoan và thói quen chịu đựng đau đớn cho thấy ông tướng danh tiếng này, vượt thắng hơn sự tính toán của TT Thiệu... Theo lời một sĩ quan Thủy Quân Lục Chiến kể lại sau này viết lại trên trang Báo Đa Hiệu của Hội Cựu SVSQ Võ Bị Đà Lạt. Những chi tiết này cũng phù hợp với lời Tướng Thoại kể lại hình ảnh Đà Nẵng rơi loạn chiều 28 tháng 3. Tướng Trưởng ngồi lẻ loi trên ghế bố cùng với Đại Tá TLP/TQLC Nguyễn Thành Trí và đọc nhất một anh lính truyền tin Bộ Binh, (từ chiều tối 28) chờ ôm poncho lội nước để lên Hải Vận Hạm 402 vào lúc 10 giờ sáng ngày 29-3, thay vì tin theo lời hứa hẹn của Sài Gòn là: “Cứ ở yên trong đó không lội ra khơi chờ đến khi

có HQ 404 vô đón”. Và ông đã mặc bộ quân phục vải xám của Hải Quân trong suốt thời gian tạm trú trên tàu“.

Dù theo dõi chặt chẽ, nhưng thực ra Trung Tâm Hành Quân HQ ở Sài Gòn không nắm vững được phương vị di chuyển của Tư Lệnh Quân Đoàn 1, Tướng Ngô Quang Trưởng: Khi ông ra tới Chiến Hạm HQ 402 chuyển sang HQ 404. Trong lúc đó Tư Lệnh Hồ Văn Kỳ Thoại vẫn còn đang chỉ huy toán thám sát với hai cận vệ, lên Núi Tiên Sa tìm bãi biển an toàn (vì lúc ấy các bãi biển Đà Nẵng quân dân chạy giặc đã trở thành vô cùng nguy hiểm, hỗn loạn). Dự trù bãi cát chân núi Tiên Sa an toàn, kín đáo để tàu Hải Quân có thể vô đón thân nhân HQ, Thủy Quân Lục Chiến và anh em SĐ3 BB. Toán “thám sát - tiên phương” bị kẹt lại mãi cho đến khi người bạn là

Trung Tá Thiệp (cựu Chỉ Huy Trưởng Giang Đoàn 22 Xung Phong – Nhà Bè sau này chỉ huy Cảng Đà Nẵng) dùng Hải Thuyền vô đón, được chuyển lên PCF rồi lên HQ 802 cùng với Tư Lệnh SĐ3 BB – Nguyễn Duy Hình về Quy Nhơn cùng tử thủ...

Em trai của Phó Đề Đốc Thoại là Thiếu Tá Hồ Văn Kỳ Tường, Hạm Phó HQ-5, đã cầm tận tay công điện Mật của chính Tổng Thống giao cho Tướng Trưởng và nói: “Tổng Thống muốn Trung Tướng theo tiểu đình trở lại đất liền để tiếp tục chỉ huy”. Sau khi đọc công điện một lúc khá lâu, Tướng Trưởng đã xin với Sài Gòn để được cùng với TQLC “tiếp tục chỉ huy”, chuyển từ HQ 402 qua HQ 404 được gọi là: “Bộ Tư Lệnh Nổi: Hải Vận Hạm HQ 404”... (Thực ra không ai rõ ngày giờ ấy: Tướng Trưởng

đang ở chiến hạm nào?. Những chi tiết này cũng được chính Tướng Thoại xác nhận.)

Những quyết định từ Trung Ương sau một khoảng thời gian chờ đợi, đồng ý cho Trung Tướng Trưởng được theo Hải Vận Hạm Hương Giang HQ 404 xuôi về Nha Trang, Phan Rang về đến Sài Gòn. Vào buổi chiều ngày 18 tháng 4, khoảng 4– 5 giờ chiều gần đến giờ về nhà, Trung Tá Khanh cho gọi Sĩ Quan Báo Chí lên Trung Tâm Hành Quân.

Tôi trình diện và ngồi cách Đô Đốc Tư lệnh một khoảng cách chỉ để ghi nhận và nghe ông căn dặn một vài việc. Nhưng tai tôi nghe qua tiếng máy loa khuếch âm: tin từ Đà Nẵng gọi về Trung Tâm Hành Quân (thuộc Khối Hành Quân – Hải Quân) cho Tư Lệnh Chung Tấn Cang theo dõi tin tức “một oanh tạc

cơ không rõ của Không Quân VN hay Hoa Kỳ đã bắn lầm một Chiến Hạm (có tướng lãnh hiện diện trên HQ3, HQ 404 hay HQ 802 – có hàng tướng lãnh như Tướng Trưởng, Tướng Minh hoặc Tướng Thoại?). Trên đường trên đường xuôi Nam về BTL ở Sài Gòn..” Tôi thấy hình như ông không chen vào các tin tức nội bộ này. Tin này làm cho tôi liên tưởng tới một vụ (có lẽ A-37) oanh tạc nhầm Hộ Tống Hạm Vạn Kiếp trong giai đoạn biến động này, gây cho vài sĩ quan và thủy thủ tử vong... mà không ai nói tới sự kiện máy bay mình oanh tạc lầm... mà lại cho VC “công trạng” bắn trúng tàu. Tôi thường kiểm chứng lại sự thực xảy ra nơi chiến trường, và cũng từ Tư Lệnh Hồ Văn Kỳ Thoại cũng kể lại sau này...

Cũng khoảng thời gian này nghe tin

vào khoảng sau 5 giờ chiều có tin chiến hạm trên đường xuôi Nam HQ 503 bị trúng đạn, gây cho khoảng 4 sĩ quan cùng với nhân viên, thủy thủ trúng thương và tử nạn.

... “Một sĩ quan – tử nạn”, chính tôi được nghe qua loa khuếch âm truyền tin báo cáo trúng đạn là “HQ Trung Úy CB Nguyễn Độ”, dân Sài Gòn cũng là bạn cùng thụ huấn quân trường. Tin chiến sự này cứ ám ảnh trong lòng như chưa quên...

Một sĩ quan trẻ và Tướng Thoại cũng xác nhận họ có nghe về các nguồn tin ấy, và nghĩ rằng “hai sự kiện máy bay oanh kích, và pháo kích trúng đài chỉ huy chiến hạm có thể cách nhau phút chốc thời gian, nhưng lại cách nhau trong không gian – nhiều hải lý?...”

Không đầy một tuần sau, cái ngày Hải Quân và TQLC rời bỏ Đà Nẵng hỗn loạn. Khi chiến hạm có Tướng Trưởng về đến cầu tàu Tư Lệnh HQ, Báo Chí HQ cũng theo ra đón Tướng Trưởng, chứng kiến cảnh tượng Tướng Chúc thay mặt Tổng Thống Thiệu tỏ rõ thái độ. Có tin “đồn” là Tướng Trưởng sau đó bị quản thúc cùng với một số tướng khác qua lệnh của Tướng Trần Văn Đôn. Sau này gặp lại Tướng Chúc, ông không muốn xác nhận lại chuyện cũ. Tướng Thoại thì kể rằng “ông Trưởng là sĩ quan cao cấp hơn, làm sao tôi ‘dám’!!”

3. “Tuyến Thép Phan Rang” và Phó Đề Đốc Hoàng Cơ Minh

Chỉ vài ngày sau khi Đà Nẵng thất thủ, Bộ Tư Lệnh Hải Quân đã muốn Phòng

Báo Chí chuẩn bị các bài diễn văn soạn sẵn của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu, Đại Tướng Viên và Tư Lệnh Hải Quân nhằm nêu cao vai trò “Tư Lệnh Tuyến Thép” và một Sĩ Quan Báo Chí theo ra Nha Trang giao trực tiếp để trao tận tay các diễn văn và đề cao chiến dịch mới: “Tuyến phòng Thủ cuối cùng dự định tại Nha Trang, mang tên Tuyến Thép, do PĐĐ Hoàng Cơ Minh là Tư Lệnh Chiến Trường – là vinh dự cho HQVN”, nhưng lễ nghi quân cách và lệnh chưa kịp chính thức loan tải và phát thanh thì lãnh thổ kiểm soát của VNCH đã phải cắt thêm về tới Tuyến Thép Phan Rang. Rồi cũng từ Phan Rang, chưa kịp thực hiện những nghi lễ mang tính tuyên truyền, tử thủ và bảo vệ Tuyến Thép thì Tư Lệnh Hoàng Cơ Minh, lẫn sĩ quan báo chí BTL – HQ đã phải xuống theo Chiến Hạm HQ-3 xuôi Nam dọc theo bờ duyên hải để đón

quân – dân di tản từ Phan Rang và các thành phố khác nữa về BTL – HQ. Thỉnh thoảng, có các ghe chở người được cho phép cập sát chiến hạm.. Có chiếc ghe nói là “người nhà của TT Thiệu” để “hy vọng” được lên chiến hạm.

Tại Cam Ranh, Hải Quân Đại Tá Bùi Cửu Viên, Chỉ Huy Trưởng Trung Tâm Huấn Luyện Hải Quân Cam Ranh đã đưa được cả Trung Tâm Huấn Luyện về được Sài Gòn trên những tàu LST. Cùng lúc Thiếu Tướng Tư Lệnh Nguyễn Duy Hinh, các sĩ quan tham mưu và hơn trăm binh sĩ Sư Đoàn 3 Bộ Binh cũng được Đại Tá Viên đưa về Sài Gòn bằng tàu LST.

Tôi được nghe Trung Úy Y Sĩ – Phạm Anh Dũng kể lại, “SĐ3 chúng tôi có lệnh ra Bà Rịa trình diện. Nhưng khi tôi ra đến nơi, không gặp sĩ quan nào

cả trong Tiểu Đoàn 3 Quân Y, nên phải về lại Sài Gòn”. Kế hoạch Tuyến Thép Cuối Cùng Phan Rang cũng thất bại. Tuyến Thép thành tan hoang!.

Tôi, sĩ quan được Trung Tá Linh cử đi công tác Báo Chí, chưa tới nơi gặp được Phó Đề Đốc Hoàng Cơ Minh ở Phan Rang, thì có tin Nha Trang thất thủ. Trên chiến hạm về Sài Gòn tôi gặp Phó Đề Đốc Hoàng Cơ Minh, có cơ hội gặp gỡ trong phòng ăn Sĩ Quan của Chiến Hạm, cùng những lúc chen chân giữa quân nhân tác chiến, và heo gà trên chiến hạm kêu oang oác, ồn ào. Tướng Minh và tôi là một trong số những người về trên chiến hạm HQ-3 khẩn cấp về Sài Gòn nhanh chóng hơn, thay vì ngừng lại ở một số nơi, như HQ 503 bị về bến chậm lại một vài ngày. Tôi có nghe tin một số chiến hạm đã đụng độ; HQ 11 và HQ 503 đã bị

trúng đạn nặng nề, thâm thẳm (vào ngày 19-4).

Đây là dịp tôi có giờ trò chuyện riêng tư với Tướng Minh. Chúng tôi kể lại thời ăn cơm chung giữa chúng tôi với nhà văn HQ Trung Úy Chu Sĩ Lương từng là Sĩ Quan Báo Chí BTL HQ khoảng thời gian với Trung Úy Trần Trọng Thúc (sau này rời Quân Đội sớm). Chu Sĩ Lương về phụ trách Báo Chí cho Tướng Minh, chúng tôi nhắc nhắc đến HQ Trung Úy Lê Rĩnh; HQ Trung Tá Lê Công Bình (người có mối liên hệ chặt chẽ với ông Chơn, sau này cả hai đều đi tù cải tạo nhiều năm); Thiếu Tá Phi Đoàn Trưởng Thân Trùy 211 – Nguyễn Kim Hườn (vài năm đến Cali, đã sát cánh với Tướng Hoàng Cơ Minh), với Thiếu Úy KQ – ca sĩ Trần Thụy Chi (em vợ Trung Tá Trịnh Tiến Hùng) thường chở Tướng Minh

trên trực thăng quan sát, những ngày tôi được quan sát cuộc hành quân Thủy Bộ. Ông tiếc cho buổi triển lãm tranh ở Hội Việt-Mỹ khai mạc đầu tháng Tư sẽ không có nhân vật chính là tôi về kịp tham dự... Tôi quý mến ông lắm, và nhìn thấy rõ nét thảm thương đau đớn. Chúng tôi ngậm ngùi chung về những mất mát...

Và chúng tôi lên đênh như thế trên biển hơn 3 ngày, chen lẫn trong số hàng ngàn chiến binh: tướng tá di tản, trên cả 3 soái hạm, HQ 2, HQ 3, HQ 5 và bao gồm cả Dương Vận Hạm HQ 500

4. Hải Quân Hạng Tiết Lộ Chi Tiết: Di Tản

Bộ Tư Lệnh Hải Quân và Đại Tá

Nguyễn Xuân Sơn, Tư Lệnh Hạm Đội đã họp với khoảng 100 hạm trưởng các loại chiến hạm lớn nhỏ vào chiều ngày 26 tháng 4, ông Sơn tuyên bố rằng “lấy quyền: Tư Lệnh Hạm Đội thông báo đến quý vị hạm trưởng rõ ba chuyện: “1- Vũng Tàu, Phan Rang và Bộ Tổng Tham Mưu đã tan rã, 2- địa điểm Sư Đoàn 3 Không Quân đang bị dội bom, trong khi Hạm Đội HQ còn an toàn và nguyên vẹn, 3- chúng ta chuẩn bị tinh thần có thể di chuyển về Phú Quốc.”

Chỉ vài ngày sau hôm 28-4 Đại Tá Sơn bị “cách chức”, người thay thế là Đại Tá Khuê. Ông Khuê tuyên bố trong buổi họp đầu tiên để trấn an và đánh lạc hướng: “Di tản không còn là vấn đề phải đặt ra nữa vì Hoa Kỳ đã giúp ta thả bom CBU ở Xuân Lộc, ... ta sẽ thắng...”

Vào sáng sớm ngày 29-4 lại có một

cuộc họp tham mưu cao cấp cho biết: “nếu không có một phản lệnh nào khác, thì toàn bộ Hạm Đội sẽ rời Bộ Tư Lệnh Sài Gòn vào lúc “Không Giờ” – Khuya 29 rạng 30, các hạm trưởng cứ thế mà tuân hành”.

Trong khi đó thì Phó Đề Đốc Nguyễn Thanh Châu cũng có mặt gần Sài Gòn, ông thường xuyên có mặt tại “nút chặn” Căn Cứ Hải Quân Cát Lái, cùng với toán Quân Cảnh và toán nhân viên làm một nút chặn ngay tại ngoài tuyến đường lộ gần căn cứ, nơi được đặt là trại tị nạn cho quân nhân và đồng bào về từ Phú Quốc. Trong lúc đó có tin không chính thức sau buổi họp “HQ Đại Tá Trần Văn Triết điều khiển kiểm soát vòng đai Hải Quân Sài Gòn?” Ông Triết có sẵn một tàu riêng đậu gần HQCX, đề nghị cho cả gia đình 3 người (mẹ già và vợ chồng ông Liễm)

cùng đi với Trung Ủy Vy cùng vợ con. Vài sĩ quan cho biết: cũng như rất nhiều sĩ quan khác, đã bị ngăn cản không vào được “Nút Chặn – Trại Sĩ Quan Cửu Long” theo lệnh của Đại Tá Triết. Chỉ huy trưởng và vài nhân viên cuối cùng rời đơn vị được giao bảo vệ vào “giờ thứ 25” lúc 9 giờ tối 29-4. Trong giờ phút đen tối ấy, lại may mắn gặp Đại Tá Đỗ Kiềm đang liên lạc gia đình (thất lạc) vẫn chưa lên tàu, đi lòng vòng trong Hải Quân Công Xưởng – Đại Tá Kiềm lại hỏi “tại sao anh chưa đi?” và cho biết “Bộ Tư Lệnh HQ đã được lệnh giải tán từ 2 giờ chiều (ngày 29-4)”. Thiếu Tá Liễm, chỉ huy trưởng Biệt Đội Chiến Tranh Chính Trị – Hải Quân, trước đó cũng không được biết bất cứ một tin tức, không được ai, kể cả nhà thơ Phan Minh Hồng tại BTL – HQ hứa liên lạc khi có biến chuyển và lệnh “tan hàng”.

Ông Liễm vẫn còn bám trụ chỉ huy 4 đơn vị bao gồm Nút Chặn Trại Cừ Long và Newport. Cả giờ sau khi gặp Đại Tá Đỗ Kiềm, giống như ông Hùng kể lại, người quân nhân mang lon thiếu tá Hải Quân, dù quen mặt cố gắng muốn được qua cầu (thì bị người sĩ quan gác cầu, không xa lạ, lại chĩa súng đòi bắn). May cho ông vừa đúng lúc, được Trung Úy Vy (phụ tá của Đại Tá Triết) trọ ở nhà ông Liễm, lái xe chở vợ con qua cầu vào HQCX, có chìa khóa riêng mở dây xích khóa hai bên cầu Ava – lẳng vào HQCX. Một nhân chứng gặp được Thiếu Tá Bá Hạm Trưởng, quen biết nên được cho lên tàu HQ-801, tại vị trí 4, HQCX, và hạm trưởng cho LCVP về đón vợ con, đón Thiếu Tá Vũ Trạch người về từ Đà Nẵng, Cha Dụ, anh em Cha Vũ Thành. và mấy chục người bà con của LM Dụ từ Nhà Thờ Hiến Linh. Những nhân chứng này

kể lại, họ lên Tàu đầy đủ, thì HQ 801... rời bến. Trước đó nhóm người xuống tàu không đi kèm hạm trưởng, vẫn bị lính canh “đuổi lên”.

Mỗi khi Hạm Trưởng Bá đích thân dắt tay ai đến tận cầu thang thì mới được lên. Có người hỏi Hạm Trưởng Bá “chùng nào tàu rời bến?, Hạm Trưởng Bá tránh né trả lời: “không biết bao giờ đi?... Nhưng chỉ khoảng mười phút sau, khi hạm trưởng đã lên HQ 801.. rồi, thì tàu rời bến.

Theo lời kể của HQ Đại Tá Bùi Cửu Viên, hạm trưởng kinh nghiệm về Dương Vận Hạm (loại LST có tên: Mỹ Tho, Cần Thơ...) thì “HQ 801 khi rời HQCX khoảng 8 giờ 30 tối, với một máy chánh bất khiển dụng... HQ 801 gặp Soái Hạm Trần Hưng Đạo mắc cạn ở Quatre bras – quá nửa đường Sài Gòn – Vũng Tàu)“.

Sự kiện HQ-1 bị mắc cạn được HQ 801 trợ giúp theo lời Phó Đề Đốc Hồ Văn Kỳ Thoại: “Có tin nói rằng Hạm Trưởng Soái Hạm Trần Hưng Đạo HQ1, Nguyễn Địch Hùng (khóa 4 Brest) về nhà đường Trần Hoàng Quân đón vợ đến hơi chậm sau 8 giờ tối mà chưa tới nên, bị “bỏ” ở lại; vì trên tàu được một trong hai ông Phó Đề Đốc hiện diện “lấy quyền” chỉ huy bắt HQ 1, rời bến sớm hơn – dù hạm trưởng chưa về kịp..”

Riêng Hạm Trưởng Đinh Mạnh Hùng của HQ 2 – mang tên Trần Quang Khải – còn nhớ lại: “Vào lúc 5 giờ 30 chiều 29-4-75, cơn mưa chiều vừa tạnh, khi chuẩn bị xuống chiến hạm, chuẩn bị công tác chiến dịch “Di Tản – Lui Binh”, có nhìn thấy vài Sĩ Quan từng quen thuộc trước đây ở tại Bộ Tư Lệnh.” Hơn ba thập niên sau, theo lời kể lại của Hạm Trưởng

Hùng thì: “Ông Ung Văn Đức cùng một Thiếu Tá nói với Hạm Trưởng Hùng “thi hành lệnh của Đại Tá Triết không cho hạm trưởng và nhân viên, hoặc bất cứ ai được xuống tàu di chuyển nếu không do chính Đại Tá Triết cho phép“..

Hạm Trưởng Đinh Mạnh Hùng (nay ở Seattle) cũng thuật lại tương tự” chính tôi đã bị cản lại không được xuống tàu, tôi đã phải dùng máy liên lạc cho một tiểu đĩnh đến đón ở bờ sông trước nhà hàng Majestic, và lên tàu phía tả hạm, bằng thang dây..”

5. Tổng Thống Dương Văn Minh Đồng Ý Cho Di Tản “Về Miền Tây”

Cũng khoảng 4 giờ chiều hôm ấy, trong cơn mưa nhỏ và mây xám âm u

vùng BTL– HQ, Phó Đề Đốc Nguyễn Hữu Chí, Tư Lệnh Hành Quân Lưu Động Biển đã cùng với gia đình Phó Đề Đốc Hoàng Cơ Minh xuống HQ 3. Trong khi trước đó vào lúc 2 giờ Phó Đề Đốc Hoàng Cơ Minh đứng trên một chiếc PCF, đậu ngay cầu tàu Tư Lệnh để dàn xếp mọi diễn biến. Ông nói như ban lệnh rất lớn chỉ về hướng tôi còn đang lơ ngơ ngác hướng mắt nhìn ông: “anh sĩ quan, nhờ gặp sĩ quan trực liên lạc gấp với tư thất Tư Lệnh Chơn ngay bây giờ...” Khi tôi bước vào chỗ ngồi làm việc cũ khoảng sau 2 giờ chiều, chuông điện thoại reo liên hồi, tôi kịp bốc điện thoại để nghe, đầu dây bên kia là Trung Tá Khanh – Chánh Văn Phòng Tư lệnh, đang đích thân “ra lệnh” cho tôi: “Phải Sĩ Quan Ban Thông Tin Báo Chí đó không? – chiều nay có họp ở Bộ TTM, anh cho mang, máy chụp hình và máy thu băng,

lên chánh văn phòng Tư Lệnh“. Tôi thi hành ngay vì chánh văn phòng chỉ cần bước lên cầu thang bên phía tay mặt dãy nhà của tôi ngồi là tới.

Từ giờ phút ấy Tướng Minh trở lại chiến hạm. Từ đó có lệnh từ chiến hạm “Nội bất xuất, ngoại bất nhập”. Và cho đến chiều tối mới chuyển qua HQ 5, chiến hạm này “được chọn làm soái hạm chỉ huy”.

Đô Đốc Cang muốn bảo toàn đoàn Chiến Hạm đến giờ chót hoặc lên đường ra Côn Sơn, Phú Quốc hoặc Miền Tây. Những điều này khi trình bày với TT Dương Văn Minh đều được Tổng Thống gật đầu và không phản đối điều gì. Chủ trương của ông Cang cùng với các vị tướng tham mưu là không chấp nhận liên hiệp. Xung quanh ông là những tướng lãnh chủ trương chống Cộng,

chống Liên Hiệp với CS... như Phó Đề Đốc Hoàng Cơ Minh, Phó Đề Đốc Đinh Mạnh Hùng, Phó Đề Đốc Đặng Cao Thăng, Phó Đề Đốc Nguyễn Hữu Chí.. Và Phó Đề Đốc Nghiêm Văn Phú, là một sĩ quan chỉ huy mà trước đây từng có những bất hòa riêng với Tư Lệnh, nhưng chính cuộc chiến đấu và di tản cuối cùng gay go này đã đưa những người có những bất đồng ngồi lại gần nhau... cùng hữu hiệu làm việc.

Họ thường xuyên liên lạc với Đại Tướng Minh, nhưng ngày cuối, Đại Tướng Minh đã bày tỏ rõ ý muốn ở lại của riêng ông, và buông xuôi đồng ý cho các đơn vị quân đội và HQ được quyền tự giải quyết hoặc đưa quân nhân các cấp “di tản... lui binh”, sau khi ông cảm thấy đã tuyệt vọng và bị lừa ?.

Phó Đề Đốc Nguyễn Hữu Chí, tức

nhà thơ Hữu Phương lại là vị tướng độc nhất trong BTL HQ (?)” muốn phá hủy cơ sở Trung Tâm Hành Quân và Phòng Hai để bảo mật, theo như lời ông kể lại. Trong lúc rời nhiệm sở, ông nói ra ý định muốn dùng lựu đạn lân tinh để tiêu hủy hồ sơ theo mục đích bảo vệ những người còn kẹt lại và ngăn chặn khi VC tới”. Phó Đề Đốc Chí sau đó ra chiến hạm bằng tiểu đỉnh và lên bằng thang dây vì cầu tàu đã bị kiểm soát nghiêm ngặt, như lời ông kể lại khi đến Hoa Kỳ.

Các phòng sở khác êm ả như nhà hoang cửa trống, ai cũng túa ra về vì tất cả họ tâm trạng đều rối bời, không ai tiếc nuối gì hoặc có một hành động gì khác, ngoài nhóm người thân cận với tân Tổng Thống Dương Văn Minh thì còn hy vọng vớt vát tìm giải pháp... chiến đấu (?)... Có lẽ vì vậy vài sĩ quan Hải Quân giờ

chót chưa đi, khi “chọn” ở lại hay “không muốn đi”, như trường hợp Đại Tá Tấn không sau buổi họp sáng sớm ở TTM về, ông chủ trương “ở lại BTL – HQ chiến đấu. Vì không đi theo đoàn tàu, ở lại, ra trình diện bị trên 16 năm tù “cải tạo” thế mà còn bị mang tiếng là đặc công nằm vùng! Ông Tấn đã kể lại và xác nhận “được khẩu lệnh của Tổng Thống Dương Văn Minh hành xử quyền Tư Lệnh Hải Quân”.

Trưởng phòng Tâm Lý Chiến là HQ Trung Tá Lê Như Linh (người dành cho tôi những ưu ái – mà tôi không quên), ông cho tôi trái ngọt lẫn trái đắng: đi Hong Kong với Tư Lệnh Phó HQ Lâm Ngươn Tánh, (hai người đại diện HQ và chính phủ) đón tù binh VNCH tử thủ Hoàng Sa do Trung Cộng trao trả. Lên thăm Đài kiểm Báo TàKú trên đỉnh núi

do HQ Trung Ủy Phạm Ngọc Đông là Trưởng Đài. Ra Cửa Việt ghi nhận trận giao tranh với tàu địch. Ra Trại Tù Phú Quốc hai lần gặp Đại Tá Nguyễn Văn Thiện quan sát trại tị nạn, đón nhận hàng ngàn quân nhân di tản về. Hai lần ra BTL HQ vùng 1 tại đây ra gặp Tướng Thoại tại Đà Nẵng những ngày cuối tháng 3 suýt soát bị kẹt lại – khi hàng ngàn người dành chỗ lên C-130 về Sài Gòn, rồi còn ra Quy Nhơn Ra Nha Trang và bên ngoài bãi biển Cam Ranh Nha Trang giữa tháng Tư gặp Tướng Hoàng Cơ Minh... Gần chót là trại tị nạn tại Căn Cứ Cát Lái do Người Nhái giữ an ninh.

Tôi thấy bao nhiêu cam go phải hứng chịu!. Hai tháng cuối cùng đi liên miên như một “phóng viên chiến trường” mà thôi! Trung Tá Linh “không rời bỏ đơn vị trước như một số sĩ quan khác ngay trong

BTL-HQ”. Chính vào lúc 10 giờ sáng 30 tháng Tư, Trung Tá Linh còn vì nể tình tôi nhờ cậy, đã đón gia đình Giáo Sư ĐH Luật Khoa, Lê Đình Chi vô phòng làm việc của ông ngồi chờ, hứa sẽ giúp nếu có phương tiện. và tin loan truyền sau này của ông “kêu gọi các hạm trưởng không rời bến...”, cho mãi đến khi ông đã định cư ở HK, tôi vẫn “ngại ngần” không dám hỏi: Vì sao... và vì sao? Nhưng.. Tôi vẫn quý trọng ông!

Tôi “tin chắc” trong suốt bao nhiêu năm trong Hải Quân (mãi đến 4 năm sau mất Sài Gòn) tôi chỉ thấy có một người đó là Trung Sĩ Tâm Lý Chiến, Huỳnh Thanh Vân, cũng là tài tử điện ảnh, là cán bộ nằm vùng sau 1975 đã trở thành thủ trưởng phòng Tài Chánh và Ngân Hàng Quận Tân Bình, “cấp bậc ngang hàng tướng lĩnh” là dân nằm vùng mà

thôi, như lời xác nhận của Trung Ủy Tài Chánh Nguyễn Văn Hưng (ở gần nhà Bakerfield-CA, là hàng xóm với Đô Đốc Cang và suôi gia của ông là Chuẩn Tướng Lưỡng – Nhảy Dù). Còn những tiếng đồn khác về như nhà văn Chu Sinh (Trung Ủy Chu Sĩ Lương đơn vị chót BTL-LLThủy Bộ) theo lời Huỳnh Thanh Vân kể, và những người khác ở lại, hoặc không đi được. Gọi họ là “nằm vùng” thì tôi cũng khó tin được và thật là “gieo tiếng ác” không ai hiểu nổi những uẩn khúc chưa được giải thích!.

Đô Đốc Cang, theo sát an ninh vào những giờ cuối cùng. Ông liên lạc với Bộ Tổng Tham Mưu, cũng như Đại Tá TQLC Cổ Tấn Tinh Châu, chỉ huy trưởng Đặc Khu Rừng Sát và Thủy Trình sông Lòng Tảo, Vàm Cỏ – Soài Rạp... để giữ an ninh cho đoàn chiến hạm có khả năng di

chuyển trên sông Sài Gòn trong vòng vài giờ ra khơi, cùng hướng về điểm hẹn đặt dưới quyền chỉ huy toàn diện của chính ông, không trở thành mục tiêu của VC sẽ trải dài hai bên bờ sông. Ông Cang là vị tướng đã thu gom quân nhân dưới quyền tập hợp cùng di tản nhẹ nhàng, có tính toán, mà chắc rằng không ai có khả năng điều động rộng lớn trong tình huống khó khăn và tuyệt vọng như thế!

“Nếu không có lệnh đầu hàng, và nếu không có “lệnh nào khác” thì một khối lượng lớn tướng lĩnh, sĩ quan, quân nhân các quân binh chủng và Hải Quân đã cùng có mặt tại Miền Tây” (?), như chính lời Đô Đốc Cang cho biết như vậy, qua các bài phỏng vấn và tin tức chính thức sau này.

Lực Lượng Đặc Nhiệm 99 cũng là “con đẻ” của ông, một tổ chức cần thiết

để giữ an ninh giờ chót cho Sài Gòn. Có lẽ chính vì thế mà nhiều người còn rời Sài Gòn được trong ngày 30-4, như trường hợp nhà thơ Nhất Tuấn, và nhiều người khác còn cơ hội lên được Quân Vận Đỉnh 9604 ra khỏi sông Sài Gòn từ Nhà Bè hoặc Tượng Trưng và Tượng Vĩnh Lộc rời Sài Gòn trong khoảng 4 giờ trên sông mà không bị VC bắn từ hai bên bờ sông.

Tối trưa 30-4, những vụ hôi của dọc kho Trịnh Minh Thế và Khánh Hội gây ra những vụ nổ súng và khói lửa trong khi VC vẫn chưa xuất hiện dọc đường như nhiều người lo âu.

6. Hải Quân Ra Khơi

Tư Lệnh HQ Chung Tấn Cang dĩ

nhiên đã không ra đi trước bằng phương tiện hàng không như ông kể lại. Cũng giống như Phó Đề Đốc Chí, Đề Đốc Chơn, Đại Tá Tấn– Khố An Ninh HQ đều là những nhân vật quan trọng họ cũng không phải kiểm chỗ để lên máy bay đi trước“.



Cựu Đề Đốc Trần Văn Chơn tiếp xúc Hoài Hương nghiên cứu luận án về QLVNCH, (ảnh Phạm Quốc Bảo – năm 2000)

Trước đó một ngày, Đề Đốc hồi hưu Trần Văn Chơn “ra Vũng Tàu đón cha mẹ về cùng đi, chờ lên máy bay của Quân Đội HK, nhưng cuối cùng tôi đã quyết định ở lại. Con trai, là hạm trưởng HQ 601, HQ Đại Úy Trần Minh Chánh, cũng từ chối đi tản trong chiều tối 29/4, để rồi phải chịu đi tù nhiều năm. Đề Đốc Trần Văn Chơn đã kể lại trong buổi thăm viếng tại San José sau năm 2000, cùng hồi tưởng về năm tháng trước 1975, và những ngày cuối cùng tại BTL–HQ)

Trong cơn mưa chiều 29, “vài tướng lãnh tập trung trong khu vực Hải Quân để xuống tàu nên có tin đánh hỏa mù là cvài ông tướng được lệnh “tập trung tại đây”. Theo một nhân chứng kể lại thì các vị này tạm lưu trú tại một khu nhà một ông tướng trong khu vực gần BTL Hải Quân gồm có: Trung Tướng Lâm Quang

Thi, Lâm Quang Thơ, Nguyễn Bảo Trị, Nguyễn Đức Thắng, Phạm Quốc Thuận, Chuẩn Tướng KQ Nguyễn Đức Khánh... được phó Đề Đốc Chí và sĩ quan Hải Quân nhanh chóng mời đón lên chiến hạm HQ. 2 cùng di tản chiến đấu”. Như sự chứng kiến và giúp cho xuống chiến hạm theo lời kể lại bằng trí nhớ còn đầy cảm xúc của Hạm Trưởng HQ 2 – Đinh Mạnh Hùng.

Phó Đề Đốc Lâm Ngươn Tánh vừa rời chức vụ Tư Lệnh Hải Quân tháng trước, ngày đó cũng mới từ xa về, được hướng dẫn xuống Soái Hạm HQ 1, đậu ở vị trí 1 gần sát đường lộ mặt tiền BTL-HQ. Đại Tá Bùi Kim Nguyệt cùng vợ con của ông và vợ con của Đại Tá Dĩ cũng được hướng dẫn lên chiếc HQ1 trong lúc nhiều người chen lấn cũng muốn tìm cách lên tàu. Đại Tá Nguyệt và gia

đình định cư tại Bremerton, rồi Seattle mà tôi có dịp gặp gỡ, cùng với Đại Tá Dĩ sau khi đi tù 13 năm tôi cũng được gặp nhiều lần khi ông sống ở Seattle. Ở vị trí số 2 cặp chính giữa là HQ 3 – Phạm Ngũ Lão, Ngoài cùng vị trí số 3 là HQ 2 – Trần Quang Khải do HQ Trung Tá Đinh Mạnh Hùng là Hạm Trưởng kể lại: “đã tuân theo kế hoạch rời bến của Ông Số 1” “giờ Zéro”. Có các chiến hạm khác kể cả các chiến hạm PCF trong nhóm tàu của Phó Đề Đốc Hoàng Cơ Minh chỉ huy đã rời bến sớm vào khoảng 6 giờ chiều. Mỗi khi có một chiến hạm tách bến lại có vài người trên bờ nổ súng... Và nhiều trực thăng bay lượn xa gần vòng quanh Bộ Tư Lệnh càng lúc càng nhiều như muốn được nhảy xuống nước để được HQ vớt.

“Hải Quân ra đi không chỉ mang

theo Hải Quân và gia đình của họ mà còn các quân nhân các cấp, mọi Quân, Binh Chung và cả thường dân nữa“. Trung Úy Y Sĩ SĐ 3 Bộ Binh, Phạm Anh Dũng cũng là một nhạc sĩ bày tỏ chân tình như “một lời tri ân” không thể quên đối với một Quân Chung đã hoàn tất một sứ mệnh vì dân. “Tôi và Minh Hà, vợ mới cưới hai tuần thôi... như có Đức Mẹ hay Phật Quan Âm dẫn đường dắt tay chúng tôi cùng ra Bến Bạch Đằng, chạy loạn có nhau, vào lúc nửa đêm – lúc ấy một khoảng rào kẽm gai ở lối vào bỗng nhiên mở ra đủ để 3 người lọt vào.

Trong khi có hàng ngàn người nối đuôi nhau để qua khỏi rào kẽm gai tiến đến lên tàu mà không được. Một may mắn khó hiểu rõ ràng người phụ nữ nắm tay kéo tay chúng tôi vượt qua rào ra phía sau HQ 1 (nơi không có cầu thang lên tàu

mà chỉ có dây kéo)... Rồi ngay tức khắc vợ tôi được kéo dây lên tàu, rồi đến lượt tôi. Nhưng người phụ nữ dắt tay chúng tôi lên tàu đã đi khuất. Chỉ đúng 2 phút ngay sau đó, tàu HQ-1 chặt dây, tiến máy xa bờ không còn ai lên được nữa... Nhờ tàu Hải Quân tôi được... ra đi”.

Sau này một bạn thân cũ của Hạm Trưởng Bá (khóa 11 HQ) kể lại: “HQ 801 rời bến khi gia đình tôi đã chọn một góc phòng.. tránh sự đông đúc... Chẳng bao lâu thì hạm trưởng xuống tàu, cho lệnh khởi hành. Tôi nhớ lại đêm ra đi từ HQCX đi qua trước BTL, rồi tôi nhìn lại nơi tầng thượng của Majestic, hồi Tết Mậu Thân, tôi và nhiều chiến sĩ HQ phải canh gác phòng thủ kéo dài trên 6 tháng... Tại mặt lộ, sát mặt đường nhìn ra bờ sông là quán ăn vỉa hè CaRic, nơi mà anh em Hải quân từ BTL rất quen và

thích các món thịt nguội và lave...”.

Éo le trong chuyến hải hành cuối cùng Soái Hạm – (HQ 1) lại bị mắc cạn... ở góc chữ L theo lời con trai của Đại Tá Dĩ kể lại. Cũng phải mất đến 4 giờ đồng hồ để HQ 1 được tàu HQ-801 kéo khỏi mắc cạn, và Đại Tá Phan Phi Phụng được cử làm Hạm Trưởng và để chuyển một số người sang HQ-801. Sĩ quan hiện diện trên tàu HQ-801, đứng ra phụ trách việc khó khăn kéo tàu HQ-1 ra khỏi chỗ cạn là Đại Tá Hải Quân Bùi Cửu Viên, Chỉ Huy Trưởng TTHL/HQ Cam Ranh, vì ông là người có nhiều kinh nghiệm về loại tàu 800...

Sau vài ngày đoàn Tàu ra đến điểm tập trung ở Côn Sơn đúng như kế hoạch của Tư Lệnh Cang, trong lúc Tư Lệnh tái phối trí Đoàn Hạm Đội, về Miền Tây như kế hoạch để tái hoạt động. Không

rõ sẽ chọn là Côn Sơn hay Đảo TaMát-Su (nơi Vua Gia Long từng ẩn trú trước khi về chiếm cứ lại Đất Liền). Đó là kế hoạch mật không được Tư Lệnh công bố. Tuy nhiên chiếc tàu nào không khiển dụng thì được đánh chìm, để thành lập một đội ngũ Hạm Đội.

Lúc này xảy ra những trục trặc làm vỡ một phần kế hoạch vì đón người từ Năm Căn từ Phú Quốc của Trung Tá Nhượng không thi hành đúng lệnh!

Vì Thủy Thủ Đoàn HQ 801 có nhóm người muốn về, trong đó có Hạm Trưởng Nguyễn Phú Bá (vì nội bộ gia đình) cũng xin được rời bỏ Hạm Đội Di Tản trở về đất liền trên Tàu Dầu HQ 472, hướng về tới Vũng Tàu. Ở Côn Sơn trong những ngày đầu tháng 5- 75, “Bộ Tư Lệnh HQ – Ngoài khơi” do Tư Lệnh Cang đã chỉ định Đại Tá Bùi Cửu Viên làm hạm

trưởng HQ 801 từ đó.. Lúc ấy tàu phải lo ngày 2 bữa cơm cho khoảng 2,000 đầu người, trong số này có cha Cao Văn Luận Cha Chu Quang Minh (nghe nói có thể có 2 vị tướng nhưng không xuất hiện). Vì lo ngại Hạm Trưởng Bá – sẽ mang HQ 801 bỏ Đoàn Hạm Đội quay về, khiến nhiều người vội nhảy sang HQ 9, trong số này có cả Trung Úy ca sĩ Vũ Trọng Thanh (BĐ– CTCT– HQ), sau này đến Hoa Kỳ, có con gái nổi nghiệp là ca sĩ Thùy Hương– Trung Tâm Asia. HQ 801 tiếp tục hải trình “thuận buồm xuôi gió” từ khi có Hạm Trưởng Bùi Cửu Viên chỉ huy...

Khi Chiến hạm rời bến, người ta nhìn thấy ngọn lửa đang bốc cao từ Kho Đạn Thành Tuy Hạ và Kho Xăng Nhà Bè. Mặc dù trước đó cũng có nhiều người rời Sài Gòn từ khu vực Quân Cảng vùng

Cát Lái hướng về Phú Quốc. Trong lúc này Phi Trường Tân Sơn Nhất và Bộ Tư Lệnh Không Quân đã là trọng điểm của những đợt pháo kích, nhiều cấp tướng và cấp tá đã cho biết họ không còn tìm được máy bay để rời Sài Gòn. Hình ảnh Bộ Tư Lệnh Hải Quân và sông Sài Gòn bị pháo kích cũng trong tầm tiên liệu và lo âu như ở phi trường, nhưng làn sóng người vẫn kéo về thật đông.

Sáng sớm ngày 30 tháng 4, tuân lệnh từ nội các chính phủ, HQ Trung Tá Lê Như Linh cho phát ra lời kêu gọi “các chiến hạm đừng rời bến” mà một số hạm trưởng, sĩ quan nghe được trên hệ thống truyền tin nội bộ. Riêng HQ Đại Tá Nguyễn Văn Tấn, quyền Tư Lệnh BTL/HQ kể lại với tôi sau này”sau khi đi họp với Tướng Vĩnh Lộc từ 7 giờ 30 sáng, có cả ông Vanuxem cựu tướng lãnh Pháp

trong buổi họp này. Tướng Vĩnh Lộc đã ra lệnh Hải Quân phải cung cấp chiến hạm cho ông“. Trở về BTL/HQ ngay sau đó, Đại Tá Tấn đã ra lệnh cho Sĩ Quan Báo Chí, và phóng viên Võ Hà Anh (người xướng ngôn viên của chương trình Phát Thanh Hải Quân) viết các lời kêu gọi của Tư Lệnh HQ “ban hành lệnh cho anh em chiến sĩ tiếp tục giữ vững tay súng” mà không đi đâu cả“. Sĩ Quan Báo Chí cũng như phóng viên HQ lúc ấy cả hai người không ai viết hoặc đọc lời kêu gọi này.

Cựu Trưởng khối CTCT BTL– Hải Quân là Đại Tá Trần Văn Triết “đã rời nhiệm sở, trước đó đã nắm quyền kiểm soát, cho phép từng người xuống chiến hạm“. Cũng vẫn theo lời Tướng Chí và Hạm Trưởng Hùng cho biết: “ông Triết đã rời bến nhanh chóng và có mặt ở Phi

đầu tiên, mà không đi theo 3 phân đội di tản của HQVN...”.

Cho đến lúc bấy giờ, tôi vẫn còn vào nơi phòng làm việc ở Bộ Tư Lệnh HQ không còn ai còn ngồi tại chỗ, phòng nào cũng trống– vắng người, tôi còn trông thấy HQ Thiếu Tá Trần Bá Hạnh, còn ra vào văn phòng làm việc, chuyện trò với anh em đoàn viên, nét mặt trầm tĩnh. Lúc ấy bước vào Tiểu Ban Điện Ảnh, tôi nghe bản tin đặc biệt qua radio lập đi, lập lại cách 5–10 phút, loan tin: “tân nội các Vũ Văn Mẫu đòi trục xuất cơ quan DAO và lực lượng Hoa Kỳ..”

Anh em làm ở BTL – HQ đều biết “Thực sự Tướng Cang, là người lâu nay có uy thế liên lạc chặt chẽ với Bộ Tổng Tham Mưu, với Dinh Độc Lập, với cả ông Thiệu... Ông nổi danh từ khi tham gia đảo chánh 1–11–63 thành công, ông

rất ít nói... vài người thân cận như Đại Tá Bùi Kim Nguyệt, Đại Tá Trần Phước Dĩ, Phó Đề Đốc Diệp Quang Thủy... Gần cuối tháng Tư, ông Cang để cho Phó Đề Đốc Diệp Quang Thủy có HQ Thiếu Tá Phước (Tacoma-WA) đi cùng, thay mặt ông là “con thoi” với ông Dương Văn Minh khi cần... Thiếu Tá Phước đã kể lại sau này.

Các chức vụ quan trọng kể cận Tư Lệnh Chung Tấn Cang như: Phó Đề Đốc Nguyễn Hữu Chí, Tư Lệnh Hành Quân Lưu Động Biển; HQ Đại Tá Nguyễn Xuân Sơn, Tư Lệnh Hạm Đội; HQ Đại Tá Đỗ Kiểm, Tham Mưu Phó Hành Quân BTL-HQ; Đại Tá Luân, Chỉ Huy Trưởng Khối Tiếp Vận; Đại Tá Phạm Mạnh Khuê- tân Tham Mưu Trưởng Hành Quân Biển, thế chỗ Đại Tá Sơn vào ngày chót; Phó Đề Đốc Diệp Quang Thủy, Tham Mưu

Trưởng Hải Quân; Phó Đề Đốc Đinh Mạnh Hùng, Tư Lệnh Hành Quân Lưu Động Sông; Đại Tá Đông, Tư Lệnh Lực Lượng Đặc Nhiệm 99. Những cách biệt cá nhân không còn nữa, cuộc di tản mang họ lại gần nhau.

Riêng trường hợp cá nhân tôi, chỉ là một sĩ quan rất trẻ, lúc ấy mang cấp bậc Trung Úy, và phục vụ trong lãnh vực Thông Tin – Báo Chí. Trong ban Thông Tin Báo Chí, tôi là trưởng Tiểu Ban Báo Chí, trong ban còn có ba Thượng Sĩ – Phóng Viên Báo Chí Hải Quân và một Thượng Sĩ – Báo chí (được tu nghiệp từ Hoa Kỳ) nhưng không phải là phóng viên hoặc không có nhiệm vụ viết tin. Tiểu Ban Báo Chí còn có hai đoàn viên và hai nữ nhân viên dân chính. Chúng tôi thuộc Ban Thông Tin BTL/HQ do HQ Trung Úy Nguyễn Tất Ứng là Trưởng

Ban Thông Tin, còn có hai tiểu ban khác nữa, một người bạn cấp bậc Trung Ủy là trưởng Tiểu Ban Ấn Loát Hội Hòa, có “Thượng Sĩ Tư Cầu” là phụ tá và Vũ Thái Hòa cũng là nhạc sĩ kiêm họa sĩ trong Ban Ấn – Hòa, trong ban này có một đoàn viên tên Hào (cùng định cư tại WA) có người anh là nhà văn Đào Vũ Anh Hùng bên KQ. Trung Ủy Chương An Hòa là trưởng Tiểu Ban Điện Ảnh, với phụ tá là Thượng Sĩ Sùng chuyên lo về hình chụp, quay phim (rất gần gũi trực tiếp với các vị tư lệnh), tiểu ban này còn có vài đoàn viên phụ tá.

Tôi muốn nhắc đến một chút về sự quan tâm chọn sĩ quan về làm ngành thông tin báo chí, mà Nguyễn Tất Ứng là một thí dụ. Trước 1968, Ứng quen biết và hoạt động với Cha Hoàng Quỳnh, chỉ qua một buổi gặp gỡ sơ giao giữa linh

mục Quỳnh và Tư Lệnh Trần Văn Chơn, khi Cha Quỳnh chỉ thộ lộ vô tình: tôi có một giáo dân cũng là sĩ quan HQ có tinh thần cao tên là Nguyễn Tất Ứng... Không ngờ chẳng bao lâu sau, Tư Lệnh Chơn đã đích thân cho tìm ra Ứng, ban hành lệnh chuyển Trung Ủy Ứng về làm thông tin – báo chí.

Đó cũng là trường hợp Trần Trọng Thức. Vì tôi là bạn cùng học với Ứng, nên chúng tôi làm việc chung rất hết lòng. Ứng không lên tàu kịp, phải cùng ở “trại Cải Tạo” chung trại với tôi, Hà Thúc Sinh, Nguyễn Văn Khoa, nhạc sĩ Nguyễn Văn Hóa... khi được thả về: người đi theo đường H.O., người chọn vượt biển... Ứng ở trong số những người theo đường vượt biển, đã cùng với vợ mới cưới cùng chìm sâu... trong lòng biển Đông.

Tôi còn nhớ trong những giây phút

hoang mang ấy chúng tôi những người bạn thân quen ngoài Ứng, còn có HQ Trung Úy Phạm Vĩnh Xuân (nhà thơ Hà Thúc Sinh), và HQ Đại Úy Đặng Phú Thiệt (ban Nghiên Cứu Kế Hoạch và ban Tuyên Vận cùng phòng Tâm Lý Chiến) tốt nghiệp từ Đại Học Chiến Tranh Chính Trị được chính Tư Lệnh Chơn “kéo” về phục vụ trong cùng Khối CTCT Hải Quân.

Gần cuối tháng 4- 75, Đặng Phú Thiệt cũng từng bàn với tôi, “mình chiếm đoạt một tàu loại nhỏ càng sớm càng tốt rời Sài Gòn ra đi khi bị bỏ rơi..”. Thân hơn nữa, tôi còn có HQ Trung Tá Trịnh Tiến Hùng, ông cũng là “cánh tay mặt” của Đại Tá Sơn, sau khi lo cho người thân và nhân viên thuộc cấp, chính ông cũng muốn giúp tôi mang gia đình lên tàu HQ với ông (nếu không có phương

tiện di tản nào khác). Sau này tôi được biết ông Hùng thay vì lên Chiến Hạm, đã có phương tiện máy bay đi vào ngày cận chót.

Như phóng viên báo chí Hải Quân – Thượng Sĩ Nguyễn Viết Kim tức nhà văn Người Khăn Trắng, trong ngày 29 tháng 4, nhân việc đi săn tin tức, chở tôi trên chiếc xe Honda đàn ông đỏ của anh, tâm sự với nhau những lời từ giã, vì vợ con anh đã ra Vũng Tàu và chờ ra khơi rồi. Anh đang tìm đường gấp rút ra đi. Chúng tôi nói những lời chia tay từ đó. Trong cơn hỗn loạn ngày 29- 4, thế mà tôi còn gặp Nick Út, Lara (ban Báo Chí Gia Long, ở gần Dinh Độc Lập), gặp Đệ, ông Ba Lê, Huỳnh (của các hãng thông tấn Hoa Kỳ)... tất cả đều bối rối... chẳng khác gì tôi.

Như nhà văn Võ Hà Anh, vừa là Thượng Sĩ phóng viên Báo Chí và cũng nổi tiếng thời ấy in nhiều tiểu thuyết tên Dung– Võ Hà Anh, Anh rất chu đáo và tìm xin “giấy” cho anh em “trong phòng” Báo Chí. Chúng tôi, còn có Thượng Sĩ phóng viên Triều Dương, Thượng Sĩ Báo Chí Hà Minh Trung, và cô dân chính Cẩm Vân (học xong năm thứ Tư Công Pháp) để giúp có những giấy tờ lên máy bay đặc biệt do cơ quan DAO cấp “giấy” cho thân nhân người Hoa Kỳ... Vợ chồng nhà văn Dung – Võ Hà Anh, sau vài năm ở lại, lặn lội ngược xuôi rồi cũng định cư tại Pháp.

Như HQ Thiếu Tá Nguyễn Đình Sài, tác giả của vài bài thơ hay, thường cho tôi đọc thời ấy vẫn rất giữ “quân phong quân kỷ” cùng với nhóm sĩ quan BTL–HQ phải vào doanh trại kiểm soát các

toán sĩ quan và đoàn viên trực gác canh phòng mỗi đêm cho đến hết những đêm cuối... cho tới giờ lên tàu khuya 29 tháng Tư...

Và chúng tôi vẫn gặp bạn cũ, HQ Đại Úy Lê Rĩnh, sĩ quan tùy viên của Phó Đề Đốc Đinh Mạnh Hùng (là người chỉ thiết với Tướng Hoàng Cơ Minh tại vùng Bắc–Mỹ Châu); Nhà thơ Hà Thúc Sinh say mê làm thơ và dịch sách từ đó, là Trung Úy đơn vị Hải Tiếp Vụ trong Hải Quân Công Xưởng. Tuy nhiên Hà Thúc Sinh giống như Võ Hà Anh, Nguyễn Tất Ứng và trường hợp của nhiều người khác, họ cũng không liên lạc được với máy bay của DAO, (dù có chủ đích) nhưng với con số người quân đội cần bốc khỏi Sài Gòn ngày càng tăng, nhiều quân nhân và giới chức Hoa Kỳ vẫn chưa kịp lên máy bay rời Sài Gòn được...

Và dù biết danh sách các địa điểm trực thăng đón và có danh sách được đón đi, tôi cũng chẳng màng “đi qua điểm hẹn, hoặc chờ nghe bài hát White Christmas sẽ phát trên làn sóng phát thanh quân đội Hoa Kỳ”, được cho biết mật từ một tuần trước.. như phóng viên báo chí Thượng Sĩ Võ Hà Anh đã căn dặn, như lời dặn của một cô dân chính (thông dịch viên tại Phòng 2 thuộc Khối Hành Quân) có uy tín và tiếng nói với Phó Đề Đốc Nguyễn Hữu Chí. HQ Đại Úy T. trước từng ở Phòng Hai trước năm 1970, vào khoảng 9 tới 10 giờ sáng 30 tháng 4 trở lại nhìn lại Phòng Hai “vô BTL coi thế nào” theo yêu cầu của Phó Đề Đốc Nghiêm Văn Phú đang đợi ngoài sông Vàm Cỏ. Đại Úy T lái Giang Tốc Đỉnh PBR, về đậu ngay bờ vách trước BTL, về chỉ để từ giã chốn làm việc năm xưa.. Gặp Đại Úy Tạo đang đứng kiểm

soát cổng BTL- HQ, vì là bạn thân thiết cho Đại Úy T. biết “theo lệnh nghiêm ngặt của Đại Tá Tấn “nắm quyền” Tư Lệnh HQ, ra lệnh không cho ai vô Cao Ốc Mới” nơi có Phòng Hai, nhưng Đại Úy T (**) đã mãn nguyện trở về, nhìn lại Phòng Hai trong những giờ phút cuối cùng của quân chủng.

Tôi không còn gặp một bạn hữu hoặc nhân viên nào của Phòng Thông – Tin Báo Chí nữa, mỗi người tán loạn mỗi nơi, như phóng viên Hải Quân – Triều Dương, Nguyễn Tất Ứng, Thượng sĩ Hà Minh Trung, Dân Chính Cẩm Vân (nhân viên Dân Chính bị cho nghỉ việc vài ngày trước vì lý do ngân sách Quốc Phòng không còn để trả lương dân chính)...

Đêm 29-4, vào lúc tôi còn bận tìm người thân trong gia đình, tại Bộ Tư Lệnh, sĩ quan và đoàn viên họ gọi nhau

oi ới, mở lối đi về hướng cầu tàu cho quân nhân “Xuống tàu đi kìa, gấp lên tàu rời bến đêm nay...” Chiếc TV được mang ra đặt giữa cổng ra vào từ đêm 21-4, ông Thiệu đọc diễn văn từ chức vẫn chớp hình mà không ai muốn nhìn. Không gian đến rộn người, tôi lại rời BTL, lái xe về nhà với ý định mang gia đình vội vàng xuống chiến hạm ra đi theo bạn bè, đồng đội. Có tin nói rằng dù Bộ Tư Lệnh HQ đã “giải tán” từ 2 giờ chiều, “nhưng quá nửa khuya vị Tư Lệnh Hải Quân mới thực sự cùng trên sông nước hòa mình trong Nhiệm Sở Hải Hành”... theo lời kể lại sau này

7. Chi Tiết Di Tản Của Hải Quân Và Ông Armitage

Lúc này có một sĩ quan liên lạc cấp

tốc từ Hoa Thịnh Đốn cử tới là cựu Thiếu Tá Richard Armitage, , cấp tốc đến VN cùng với Thứ Trưởng Quốc Phòng đặc trách về Không Quân, Armitage về Hải Quân trong kế hoạch thu gom chiến cụ và nhân viên HK. Sau này về Mỹ (thời TT Bush và Bộ Trưởng Powell ông là thứ trưởng Bộ Ngoại Giao), vẫn giao tiếp với người Việt. Đề Đốc Trần Văn Chơn lại có cái nhìn khác, ông nói: “Ai đó đánh bóng tên tuổi ông ta – kẻ họ, Armitage chỉ là một sĩ quan liên lạc với Đoàn Chiến Hạm HQVN... không hơn không kém!” Trong khi bản tin tức từ Chiến Hạm USS Kirk viết rằng “Armitage góp công lớn trong việc cho quân nhân và người tị nạn tạm cư tại Phi” trái ngược với lời phát biểu của Đề Đốc Chơn rằng, khi chính quyền Phi ngăn cản, ông đã can thiệp và thuyết phục để Phi Luật Tân dành cho người tị nạn thiện cảm và đón nhận“.

Ai cũng có thể hiểu Armitage đã đóng vai trò theo dõi, đôn đốc cuộc “Di Tản – Lui Binh” êm thấm và “bí ẩn” từ ý muốn của chánh phủ Hoa Kỳ chứ không hẳn là như “phê phán” của Đề Đốc Chơn và Tư Lệnh Chung Tấn Cang.

Chính vậy Phó Đô Đốc Cang từng cho biết: “ông Armitage cũng không làm điều gì to tát và không “tỏ lộ” là “người” có quyền chỉ huy trong cuộc di tản như chúng ta lo ngại”... khi nhắc tới vai trò sĩ quan Hoa Kỳ này.

Đối với chính phủ Hoa Kỳ, có thể ông Armitage lãnh trách vụ trong chiến dịch mang về quân nhân, viên chức Hoa Kỳ và “chiến cụ chiến lược”, liên quan đến Hải Quân Mỹ, hoặc gì tàng trữ bí mật còn sót lại. Toàn thể quân nhân HK tại Sài Gòn lúc ấy chỉ còn khoảng 900 người và chánh phủ HK quan tâm nhất,

cần mang ra khỏi VN an toàn càng sớm càng tốt. Và chính ông Armitage được xem là kẻ cận nhất với Tư Lệnh HQ cho đến quá nửa đêm 29-4 cho đến khi nhập đoàn Hạm Đội...

Riêng Phó Đề Đốc Đinh Mạnh Hùng kể lại: “đã hướng dẫn sĩ quan liên lạc Armitage thăm quan sát vùng cầu Bình Lợi, quan sát khu Quân Cảng và HQCX sau đó đi xuống Chiến Hạm HQ 3 rồi chuyển qua HQ 5, và sau đó đón Tướng Cang và Tướng Diệp Quang Thủy từ một Tiểu Đỉnh lên Soái Hạm, thay vì xuống chiến hạm từ Bộ Tư Lệnh như bao nhiêu người khác để bảo mật vì đã có sự chen lấn ở Bến Tàu.

8. Ai Là Quyền Tư Lệnh Cuối Cùng Trên Đất Liền?

Chiều hôm 29-4-75, Nhóm Báo Chí Hải Quân nhận lệnh theo dõi các diễn biến đi họp tại Tổng Tham Mưu, như lời kêu gọi. Khuya 29 và rạng sáng ngày 30 tháng 4 lại được lệnh từ Đại Tá Tấn, vai trò của nhân vật số 1 của HQ; Đại Tá Tấn cũng mời Phó Đề Đốc Đặng Cao Thắng từ Miền Tây về cùng ông chỉ huy, Tướng Thắng nói “Chờ tôi lấy trực thăng và sẽ có mặt tại BTL.” Và đến gần trưa 30 tháng 4 vài giờ trước khi Tổng Thống Minh chính thức đọc lời đầu hàng lại có sự “xuất hiện” của Đại Tá Trịnh Xuân Phong, Đại Tá Trần Bình Phú, Trưởng Khối Nhân Viên Bộ Tư Lệnh được Tư Lệnh Cang (hay ông Tấn) chuyển lại quyền chính thức ra mặt, ở lại kiểm soát, chỉ huy Hải Quân?

Nhiều người gọi ông Đại Tá Tấn là Tư Lệnh cuối tháng Tư, và ông cũng ra lệnh cho vài hạm trưởng trong ngày 29-4 “nhân danh Tư Lệnh” (dù không nói rõ Tư Lệnh tên gì), nhưng không xác định Tư Lệnh là chính ông hay không? Người ta thấy trong ngày 29 tháng Tư, ông Tấn trong quân phục đại lễ HQ, có hai xe Jeep Quân Cảnh hộ tống vào Bộ Tư Lệnh HQ.

Người ta tin rằng Đại Tá Tấn đã được Tổng Thống Dương Văn Minh bổ nhậm bằng khẩu lệnh ngay sau khi biết ý định của Tư Lệnh Hải Quân Chung Tấn Cang xin có kế hoạch di tản. Tổng Thống Minh nói, “Các anh cứ việc đi và cho mang theo hai người thân cũng là sĩ quan cao cấp VNCH”, đồng thời từ chối lên một chiến hạm chuẩn bị chu đáo “dành riêng để nghinh đón Nội Các và di tản các giới

lãnh đạo quốc gia”.

Sau 16 năm tù “cải tạo” cay đắng nhục nhằn, xin đi Hoa Kỳ tị nạn, Đại Tá Tấn cho biết có ý định định cư tại thành phố Seattle cùng với Đại Tá Dũ (Cơ Khí), sau đó ông Tấn chuyển về Cali. Khi liên lạc lại được nhau tại Hoa Kỳ, khi tôi hỏi ông “có phải là quyền Tư Lệnh ngày 30-4 không?” Đại Tá Tấn “giữ thái độ yên lặng với quá khứ – trải qua 16 năm tù khổ nhục mà...!” và ông đã xác nhận vai trò của ông vào “chỉ huy giờ phút chót trong nỗ lực tuyệt vọng này là đúng“. Sau vài lần trò chuyện qua điện thoại, ông Tấn cho biết ông không có dịp giao tiếp trong cộng đồng nhiều...

Bấy giờ nhiều cánh quân VC đã vào tới Sài Gòn, xe tăng T-54 đã nghiền lòng đường phố Sài Gòn tới góc đường Đinh Tiên Hoàng, Hiền Vương, Hai Bà Trưng

và nhiều nơi khác. Mặt khác đoàn quân CS Bắc Việt cũng trên đường tiến tới ủi xập cổng sắt Dinh Độc Lập (đến chính xác vào khoảng thời gian đã thoả thuận với giới chức Tòa Đại Sứ HK) và họ đòi chánh phủ VNCH phải đầu hàng.

Vài giờ trước đó, HQ Đại Tá Trần Bình Phú, Trưởng Khối Nhân Viên BTL-HQ cũng được các sĩ quan tham mưu và nhân viên có mặt lúc ấy xác nhận ông là người “ra mặt” chỉ huy tại Bộ Tư Lệnh HQ. HQ Trung úy Đỗ Anh Tuấn em vợ của Đại Tá Trần Bình Phú cùng với HQ Trung Tá Phan Ngọc Xuân chỉ huy trưởng Tổng Hành Dinh BTL/HQ tiếp tục cầm súng chỉ huy những vị này và vài sĩ quan, hạ sĩ quan thuộc Khối An Ninh đi theo Đại Tá Tấn là những người cuối cùng tôi gặp và từ giã ở vòng vây rào kẽm gai chằng chịt cản lối ra vào.

9. BTL/HQ Bỏ Ngỏ Từ Lúc Tổng Thống qua Đài Phát Thanh, ban hành lệnh Buông Súng – Chờ Bàn Giao

Giờ phút ấy tôi không nghĩ được: phải làm gì, bỏ chạy ra xe về đón gia đình xuống tàu hay loanh quanh vài điểm nào có Trực Thăng “đón”? Không hiểu tại sao giờ phút đó chúng tôi còn đủ bình tĩnh, không sợ pháo kích và T- 54 càn nát người và tiến vào vòng rào Hải Quân không chùng. Một trong những người may mắn cuối do ân huệ của Trung Tá Xuân (Tổng Hành Dinh) có cơ hội lên tàu ngày cuối cùng tại Bến Bạch Đằng đó là nhà thơ Du Tử Lê (là đại úy phòng Báo Chí- Tâm Lý Chiến).

Trong giờ phút căng thẳng tôi nghe theo lời yêu cầu của người bạn, chỉ biết

Trung Ủy Đỗ Anh Tuấn là người bạn tình nguyện trong “Công Tác Y Tế Xã Hội” (COMITA) ở trường Taberd có cả Thiếu Tá Y Sĩ Trần Đức Tường – SĐ Nhảy Dù. Tuấn nói tôi giúp anh, đứng cùng trong đội ngũ bảo vệ cuối cùng ở Bộ Tư Lệnh dưới quyền chỉ huy của Đại Tá Phú. Tôi làm theo yêu cầu, cho đến khi biết rằng: Thật sự tuyệt vọng rồi, như lời anh Đệ thông tấn viên truyền hình ABC, anh Nick Út của hãng thông tấn AP, hai anh hôm trước đến chia tay tôi tại BTL/HQ và muốn rủ cô em Bình Minh cùng theo anh lên máy bay Hoa Kỳ. Họ đưa tôi bản tin từ tờ New York Times từ ngày 24- 4- 75 viết về sự thất thủ đã là sự thực không chối cãi được khi viện trợ Hoa Kỳ cho VNCH đã bị ngưng. Chấm dứt bao nhiêu năm sát cánh: với 58,000 người lính Hoa Kỳ tử vong có lúc quân số lính Mỹ ở VN lên tới trên nửa triệu người,

cũng như tổng cộng gần 200 tỷ đô la đã tiêu pha cho cuộc chiến tranh VN, với khoảng 500 triệu cho tài khoá năm cuối. Thế mà bản tin những ngày cuối cùng tôi nghe được qua radio cho biết “viện trợ của HK sẽ không bằng hiện kim mà viện trợ bằng thuốc lá – (bán ra tính thành tiền?) dự trù cho tài khoá sau 1975 cũng bị cắt đứt. Hải Quân lúc ấy có quân số trên 40 ngàn chiến sĩ... nhưng viện trợ nay thực sự bị cắt ngang rồi!

“Hãy rời Sài Gòn ngay hôm nay đi – không thể là ngày mai!”. Phóng viên AP, Nick Út, và Đệ của Hệ thống Truyền hình Hoa Kỳ ABC và ông phóng viên Ba Lê của Truyền Hình Nhật NHK cùng nói như vậy. “Đừng để quá muộn!”

Cũng vào gần buổi trưa, Trung Tướng Vĩnh Lộc rời Bộ TTM và Trung Tướng Trần Văn Trung cũng đi vào Bến

Bạch Đằng tìm gặp Đại Tá Tấn tìm tàu ra đi như họ đã hẹn nhau trước?. Lúc này thì công trường Bạch Đằng cũng vẫn còn nhiều người chen lấn. Trước đó một giờ, Tiến Sĩ Lê Đình Chi, cùng với gia đình ông có Lê Đình Cẩm, Nguyễn Hữu Phúc (Puyallup-WA), Huyền (Pháp)... là những người thân cũ trên một chiếc xe van đến cổng BTL kiểm chúng tôi tìm đường ra đi, họ gặp được tôi, may mắn nhưng cũng đang vô cùng bối rối, may mắn gặp được Trung Tá Linh chờ cùng đi với họ trên bất cứ chiếc tàu nào đó, nếu giờ phút “thua trận” tan hàng xảy đến.

Về sự kiện rời Bến Bạch Đằng trưa ngày 30-4, HQ Thiếu Tá Tuấn Giang Trần Thiện Hiệp sau này khi gặp nhau, thường kể lại: “trong một may mắn bất ngờ sau khi chờ đợi được đi theo cựu Tư

Lệnh Trần Văn Chơn, biết ý định của ông Chơn, Hiệp đã nhảy xuống chiếc LCM Giang Cảnh đậu gần HQCX, nhờ vậy mà có cơ hội mang theo được hai vị tướng Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa vào giờ chót.”. Tướng Trần Văn Trung và Tướng Vĩnh Lộc lúc ấy là Tổng Tham Mưu Trưởng Quân Lực đã đến gặp Đại Tá Tấn, báo tin đã có văn thư “tan hàng” của Tổng Thống Minh mà ông có mang theo đây. Trong sự việc này Đại Tá Tấn kể lại với tôi: “chính tôi đã giúp Tướng Vĩnh Lộc Tổng Tham Mưu Trưởng rời Sài Gòn, đúng vào lúc tướng Nguyễn Hữu Hạnh lên thay”.

Tướng Vĩnh Lộc trước đó cũng đã từng kêu gọi “giữ vững tay súng”; trước đó Tướng Lộc cũng miệt thị Đại Tướng Viên về hành động đào tẩu. “Nhưng vào sáng ngày 30 tháng Tư, Tướng Vĩnh Lộc

đã nhờ Trung úy Hùng (Quân Cảnh) trên xe Jeep Quân Cảnh hộ tống đưa ông tới Đài Phát Thanh Sài Gòn để (ông) gửi đi thêm một thông điệp mới”. Thay vì tới đài phát thanh, Tướng Lộc đã đổi hướng về phía Bến Chương Dương và chia tay... ở Bộ Tư Lệnh Hải Quân” theo lời Trung úy Hùng chua chát, kể lại với các bạn tù thời đi tù “cải tạo” Suối Máu. Trong khi đó Đại Tá Tấn thì kể rằng “hai người đã gặp nhau từ sáng sớm khi họp chung ở TTM); rồi đến trưa có biến cố mới – Tướng Vĩnh Lộc đã đến BTL–HQ tìm đường ra đi, cho biết: “đã có giấy tờ chính thức sẽ bàn giao (đầu hàng) của Đại Tướng Dương Văn Minh”.

Vào sáng ngày này, hệ thống vô tuyến liên lạc nội bộ hành quân có rất nhiều lời gọi tha thiết từ máy của các tướng tá, sĩ quan Bộ Binh thiết tha kêu gọi: “Các

anh Hải Quân ơi, chờ chúng tôi đi với, hãy cứu lấy chúng tôi vì phi trường Tân Sơn Nhất cũng đã tan nát rồi. Đâu còn ngã nào để tránh CS đâu? – VC đã vào tới. Hải Quân đừng đi vội, kiên nhẫn chờ cứu chúng tôi.” Hạm Trưởng Hùng (HQ- 2) kể lại với lòng ngậm ngùi như dao cắt, sau bao năm đã trôi qua...

* * *

Nhưng bấy giờ là trưa 30 tháng Tư – “quá muộn thật rồi”... Các nẻo đường đã rền tiếng xe tăng T- 54, qua Lăng Cha Cả, qua cầu Trương Minh Giảng (có chiếc bị bắn lử bốc cháy cao ngút), T- 54 qua Bà Queo, có nơi bị Biệt Động Quân và Nhảy Dù chống trả và tiếng đạn pháo kích thi nhau rền vang rất gần, và súng đã cùng với quân phục mũ nón vung vãi chất đống khắp nẻo đường từ BTL/HQ về tới Phú Nhuận nơi tôi đang cư trú

tạm để gần với BTL- HQ hơn.

Khác với Đại Tá Tấn có mặt ngày 30-4, rồi ở lại, rồi... đi tù trên 16 năm, Đại Tá Phú cũng xuất hiện như chớp nhoáng từ sáng đến trưa – ngày 30-4; nhưng Đại Tá Phú cùng Trung Úy Tuấn “đã còn kịp rời Bến Bạch Đằng ra biển lớn ngay vào giờ phút ông Minh đọc lời đầu hàng trên radio”. Tuấn đã kể lại cho tôi nghe sau này, khi biết tin anh đã định cư ở miền Đông Hoa Kỳ với gia đình.

Và giờ phút cuối cùng ấy đã đến, đã xảy ra thật. Nhanh chóng như một chớp mắt. Từ đó radio đã nhiều lần đọc lời kêu gọi buông súng và “bàn giao”.

Thôi thế là hết tất cả, không theo tàu di tản về Miền Tây, không ra Phú Quốc, và cũng không được theo tàu ra khơi đi tị nạn. – Thôi... đành thôi!

Tôi rời Công Trường Bạch Đằng có tượng đài Đức Thánh Trần uy linh, tay chỉ về hướng biển.

Nơi cổng vào Bộ Tư Lệnh, tôi tìm Tuấn, tìm Trung Tá Linh, tìm gia đình các bạn, tìm Tiến Sĩ Lê Đình Chi, sau đó tôi lái xe lách xe qua những tốp người đang hò của tại khách sạn và căn cứ Mỹ tại các cao ốc xung quanh Bộ Tư Lệnh Hải Quân, để về nhà đón người thân yêu ra đi.

Tôi về thẳng nhà đón gia đình, trở lại Bến Bạch Đằng và chạy tiếp tới Đặc Khu Rừng Sát để tìm tàu rời Sài Gòn, thì bến bờ đã trở thành hoang vắng... Vô phương trong lúc tiếng pháo kích nổ vang đây đó.

Lòng cảm thấy như ông Dương Văn Minh đã mở “Lỗ Lù” (*) của chiến hạm

đời tôi.... Lúc ấy tôi cảm thấy như đã quá muộn, tôi như lạng lờ chết chìm, chìm dần... khoan thai xuống lòng biển.

Như từ đáy biển sâu, tôi cầu mong cho vài chục chiến hạm và vài chục ngàn quân nhân và dân chúng miền Nam đi thoát được, khai mở ra những đợt thuyền nhân kế tiếp, Nếu họ không tập trung chiến đấu ở Miền Tây được, thì cũng tiếp tục “Khai phá mở mang bờ cõi sơn hà theo bước chân tiền nhân” bằng hình thức “mang Việt Nam ra khơi tới khắp Năm Châu, tận cuối chân trời và trên toàn cõi địa cầu.”

Phạm Kim

(Bài cập nhật 15-4-2011)

Chú thích:

(*) “Lỗ Lù”: Van đắm tàu, dùng để mở cho nước vào để tự đánh chìm tàu

(**) Một số tên họ nhân vật, loại chiến hạm có thể sai chút ít vì ngày tháng qua đã lâu, dựa trên phỏng vấn một số lời kể khác nhau của các nhân chứng, và một số tên xin ẩn danh, hoặc chỉ dùng tên viết tắt.

Đô Đốc Chung Tấn Cang chỉ huy một cuộc di tản: Hy Vọng về Miền Tây – “Tái Phối Trí Hạm Đội – để còn tiếp tục chiến đấu”. Điểm tập hợp dự trù là Côn Sơn – tuy thực hiện được – Nhưng tất cả dự tính kế tiếp về Miền Tây (không rõ kế hoạch Tư Lệnh Cang – sẽ chọn đảo nào? – Để từ đó tái phối trí trở về... Mọi dự tính đều không êm xuôi – khi Đoàn Chiến Hạm phải bàn giao, “xóa tên” từng

chiến hạm trước khi vào lãnh thổ Phi... Rồi đến “Lễ Hạ Kỳ chung và riêng trên các chiến hạm ” vào trưa ngày 7 tháng 5-1975.

“Hy vọng” ... không thành!

TRẬN ĐÁNH CUỐI CÙNG



Ngày 13 tháng 6, 1996, hãng thông tấn Reuter đánh đi một bản tin về Nguyễn Thành Trung, phi công A-37 của Không Lực VNCH đã lấy máy bay xạ kích dinh Độc Lập và hướng dẫn hai chiếc A-37 khác đánh phá phi trường

Tân Sơn Nhất chiều ngày 24 tháng 4, 1975, ngày hấp hối của miền Nam Việt Nam.

Bản tin cho biết, Nguyễn Thành Trung, phi công chiến đấu của KLVNCH được huấn luyện tại Hoa Kỳ từ năm 69 tới 72, là hoa tiêu trưởng phi cơ của Hàng Không Việt Cộng, năm 1995, đã lái chiếc Boeing 767 chở tên chủ tịch nhà nước Lê Đức Anh qua New York dự ngày kỷ niệm thứ 50 của Liên Hiệp Quốc. Trả lời cuộc phỏng vấn của thông tin viên Reuter tại Tân Sơn Nhất, Nguyễn Thành Trung kiêu hãnh nói:

– Năm ngoái tôi bay trở lại Hoa Kỳ, đến Nữ Ước bằng chiếc phi cơ này, đáp tại phi trường Kennedy với máy bay riêng của chúng tôi, mang huy hiệu và sơn cờ riêng của chúng tôi, đến thẳng đất Mỹ! (Last year, I flew back to America, to

New York, in this aircraft, with our logo, with our flag, to the American land, he says proudly – Reuter).

Nguyễn Thành Trung, tên Việt Cộng nằm vùng được địch gài trong hàng ngũ chúng ta. Trung đã góp phần gây hoang mang, làm sụp đổ tinh thần chiến đấu của quân dân miền Nam, gián tiếp đẩy dọa, giết hại anh em đồng đội trong các trại tù cải tạo để đổi lấy vinh thân, được Việt cộng tưởng thưởng công lao phản nghịch đó bằng địa vị hôm nay.

Cuộc oanh kích dinh Độc Lập và sau đó, phi trường Tân Sơn Nhất chiều 28 tháng 4, 1975 của năm chiếc phi cơ A-37, đã được Việt cộng tuyên dương như một chiến tích anh hùng. Hàng năm, đến ngày 30 tháng 4, báo chí của chúng đều nhắc đến cái gọi là “thành tích lịch sử” của Phi Đội Quyết Thắng do Nguyễn

Thành Trung dẫn đầu với một phi công A-37 khác của Không Lực VNCH là Trần Văn On, cùng bọn giặc lái Việt cộng Từ Để, Mai Vượng, Nguyễn Văn Lục, Hán Văn Quảng. On và Xanh là hai phi công VNCH, tù binh bị Việt cộng bắt ở Đà Nẵng, ép buộc phải thi hành công tác huấn luyện cấp tốc cho giặc lái MIG Việt cộng, để theo Nguyễn Thành Trung bay vào đánh Saigon.

Bài tường thuật đăng trên tờ Lao Động của Việt cộng xuất bản ngày 2 tháng 5, 1996 cho biết Phi Đội Quyết Thắng do Nguyễn Thành Trung bay ở vị trí số một, vừa là chỉ huy “Biên đội” (Phi đội), vừa là người dẫn đường. Bay số hai là Từ Để (con trai giáo sư Từ Giấy, Đại học Tổng Hợp Hà Nội), hiện đeo quân hàm Đại tá ở Bộ Tham Mưu Không Quân Cộng sản. Bay số ba là Nguyễn Văn Lục, Phó chỉ

huy Biên đội. Số bốn là Hán Văn Quảng, hiện là Đại tá Sư trưởng Sư đoàn Không Quân của chúng. Máy bay số năm có hai người: Mai Vượng, quê ở Diễn Châu, Nghệ An (đã chết năm 1976) và Trung úy phi công “Ngụy” Trần Văn On.

Bọn giặc lái Việt cộng (Lục, Để, Quảng, Vượng) từ trước đến nay chỉ quen với máy bay MIG-17 của Nga, chưa từng biết tới A-37 của Mỹ bao giờ. Giặc lái Việt cộng vào Đà Nẵng từ ngày 22 tháng 4, 1975 để học lái A-37 cấp tốc trong vòng năm ngày. Nguyễn Văn Lục cho biết y chỉ bay tập được ba chuyến trong năm ngày đó. Lục nói, “Các bộ phận điều khiển của máy bay A-37 toàn là tiếng Anh, anh em chúng tôi nhờ người dịch ra tiếng Việt, rồi cắt giấy dán đề lên tiếng Anh để biết mà sử dụng...”

Tư Lệnh Không Quân Việt Cộng thời đó là Lê Văn Tri, thiếu tướng, đã trực tiếp giao nhiệm vụ cho bọn Lục. Y khoe, “Sau chiến thắng trở về, đồng chí Đinh Đức Thiện gặp chúng tôi, nói rất vui, “Chúng mày rất giỏi. Lính tao chuyển loại xe ô-tô cũng phải mất năm ngày, huống gì là máy bay của chúng mày... Giỏi, giỏi lắm!”...

Cái “giỏi lắm” của bọn giặc lái Việt Cộng Từ Đễ, Nguyễn Văn Lục, Hán Văn Quảng là cái giỏi... “nói phét”! Việt cộng tổ sư nói phét không biết ngượng là gì trong bất cứ ngành nghề, giai cấp nào của chúng. Tên tướng Không quân Việt Cộng xuất thân từ giới lơ xe đồ Đinh Đức Thiện khen ngợi bọn Lục “giỏi lắm” chỉ là thói quen “mèo khen mèo dài đuôi” của bọn “đỉnh cao trí tuệ” mà anh em tù cải tạo ai cũng biết. Việt cộng làm gì cũng tự cho là giỏi. Không thấy ai khen, chúng tự

vỗ tay khen chính mình, khen lú lo nông nhiệt không biết ngượng thì cái chuyện anh Thiện khen em Lục chẳng có gì là lạ!

Để biết rõ cái “giỏi lắm” của những chiến sĩ “người lái anh hùng” nhãn hiệu Vi-Xi thế nào, mời bạn đọc hãy cùng chúng tôi đọc truyện ngắn “Trận Đánh Cuối Cùng” của văn sĩ Hữu Mai viết ca tụng “anh hùng” Nguyễn Thành Trung và các đồng chí giặc lái Vi-Xi của y một cách trơ trẽn vô duyên trong tuyển tập “Văn 1957-1982” do Tạp chí Văn nghệ Quân đội, số kỷ niệm lần thứ 25, xuất bản năm 82, để thấy trình độ nói phét của Vi-Xi nó “siêu” đến chừng nào mà cười đau khóc hận cho vận số hẩm hiu đất nước...

* * *

Hữu Mai mở đầu “Trận Đánh Cuối Cùng” bằng câu “Một ngày thật dài...” Y cho biết buổi sáng hôm đó còn ở Gia Lâm, có lệnh đi công tác ngay bằng chiếc IL-18. Đi người không và một giờ sau đáp phi trường Đà Nẵng. Hữu Mai viết theo thể văn tự thuật, dùng chữ “chúng tôi” nên người ta có thể hiểu y chính là một trong những tên giặc lái Vi-Xi được cử vào Nam làm cái “Mission Impossible” này và viết bài tường thuật. IL-18 là phi cơ vận tải như C-47 của Không Quân miền Nam. Y nói “lần này chúng tôi đi công tác người không” – chắc là cho nhẹ, để chuyển về còn chở theo chiến lợi phẩm “hĩa” được của miền Nam “phồn vinh giả tạo.” Có lẽ bọn y không mang theo cả vỏ cau khô đánh răng, khăn mặt hay cơm nắm muối vừng làm chi cho nặng. Hữu Mai chắc ăn, không cần bắt chước đàn anh Khổng Văn Tuyết ngày

xưa... tay đôi không chiến với máy bay “Con Ma” (Phantom) hay “Thần Sấm” (Thunderbolt) của đế quốc Mỹ xâm lược. Anh hùng Khổng Văn Tuyết bay phi cơ MIG đem theo cơm nắm muối vừng, một ấm nước vối và cả cái điều cây lên trời, tắt máy phây phả nằm gác chân chữ ngũ mai phục trong mây, đợi từ sáng tới chiều cho khỏi tốn xăng, khi thấy phi cơ Mỹ tới là mở máy nhào xuống bắn hạ cái một...!

Bọn giặc lái Vi-Xi hạ cánh xuống phi trường Đà Nẵng sau một giờ bay. Sân bay Đà Nẵng “rộng và dài hun hút” được Hữu Mai mô tả là “siêu cấp”, hơn gấp bội phi trường Gia Lâm của miền Bắc anh hùng. Cái phi trường Gia Lâm của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa Độc Lập Tự Do Hạnh Phúc, theo lời cậu Trác “Thuốc Lào” phi công C-130 kẹt lại,

đã từng bay chở cán bộ, bộ đội Vi-Xi từ Bắc vào Nam công tác và chở đồ thổ phỉ gồm cả kềm gai, tôn gỗ và... ghế đá công viên từ Nam ra Bắc; sau còn được trưng dụng dạy bay và dạy Địa huấn cho bọn giặc lái Việt Cộng trước khi “thầy” bị cho đi tù cải tạo.

Hồi vượt biển qua Mỹ, cậu Trác đã kể lại với kẻ hèn này rằng: – Phi trường Gia Lâm vắng như nghĩa địa bỏ hoang, cỏ tranh mọc cỡ đầu người... Tớ đáp xuống, thấy bộ đội lũ lượt từng đoàn vác liềm vào cắt cỏ tranh rồi gồng gánh đi ra... Sau đó lại một bầy dân chúng kéo vào mót những đám tranh còn sót lại! Phi trường này cũng như phi trường Bạch Mai không có đài Kiểm soát Không Lưu. Mỗi lần có máy bay ngoại quốc đến, chúng nó mượn một thằng Air Traffic Control người Nhật nói

tiếng Anh vào hướng dẫn cho phi cơ đáp hoặc cất cánh xong rồi về.

Nên chi nhìn thấy phi trường “siêu cấp” Đà Nẵng, bọn pilot Việt Cộng cứ nghệt mặt ra. Hữu Mai cho biết: “Ngay sau khi đáp xuống Đà Nẵng, có đồng chí tham mưu trưởng đứng đợi bên chiếc A-37 sơn màu vân vện, hình thù dữ dội, giống như một con thú rừng chưa thuần hóa.” Đàn anh ra lệnh cho các đàn em tập buông máy ngay, “chỉ có từ ba đến năm ngày chuẩn bị.”

Màn tập tành “ba đến năm ngày” này quả là chuyện phong thần. Nhưng ai không làm được chứ Vi-Xi cái gì mà làm không được? Không làm được bằng chân tay, trí óc, các con làm bằng mồm! Hữu Mai viết, “Nếu trước đây có ai nói như vậy thì đó là nói đùa. Trong chiến tranh, những lần chuyển loại máy bay gấp gáp

nhất cũng phải mất ba tháng. Không thể đùa với máy bay. Ở trên không, không có điều kiện để rút kinh nghiệm cho những sai lầm...”

Nói vậy cho nổi bật cái khả năng thần thánh của con người cộng sản ”siêu cấp” và để bọn Ngụy nghe mà sợ chơi. Câu nói trên là áp dụng cho việc chuyển loại phi cơ cộng sản thôi đấy, mà cũng cần tới ba tháng là tối thiểu. Vậy mà các ”đỉnh cao trí tuệ” chỉ cần từ ba tới năm ngày, nghe phát rét. Huống hồ bọn giặc lái Vi-Xi tiếng Anh tiếng U không biết một mẩu, ngoài ba tiếng ”oản tù tì”! Hữu Mai viết, ”Mỗi feet bằng bao nhiêu đơn vị đo lường của ta nhỉ? Làm thế nào hiểu được hết những tiếng Anh trong buồng lái để khỏi phải nhớ các công- tắc, các đồng hồ bằng vị trí của chúng?...”

Cái này phải hỏi cậu Trác Thuốc Lào,

tự nhà văn KQ Trác Vũ. Cậu Trác Thuốc Lào một lần chịu không nổi những quả... ngu của lũ giặc lái con cháu lão Hồ, đã buột miệng chửi thề, xem bị mất cái chỗ đội mũ vì lỡ ”hỗn,” lỡ coi thường các đấng đỉnh cao trí tuệ. Cậu Trác kể:

– Phi công Việt cộng, chúng nó từng qua Nga học bay MIG. Nhiều đứa ở Nga đến 6, 7 năm mà khi về nước vườn đêch biết nói tiếng Nga La Tư mới tếu! Bọn chúng nó đi học, có thông dịch viên đi kèm theo để theo dõi, kiểm soát... Trong lớp thầy dạy gì, kê bố thầy, chúng không cần nghe vì khi về phòng có thằng thông dịch lại... Tớ bỏ công dịch tất cả sách kỹ thuật tiếng Anh ra tiếng Việt, dạy chúng nó hoàn toàn bằng tiếng Việt. Thế mà mình đọc, chúng không hiểu. Đánh vẫn đi đánh vẫn lại từng chữ như dạy trẻ con i-tờ-rít, chúng nó vẫn không biết viết

ra làm sao. Tổ lập đi lập lại, bọn chúng vẫn ngớ ra như chúa tàu nghe kèn, mặt đần độn trông phát giận... Một lần, nhin không được, tổ buột miệng chửi thề, “ĐM, sao các anh ăn gì mà ngu quá vậy?” Mình quen mồm như trước đây đùa giỡn với bạn bè... Chúng nó sùng sộ hỏi tội làm tổ xanh mặt.

Kẻ hèn này hồi đó nghe cứ tưởng cậu Trác bôi bác Vi-Xi, không tin nổi, nghĩ rằng cậu phịa ra để tếu chơi. Lại gì cái giống Không Quân, bạn bè gặp nhau, đúng tần số là tha hồ đấu hót vung vít, hư thực khó lường... nên bèn hỏi đều một câu:

– Thế hả? Thì ra chúng nó là bọn ngu cả lũ. Nhưng “ngu” mà chúng nó bay MIG, dám chơi “dog fight” tay đôi với pilot Mỹ? Cậu Trác nói vậy thì chúng tôi biết vậy...

“Dog fight” có nghĩa là “không chiến,” là vác máy bay uỳnh lộn trên mây, giữa tầng trời. Cậu Trác Thuốc Lào được coi là một pilot vận tải hiền nhất nước Không quân, thật thà như đếm. Nghe kẻ hèn này nói câu móc lò, cậu chỉ cười cười, phô hai hàm răng đầy nhựa thuốc Lào, kể tiếp:

– Đàng ấy tưởng chúng nó bay MIG thật đấy hả? Mình lầm hết. Mấy cậu Mèo đồng minh mặc cảm, sợ quốc tế chê cười nên nhiệt liệt thổi phồng pilot Vi-Xi là ghê gớm để tăng giá trị của mình và để khỏi mang tiếng người nhón bắt nạt ranh con. Chúng nó có đi Nga thật, học tới sáu, bảy năm lận. Nhưng chúng chỉ lo buôn lậu “quần bò” đem về nước bán kiếm lời, bay với bóng mẹ gì. Toàn là bọn con ông cháu cha hay thành phần chặn trâu gánh nước có thành tích đấu tranh

giai cấp tích cực, đấu cha, tố mẹ, dò la hàng xóm, được phong làm “anh hùng,” cho đi học lái nhưng chữ nghĩa đâu mà học? Các cuộc không chiến với phi cơ Mỹ đều do pilot Bắc Hàn hay Trung cộng lái. Pilot Vi-Xi được cho đi theo, nhiều đứa thú thật với tớ chỉ là... “thợ vịn”! Ngoài Bắc chúng gọi bằng danh từ rất kêu, là “tháp tùng tử”!

“Người lái” kiêm nhà văn Hữu Mai, hôm đầu tiên khi từ Bắc vô Nam tay không (cầm bó rau), mô tả rằng bọn y đêm đó lo cóc ngủ nghe gì được. Phần vì cấp trên giao phó cho nhiệm vụ học bay A- 37 chỉ trong vài ngày – với sức các cậu – “sỏi đá làm thành cơm” tương đối dễ ợt, chứ bay bổng loạng quạng là tan nát đời huê ngay. Cậu tả oán, lý do mất ngủ thứ hai là do... không khí. Mùi máy

lạnh và vì cái nệm mút dày êm quá, các cậu ngủ không quen... “Không khí hơi ngọt ngào. Chắc là còn phải một thời gian mới quen được với cái mùi nhân tạo của máy điều hòa nhiệt độ. Một mùi hăng hắc, nồng nồng. Mùi gì vậy?... Ngoài kia, ở thành phố đang tỏa một vùng ánh sáng xanh trong lên bầu trời đêm, chắc còn nhiều thứ chúng tôi còn phải lạ lắm!”

Đúng dzậy! Các con sẽ còn thấy nhiều thứ “lạ” hơn nữa ở miền Nam. Cái mùi đó là mùi “hăm-bơ-gơ” của đế quốc, khi đã quen rồi, các con sẽ ghiền và khi ghiền tới độ nặng là các con sẽ chết không kịp ngáp đấy. Mất ngủ, suy nghĩ đến gần phát hoảng, Hữu Mai dẹp tự ái “đỉnh cao trí tuệ,” ao ước, “Giá có mấy anh nhân viên lái cũ của Ngụy ở gần đây để yêu cầu họ ghi lại cho những

hàng chữ Anh ở trong buồng lái thì hay quá. Mỗi tối trước khi ngủ say sẽ in luôn nó vào trí nhớ...”

Mẹ kiếp, khi tỉnh học còn cóc vô, học theo lối “ngủ say” thì học với hành thế chó nào được? Mà chỉ có từ ba tới năm ngày để bay cho được chiếc A-37. Ngụy chúng nó trước khi học lái, phải tới Lackland trụ trì ít nhất vài tháng học Anh ngữ. Hữu Mai sau đó kể rằng y và đồng bọn được hai “nhân viên lái” mới được lựa chọn từ trại tập trung về kèm cho các cậu học Anh văn và học bay. “Cả hai đều gầy nhom. Người cao để râu tên là Xanh, người Quảng Bình, theo gia đình di cư vào Nam năm 1954. Người thấp nhỏ là On, quê ở Gò Công. Cả hai người đều ngạc nhiên khi thấy chúng tôi không hỏi đến vấn đề cơ bản, không hỏi về cách xử trí trong trường hợp máy móc

hỏng hóc, mà hỏi ngay vào công-tắc điều khiển những đồng hồ bay...”

Cái này phải xét lại ạ. “Những vấn đề cơ bản” nghĩa là cần điều khiển phi cơ, là những nút bấm, nút bật để mở máy, để chỉnh động cơ, để điều khiển bánh đáp, góc dựng cánh lái đuôi, v.v... các con không cần hỏi tới thì bay cái củ gì? Các con muốn chứng tỏ ta đã rành nghề, đâu cần biết tới vài ba cái lẻ tẻ, hay hỏi những cái “cơ bản” sợ quê xệ với bọn giặc lái Ngụy? Bọn giặc lái Ngụy, phi công phản lực A-37 bị các con khi dễ, chê là “gầy nhom,” đâu phải vì miền Nam đói khổ, thiếu dinh dưỡng? Mà vì họ mới được móc từ trong “tù cộng sản” ra đấy!

Cậu Trác Thuốc Lào kể chuyện hồi đó trong chuyến bay chở đồ thổ phỉ ra Bắc, có một thằng đại tá Không quân Việt cộng đi theo, đòi lên phòng lái ngồi ghế

copil thay thẳng công an “bảo vệ” như thường lệ. Trên đường bay, trời êm ả, cậu Trác lên cơn ghiền, móc cái điều cây ra, rít một bi thuốc Lào. Đang phê phê khoái tĩ thì anh đại tá Không quân Nhân dân tò mò hỏi chàng giặc lái miền Nam:

– Cái đồng hồ này là đồng hồ gì, có mỗi một cánh tay?

– Dạ, nó là cái đồng hồ “ây-đi-ép” (ADF), dùng để bay phi cụ khi trời xấu không thấy đường, từ điểm này tới vị trí khác. Có nó mới lấy đúng hướng được, không sợ phi cơ mất hướng, bay lạc...

ADF là “Automatic Directional Finding.” Tên đại tá Vi-Xi nhìn cậu Trác Thuốc Lào với vẻ nghi hoặc kỳ cục:

– Anh nói thật chứ? Đề nghị anh giải thích thêm cho tôi được đả thông.

Tôi không hiểu sao lại có thứ đồng hồ gì lạ như vậy?

Cậu Trác nhà ta cũng nhìn tên đại tá bằng vẻ nghi hoặc kỳ cục không kém:

– Phi cơ có ba cái đồng hồ phi cụ căn bản là đồng hồ chỉ cao độ, vận tốc và đồng hồ chỉ hướng, hay la bàn. ADF là đồng hồ tìm hướng khác, dùng tần số đài phát tuyến cố định dưới đất.

Khi thấy thằng cha đại tá hỏi, tớ tưởng nó muốn thử, muốn khảo sát trình độ và khả năng của mình, nên tớ ậm ừ không nói. Nhưng sau thấy nó có vẻ không biết thật ông ạ. Nó đưa tay sờ cái đồng hồ, trầm ngâm nghĩ ngợi rồi hỏi nữa, “Anh nói bị mất hướng, dùng đồng hồ này lấy lại được đúng hướng à?” Nó bảo tớ biểu diễn thử, lúc bấy giờ tớ mới tin là nó không biết thật! Tớ cho

phi cơ vòng trái vòng phải, nhào lên chúi xuống, quẹo tới quẹo lui, tăng giảm cao độ lung tung xong mới đem về bình phi, lấy cao độ cũ và chỉnh mũi phi cơ bay theo đúng hướng cũ của đồng hồ ADF. Thằng đại tá ngồi bên bị vertigo, mặt cứ thộn ra. Mãi nó mới hoàn hồn, tẩm tặc:

– Hiện đại thật...! Đúng là Mỹ có khác!

Pilot C-130 Trác Thuốc Lào sau đó mới cảm thấy tự nhiên, thấy hân hoan vì mình “nhớn” hơn anh Đại tá Vi-Xi nhiều – ở tài bay và kiến thức phi hành. Trác Thuốc Lào từ hôm đó mới biết rõ:

– Mất miền Nam đau quá. Chúng nó ngu hơn chó chứ tài giỏi gì. Chúng chỉ giỏi lừa bịp và nói phét! Trình độ một thằng đại tá, khả năng và kiến thức không bằng một thiếu úy của mình. Tổ có

hỏi nó, ở ngoài Bắc phi cơ của các ông không có đồng hồ giống như ADF của chúng tôi, làm sao mà bay từ tỉnh này tới tỉnh kia khi thời tiết xấu hay bay đêm được?

Xin bà con Không Quân lắng nghe câu trả lời của cậu đại tá Không quân Hà Nội rất đáng đồng tiền bát gạo như thế này:

– Ngoài Bắc chúng tôi dứt khoát không bay đêm. Chúng tôi có khẩu hiệu “Tự Đi, Tự Đến, Tự Về.” Nghĩa là khi nhìn thấy rõ đường đất làng mạc bên dưới thì người lái cứ việc tự mình bay theo con đường lúc đi và khi về cũng bay theo đường cũ mà về, vừa an toàn mà vừa không cần có người dưới đất điều hành chỉ đạo đường bay như các anh!

– Hèn chi, cậu Trác nói, có lần tớ

để cho một thằng giặc lái Vi-Xi lái từ Hà Nội đi Tuyên Quang. Nó bay như thằng say rượu, bay rất thấp dưới mây và cứ lò dò bay theo đường lộ. Buổi chiều, theo lời dặn, bốn giờ rưỡi phải trở về Hà Nội, tổ ra mở máy... Đang loay hoay check máy thì ba thằng Vi-Xi xách súng AK chĩa vào tổ quát tổ tắt máy đi xuống...

Lúc đó trời mưa lâm râm. Thằng cán bộ xếp sòng sừng sộ hỏi Trác:

– Đi đâu? Ai cho anh mở máy?

Trác phân bua:

– Cán bộ bảo bốn rưỡi về mà?

– Không về. Trời mưa. Ở lại đây tối nay.

– Nhưng mưa nhỏ... Mưa phèn bay đâu có sao?

Y trợn mắt nhìn Trác:

– Anh không biết bay trong mưa nguy hiểm sao? Tôi nói ở lại hôm nay!

Khả năng của cậu đại tá Không quân ngành bay Việt cộng là như thế. Hữu Mai cấp bậc gì, y không giới thiệu, nhưng khả năng chắc cũng chẳng khá hơn đàn anh đại tá với tiết lộ về khẩu hiệu “tự đi, tự đến, tự về” làm té ngựa bà con Không Quân Ngụy, thoát nghe tưởng phi cơ được trang bị hệ thống ô-tô-pai-lốt “hiện đại,” tự nổ máy, tự cất cánh, tự bình phi, tự tìm lấy đường về căn cứ, tự hạ cánh, tự lồm cồm bò đi đổ xăng, và tự di chuyển vào bãi đậu...!

Đêm đầu tiên không ngủ. Đêm sau bớt lo vì đã có hai anh giặc lái Ngụy tên Xanh và On đến giúp nhưng cũng khó ngủ vì cái mùi “hăm-bơ-gơ” của

đế quốc nó ám ảnh quá trời trời. Hữu Mai thuật lại rằng, Xanh và On đã rụt rè hỏi chúng tôi, “Chúng em muốn đề nghị các anh cho đi theo trong trận đánh được không? Chúng em sẽ không phụ lòng tin cậy của các anh...” Mẹ kiếp, toàn dân Không Quân chúng ta có ai tin được không, cái giọng “điều đóm” sặc mùi Vi-Xi nghe hèn không tả được. Pilot Không Lực Việt Nam Cộng Hòa làm gì có thói quen xưng hô “anh, em” với cấp trên và cấp trên “mày, tao” với cấp dưới như anh tướng lơ xe Đinh Đức Thiện của quân đội Vi-Xi? Nhờ các cậu một tí. Viết gì thì viết nhưng cũng phải gần với sự thật người ta mới tin. Đem bôi bác địch kiểu đó chỉ làm cho địch nó cười!

Sau đó Hữu Mai tường thuật đến kế hoạch dùng phi cơ A-37 của VNCH để tấn công bất ngờ phi trường Tân Sơn Nhất nhằm gây chấn động tâm lý và ho-

ang mang quần chúng, đẩy nhanh đà di tản của Mỹ. Y nói đến những mối lo, cốt tăng phần nghiêm trọng cho phi vụ “Biên đội không có máy bay tiêm kích đi kèm để bảo vệ. Nếu kẻ địch phát hiện máy bay lạ từ phía Bắc bay xuống, chắc chắn chúng sẽ dùng bọn F-5 để ngăn chặn...” Và “Làm thế nào để lọt qua mạng lưới ra-đa tối tân của địch trên suốt chặng đường dài từ nơi máy bay cất cánh đến Tân Sơn Nhất? Lần này lại không có đài dẫn đường, chúng tôi đều chưa thuộc địa hình, làm sao bay đến đúng mục tiêu?”

Hữu Mai còn nói đến nguy hiểm thời tiết, mưa bất ngờ và kể ra nào hệ thống cao xạ phòng không của cả hai phía nhắm bắn vì không biết phi cơ phe nào. Y kể ra một lô những trở ngại nhưng sau đó kết luận, “Mọi trở ngại đều được lần lượt giải quyết (?)”

Vai trò của Nguyễn Thành Trung bấy giờ mới được nói đến, “Đồng chí Nguyễn Thành Trung bảo đảm sẽ đưa toàn Biên đội đến mục tiêu. Anh là người của ta hoạt động trong hàng ngũ Không Quân Ngụy, mới từ bên kia chiến tuyến trở về sau khi đã trút hai trái bom xuống dinh Độc Lập. Ta sẽ cố tránh các trận địa cao xạ cả của ta và của địch được chừng nào hay chừng ấy... Chúng tôi sẽ cố giáng cho kẻ địch một đòn thật bất ngờ...”

Nguyễn Thành Trung dẫn đầu Biên đội tới mục tiêu, với On được tham gia trận đánh. Trung là kẻ đã tích cực đóng góp ý kiến vào kế hoạch đánh Tân Sơn Nhất bởi tên phi công phản quốc này nắm vùng, nắm rất rõ tình hình và địa hình cùng các yếu tố quan trọng khác. Chúng dùng phi cơ A- 37 phát xuất từ

phi trường “siêu cấp” Phan Rang, sân bay Thành Sơn. Theo kế hoạch, Trung sẽ xuống đầu tiên “cắt” bốn lần bốn trái bom thành một vệt dài làm chuẩn cho những máy bay sau oanh kích.

Dù có khả năng siêu việt “tự đi, tự đến, tự về” nhưng bọn giặc lái Vi-Xi cũng thập phần vất vả từ Phan Rang bay vào vì.... trời mưa! Để chứng tỏ trời mưa nguy hiểm đến độ phi công Ngụy cũng teo bu-gi cho đỡ mất mặt bầu cua, Hữu Mai viết, “Sau này, đồng chí Nguyễn Thành Trung nói lại với chúng tôi, trên đường bay có lúc anh nẩy sinh ra ý nghĩ đưa Biên đội quay trở về vì thấy thời tiết quá xấu.” Y mô tả cảnh rừng rợn, khi chiếc A-37 dẫn đầu của Nguyễn Thành Trung chui vào mây, các anh con giặc lái Vi-Xi tí nữa thì... sồn đái, thần kinh căng thẳng, bởi như anh đại tá Vi-Xi đã nói,

“Ngoài Bắc trời mưa, chúng tôi không bay!”

Cũng may cơn mưa nhẹ hều và cục mưa bé tí xíu nên chưa đầy ba mươi giây đồng hồ bọn không tặc Vi-Xi đã bay ra vùng trời sáng rõ... “Chúng tôi đã ra khỏi mây. Không phải mất nhiều công tìm kiếm, lại nhìn thấy máy bay của Biên đội trưởng...”

Hú vía. Vừa thoát nạn là các con lại yên tâm nói phét ngay. Hữu Mai, có lẽ là tên giặc lái Mai Vượng viết thế này, “Chúng tôi nhìn xuống mặt đất. Phía trước không xa, hai dãy nhà thấp cao lổ nhổ nằm dọc theo một trục đường.

Đúng là một thị trấn. Bà Rịa đây rồi! Người bỗng cảm thấy nhẹ nhõm hẳn. Đồng bào đi lại rất đông trên mặt đường. Đột nhiên những đám người đông đặc

ấy vỡ ra, tóe sang hai bên đường và bỗng chốc quang hẳn đi. Chúng tôi hiểu ngay... Đồng bào tưởng nhầm chúng tôi là những máy bay từ Saigon đến oanh tạc. Lòng chúng tôi se lại với ý nghĩ có hàng ngàn cặp mắt đang ném về phía mình những cái nhìn căm ghét và sợ hãi...”

Nhờ cậu tí. Saigon ở hướng Nam của Bà Rịa, phi cơ các cậu bay từ hướng Bắc xuống, đồng bào “tưởng nhầm” thế quái nào được? Đoàn người xuôi Nam để chạy các cậu đấy, sợ các cậu đấy, căm ghét các cậu đấy. Không Quân miền Nam, trong chiến tranh, đôi khi xảy ra chuyện “ném chuột vỡ đồ,” đồng bào có thể lâm vào cảnh tên bay đạn lạc nhưng con số thật ít nhưng không ai thù ghét Không Quân bằng thù ghét cái bọn đi đến đâu là đem tang tóc điêu linh đến đó như lũ cha con đồng chí của các cậu. Vụ chôn sống

mười ngàn người hồi Tết Mậu Thân 68 ở Huế mới khiến đồng bào giẫm đạp lên nhau mà chạy, gây nên thảm trạng “Đại Lộ Kinh Hoàng” hồi mùa hè đỏ lửa 72 và cảnh di tản “Con Đường Máu” từ Pleiku về Tuy Hòa tháng 3, năm 1975...

Hữu Mai lòng thông kể chi tiết “Trận Đánh Cuối Cùng” vào Tân Sơn Nhất với đầy đủ tính chất ly kỳ gay cấn và đầy phét lác kiểu Vẹm ăn không nói có cực kỳ trơ trẽn và nham nhở, ba xạo không thể tả. Chẳng hạn bay hành quân đột kích Tân Sơn Nhất “hoàn toàn bí mật và bất ngờ” nhưng lại dùng tần số hành quân của Không Quân VNCH để nói chuyện với nhau và nghe được “một giọng thất thanh, một giọng nói bằng tiếng Bắc”:

– Số Bốn đi đâu thế kia? Sao lại thế kia? Nhảy dù đi chứ?

Trái tim chúng tôi thắt lại. Có lẽ nào chưa kịp làm nhiệm vụ mà một người trong chúng tôi đã phải nhảy dù? Nhưng nhìn nhau, vẫn thấy đủ năm chiếc A-37 trên một đường bay ổn định.

Cái giọng Bắc ban nãy thét to:

– Cháy rồi...! Số Bốn nhảy dù đi!

Nhìn lại hai tên địch (?), chúng tôi chợt hiểu ra. Một chiếc AD-6 đang bùng cháy. Chắc nó trúng đạn của bộ đội ta tại nơi nó tới oanh kích, cố lê về đến đây, nhưng nó vẫn không thoát. Tên lái chiếc AD- 6 này không nhảy dù. Chiếc máy bay lao xuống đất...

Bố khỉ. Cứ như trong xi-nê-ma! Phải có những chi tiết gay cấn ấy mới nổi bật chiến công vĩ đại của bọn Hữu Mai. Rồi cảnh đánh phá Tân Sơn Nhất cũng được

mô tả y hệt cảnh những người hùng trong phim “Bla Bla Black Ship” vừa bay bỏ bom, bắn cà nông, vừa cười vui vẻ ra cái điều ngon lành dũng cảm. Nguyễn Thành Trung đánh trước, bom không ra, làm vòng tiếp. Đại đội phó Từ Để theo sau Trung, nhắm hangar A-37 nhưng bom rơi mẹ nó sát chiếc C-130 vừa hạ cánh ở tuốt luốt bên này bãi đậu Whiskey Five (W-5). Rồi Đại đội trưởng Lục thả bốn trái nhưng lóng ngóng chỉ rơi có hai. Sau đó là Vượng và On, nhắm vào hangar A-37 nhưng đều trật lất!

Hữu Mai viết, “Những việc trên đã diễn ra hết sức nhanh chóng.” Chúng ta hãy đọc tiếp những đoạn văn dưới đây để xét giá trị toàn bộ bài viết “Trận Đánh Cuối Cùng”...

Đến lúc đó mới nghe thấy tên trực ở sân bay bắt đầu kêu lên:

– Tân Sơn Nhất bị pháo kích...!

Một tên khác, nghe giọng nói có vẻ là một tên chỉ huy, lập lại:

– Tân Sơn Nhất bị pháo kích! Rồi hẩn hỏi tiếp số A-37 của Phi Đoàn nào, xin cho biết tên?

Giữa lúc đó, Biên đội trưởng đã lao xuống sân bay lần thứ hai. Nhưng rồi thấy anh kéo lên, tiếp tục lượn vòng. Những trái bom vẫn chưa chịu ra.

Một giọng nói khác bằng tiếng Anh, chắc là của một tên Mỹ, lập lại câu hỏi của viên sĩ quan trước đó:

– A-37 của phi đoàn nào?

Giọng nói có vẻ hách dịch của tên Mỹ đã làm cho Đại đội phó Từ Để nổi nóng. Anh quát to:

– Phi đoàn A-Mê-Ri-Ca đây!

Mẹ kiếp, thối không ngủi được. Đang bay trên trời, trong phòng lái kín mít, lo bỏ bom, nhắm bắn mục tiêu mà có “thiên lý nhĩ” nghe được cả “tiếng tên trực ở sân bay bắt đầu kêu lên...” thì quả là con đẻ của Tề Thiên Đại Thánh! Rồi đang từ một thằng “người lái” mới vài hôm trước không biết nổi “mỗi feet là bao nhiêu đơn vị đo lường của ta” và “làm thế nào hiểu được hết những tiếng Anh trong buồng lái...” vậy mà hôm sau đã nghe rành rọt “giọng một tên Mỹ,” hiểu được nó nói gì và tên Mỹ còn biết “lập lại,” dịch ngay tại chỗ ra tiếng Anh câu hỏi của viên sĩ quan Việt, mới ly kỳ! Tên giặc lái Từ Để còn biểu diễn màn Tarzan nổi giận, quát to lên cho thằng Mỹ sợ vãi đá! Ghê thiệt..!

Hữu Mai sau đó, được thể, cương thêm:

Bây giờ từ sân bay mới vang lên những tiếng hoảng hốt:

– Bốn A-37 ném bom Tân Sơn Nhất... Đề nghị các máy bay hãy tránh xa!

Cái vụ “nghe thấy tên trực sân bay” ở đoạn trên có thể tạm hiểu là đương sự nghe trên tần số hành quân của bọn Ngụy cũng được đi. Nhưng việc “từ sân bay bấy giờ mới vang lên những tiếng hoảng hốt” thì đúng là... “bu-siệt”! Không Quân Miền Nam đâu có lối nói lịch sự kiểu Vi-Xi “đề nghị”? Người miền Nam nói “yêu cầu tránh xa” chứ trong trường hợp bắn xức xịch đó, làm quái gì có mục “đề nghị tránh xa”?

Văn nô Hữu Mai vớt vát thể diện cho Biên đội trưởng Nguyễn Thành Trung và bọn thợ gắn bom mà bom không nhả (có thể lính của ta bị ép buộc trang bị bom đạn cho Vi-Xi đã cố tình chơi đểu (?)... “Chiếc máy bay của biên đội trưởng đã giận dữ lao xuống lần thứ ba. Lần này, bốn trái bom của anh cùng rơi một lúc. Một đám cháy mới bùng lên tại khu vực tập trung máy bay tiêm kích F-5...” Xạo ke! Tân Sơn Nhất làm chó gì có khu vực nào tập trung F-5? Từ đầu đến cuối toàn nói phét. Nói phét lộ liễu trắng trợn và bất chấp sự hợp lý của sự kiện. Cậu văn nô liên tục nói phét với mục đích đáng bóng thành tích với những chi tiết chỉ có thể đánh lừa được bọn lãnh đạo già nua ngớ ngẩn của các cậu, đánh lừa đám dân miền Bắc đã được họ Hồ làm cho ngu từ năm 1954... Còn đối với nhân dân miền Nam, nhất là với

“bọn giặc lái Ngụy,” thì chỉ tổ làm trò cười rẻ tiền như cái phét vĩ đại trong bài “Trận Đánh Cuối Cùng,” khi Hữu Mai viết về chuyến bay trở về của đám không tặc Vi-Xi.

Từ Để gần hết xăng khi về gần căn cứ xuất phát nhưng y biểu diễn màn “người hùng” cải lương không chịu được. Y không báo cáo sắp hết xăng, không chuẩn bị nhảy dù và quyết định khi hết xăng sẽ dùng “tốc độ thừa” để chiếc A-37 tắt máy, thành máy lượn, đáp êm ru bà rù cho thiên hạ sợ chơi. Y học bay A-37 trong vòng từ ba tới năm ngày, khoe chỉ mới bay thử có một lần là ra trận!

Vụ cạn xăng chỉ là bịa đặt, tạo nỗi lo sợ cho có vẻ hồi hộp bà con chơi thôi. Đồng chí Đại đội phó đã nhìn thấy phi trường! Nguyễn Thành Trung bay sau

cùng, nhắc “số Hai” Từ Để nhớ bật đèn đáp trước khi hạ cánh.

Đồng chí đại đội phó nhìn những núm nút trước mặt mình. Anh không tìm thấy công– tắc đèn pha ở đâu. Nhưng không sao, trời tuy gần tối, nhưng anh vẫn cảm thấy thời tiết ở đây tốt lắm vì anh vẫn còn nhìn thấy đường băng.

Anh tự bảo, mình chỉ cần giữ sao cho mọi động tác thật chính xác. Chiếc máy bay chiếu hướng đường băng hạ dần độ cao. Đài chỉ huy sân bay đã đồng ý cho Để hạ cánh trực tiếp.

– Số Hai bật đèn pha! Biên đội trưởng nhắc một lần nữa vì tưởng đồng chí Đại đội phó quên.

– Rõ! Để đáp gọn.

Anh không trả lời biên đội trưởng được nhiều hơn vì đang phải dồn toàn bộ tinh lực vào việc tiếp đất.

Hai bánh xe phía trước đã chạm mặt đường băng. Thế là xong. Chiếc máy bay theo đà tiếp tục lướt về cuối sân. Nó nằm ịch lại không chịu sự điều khiển của anh nữa. Anh không biết đầu của mình đã hết tự lúc nào. Có thể là từ khi máy bay chưa tiếp đất và anh đã hạ cánh bằng tốc độ thừa...

Độc giả từ bao nhiêu năm sống trong xã hội ưu việt miền Bắc chắc chắn sẽ tin lắm, phục lắm, vì dân trí được Bác và Đảng dạy dỗ phải tin những gì Bác và Đảng muốn dân nghe và tin. Như trước đây phải nghe và tin máy bay Mỹ Ngụy làm bằng giấy và dân quân miền Bắc lấy sào tre... thọc phi cơ “Con Ma, Thần Sấm” rớt như sung rụng chẳng hạn.

Nhưng cái bọn nhân dân ngoan cố miền Nam thì phải xét lại ạ. Nhất là bọn giặc lái Ngụy thì dù ngu si cách mấy cũng bật cười phì khi đọc sáng tác “Trận Đánh Cuối Cùng” của Hữu Mai trong tuyển tập Văn 1957-1982 của Hội Văn Nghệ Sĩ Quân Đội Việt Cộng. Trong đó, những “người lái anh hùng” mang nhãn hiệu Vi-Xi đã học Anh văn và học bay phản lực cơ chiến đấu A- 37 trong vòng năm ngày, có đứa chỉ bay thử có một phà là bay vung vít, đánh đấm vung vít, nói tiếng Anh vung vít. Cả bầy bay hồ hởi tới lúc sắp cạn xăng (chúng gọi là dầu) cũng cóc biết. Không biết cả tới cái công- tắc bật đèn pha nằm ở chỗ nào và đáp mò, đáp không đèn ở một phi trường nhỏ và xa lạ, khi phi cơ đã tắt máy và đáp như để...!

Cậu Pilot Trác Thuốc Lào nghe chuyện chỉ cười khinh khỉnh ra cái điều “Biết rồi, khổ lắm, nói mãi!”... Hữu Mai kết luận rất dzui thế này:

– Mọi người cười âm lên. Khi trận đánh đã hoàn thành, khó khăn đã qua rồi, thì những chuyện như vậy lúc này đều có thể trở thành chuyện vui...

Đúng như dzậy. Dzui dễ sợ. Cũng may Hữu Mai, có lẽ là tên giặc lái Vi-Xi Mai Vượng đã “hy sinh”, ngòm củ tử trong trận đánh nhau với thằng đàn anh Trung Quốc, bị mấy mụ xẩm du kích Tàu phù cầm sào tre thoọc rớt, chết lẫn củ đèo, nếu không, bây giờ độc giả còn được thưởng thức nhiều sáng tác dzui hơn nữa. Như chuyện “người lái anh hùng” Hiệp Sĩ Mù

của đảng cướp Vi-Xi đáp phi trường Ngã
Năm Chuồng Chó chẳng hạn – và đáp
không đèn. Thật đáng tiếc!

NGƯỜI CHIẾN SĨ VNCH VÀO NGÀY CUỐI CÙNG CỦA CUỘC CHIẾN

*Canh bạc chưa chơi mà hết vốn
Cờ còn nước đánh phải đành thua (*)*

Vào ngày cuối cùng của cuộc chiến, khi mà mọi giới đều hiểu rằng không còn gì có thể cứu vãn được nữa thì người chiến sĩ VNCH vẫn chiến đấu dũng cảm. Một vài tài liệu sau đây cho chúng ta khẳng định như thế:



1. Tài liệu của Không Lực Hoa Kỳ – chương trình di tản “Frequent Wind” có viết rằng: Trong khi phi trường bị tấn công thì 2 chiếc A1 (Skyraider chiến đấu có cánh quạt của Không lực VNCH) đã

bay lượn trên không phận Sài Gòn để truy lùng các vị trí pháo kích của địch. Một trong hai chiếc bị hỏa tiễn SA-7 bắn hạ. Trong khi đó, nhiều người đã không e sợ, đổ xô ra ngoài để nhìn một chiếc phi cơ “Rồng lửa” AC-119 đang nhào lộn và xả súng (đại liên 6 nòng Gatling) bắn một vị trí của bộ đội Bắc Việt ở ngay gần cuối hướng đông Tân Sơn Nhất. Vào khoảng 7 giờ sáng 29 tháng 4, chiếc phi cơ anh dũng của VNCH đã bị trúng hỏa tiễn SA-7 của địch và bốc cháy rồi đâm nhào xuống mặt đất.



Trong một bức thư của một phi công VNCH gửi cho Clyde Bay ở Trung Tâm Di Tản Nha Trang, kể lại chuyện những phi công của Không Lực VNCH vào sáng ngày 29 tháng 4, vẫn tiếp tục thực hiện các phi vụ tấn công vào các đoàn xe tăng địch, khi chúng tiến về phía thủ đô Saigon. Theo lời của Trung Úy Coleman “ít nhất những người này đã là những chiến sĩ đã chiến đấu một cách anh dũng và hy sinh đến giọt máu cuối cùng của cuộc đời binh nghiệp, trong một trận chiến biết chắc là thua, nhưng vẫn sẵn sàng hy sinh”.

2. Tài liệu trích trong cuốn Việt Nam và Chiến Lược Domino của Bạch Long (từ trang 312 đến 314) Nhưng sự bất ngờ cho cộng sản đã xảy ra ngay tại cửa ngõ vào Saigon. Khoảng gần một ngàn chiến

sĩ của Chiến Đoàn 3 Biệt Kích Dù và một số biệt kích, Nhảy Dù và quân nhân khác, có nhiệm vụ bảo vệ bộ Tổng Tham Mưu từ ngày 26 tháng 4, đã sẵn sàng chờ “đón” quân cộng sản.

Trong ngày 29 tháng 4, Tướng Lâm Văn Phát đã có can đảm đứng ra nhận chức tư lệnh Biệt Khu Thủ Đô với mục đích cầm quân chiến đấu bảo vệ Saigon. Tướng Phát đã ra lệnh cho các cánh quân Nhảy Dù, Biệt Cách, Biệt Động Quân, Thủy Quân Lục Chiến... phải ngăn chặn quân cộng sản kéo vào Saigon từ hai ngã tư Bảy Hiền và Hàng Xanh... Tướng Phát kể lại rằng ông chỉ còn vồn vẹn 60 xe tăng M-41 và M-48 với những đơn vị lẻ tẻ để đối đầu với 16 sư đoàn Bắc Việt và 3 sư đoàn Việt Cộng với hàng ngàn xe tăng, đại pháo và tấn công từ hai ngã vào Saigon.



Nhưng dù ở trong tình thế tuyệt vọng như vậy, Tướng Phát và những người đầu hàng. Họ vẫn phải chiến đấu đến cùng! (Cần phải nói rằng các đơn vị lớn Thủy Quân Lục Chiến cực kỳ anh dũng và đã bị tan rã gần hết trước ngày 30 tháng 4, ở vùng Một và vùng Hai, và trong những trận rút bỏ khác.) Những người lính chiến đấu này không có... radio! Họ không cần biết rằng quân cộng

sản đang thắng thế. Họ không cần biết tổng thống tạm thời Dương Văn Minh đang sửa soạn đầu hàng, dâng miền Nam cho cộng sản. Họ không cần biết rằng tình hình đã hoàn toàn tuyệt vọng, không còn một chút hy vọng ngăn chân quân đội Bắc Việt. Họ chỉ biết chiến đấu chống Cộng và tiêu diệt quân cộng sản, và hình như họ chưa bao giờ có tư tưởng bỏ chạy hay đầu hàng! Họ hờm súng đợi quân thù cộng sản và sẵn sàng nhả đạn. Các xe tăng cộng sản hứng những loạt đạn đầu tiên và bất ngờ. Trong thành phố đang hỗn loạn tinh thần, tiếng đạn nổ như mưa bão xen lẫn với tiếng súng lớn, đã làm cho sự hỗn loạn gia tăng.



Trong thời gian thật ngắn khoảng hơn 1 giờ đồng hồ, 17 xe tăng cộng sản bị trúng đạn cháy đen nằm rải rác từ Ngã Tư Bảy Hiền đến cổng trại Phi Long và đến đường Cách Mạng... Pháo tháp xe tăng T-55 bằng thép dày 12inches (30 phân tây) bị bắn thủng như bằng... bột, chứ không phải bằng thép! Lỗ đạn không lớn lắm. Hình như vào giờ chót người Mỹ viện trợ cho một loại súng bắn xe tăng đặc biệt, loại 106 ly (?), để bắn xe

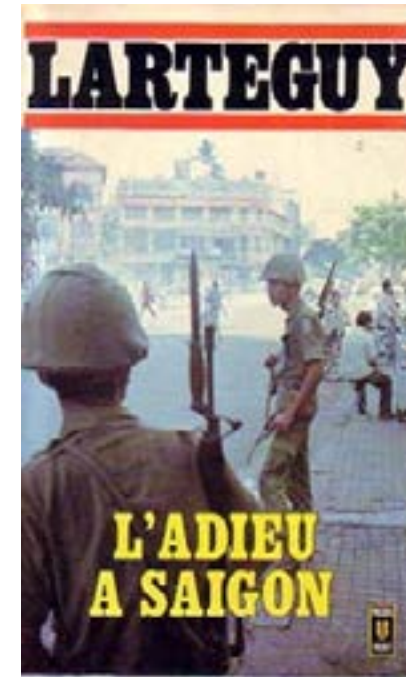
tăng. Đạn xuyên phá qua thép dày nhất và lực cản của thép đã làm cho nhiệt độ gia tăng tới gần 3000 độ C, nướng chín quân lính cộng sản ở trong xe tăng.



Cánh quân cộng sản từ Long Khánh kéo về Saigon qua Hàng Xanh, Thị Nghè bọc xuống trước Sở Thú để tiến vào dinh Độc Lập thì bị quân Nhảy Dù án ngữ. Quân Nhảy Dù bị dồn về bảo vệ vòng đai

Saigon. Họ không còn việc gì khác hơn là chiến đấu đến cùng từ đường vòng đai xa lộ Đại Hàn đến ngã tư Hàng Xanh về đến đại lộ Thống Nhất, nhà thờ Đức Bà. Hầu như những cánh quân cộng sản đầu tiên tiến vào Saigon theo ngả này đều bị Nhảy Dù tiêu diệt hết. Tổng cộng trong khoảng từ 7 giờ sáng đến 10 giờ 15 ngày 30 tháng 4, khi Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng, hơn 20,000 quân Bắc Việt, 32 xe tăng và gần 30 quân xa (Molotova) chở đầy lính cộng sản bị bắn cháy, chết hết, trong phạm vi thành phố Saigon.

Tất cả hai cánh quân Việt cộng đều khựng lại.



Vĩnh biệt Saigon

Jean Lartéguy – Presses Pocket

1/1976

Bộ chỉ huy cộng sản cuống cuồng vội giục Dương Văn Minh phải đích thân ra lệnh cho Tướng Lâm Văn Phát, Thiếu Tá

Tài đề ra lệnh cho Biệt Cách Dù và quân Nhảy Dù ngưng chiến đấu. Tất cả những người lính chiến đấu can trường nhất của VNCH lúc đó mới hiểu rằng miền Nam đã bị kẹt vào cái thế phải thua. Họ ném bỏ súng đạn trút bỏ quần áo trận và lẫn lộn vào dân chúng, tìm đường về nhà.



Một câu chuyện khác do Tướng Lâm Văn Phát kể lại là sau khi Dương Văn Minh điện thoại cho ông phải ra lệnh ngưng bắn thì ông xuống dưới nhà. Dưới chân cầu thang, một người Quân Cảnh đã đứng nghiêm chào ông và nói: “Vĩnh biệt thiếu tướng,” rồi rút súng bắn vào đầu tự tử.



Khi vị tư lệnh cuối cùng của Biệt Khu Thủ Đô đến Tổng Tham Mưu thì thấy chung quanh cột cờ lớn có khoảng

hơn 300 binh sĩ Biệt Cách và sĩ quan chỉ huy họ đang đứng thành vòng tròn và hờm súng vào... lưng nhau, sẵn sàng nhả đạn tự tử tập thể. Tướng Phát phải nói với họ trong nước mắt rằng quân đội VNCH đứng vững cho đến giờ chót là nhờ tinh thần kỷ luật. Vậy lúc này đã có lệnh buông súng thì anh em ai về nhà nấy mà lo cho gia đình. Tự tử không có ích lợi gì cho mình cả. Các quân nhân nghe lời, chỉ có một vài sĩ quan trẻ tuổi đã tự tử. Đến 1 giờ trưa, Tướng Phát bàn giao Biệt Khu Thủ Đô cho Tướng Việt Cộng Ba Hồng. Sau đó Tướng Ba Hồng mời Tướng Phát đến Tổng Tham Mưu. Tại đây, khoảng 500 chiến xa T. 55 của Cộng quân nằm kín chung quanh cột cờ. Đáng lẽ những chiến xa này đã đi thẳng sang Tây Ninh theo đường vòng đai Saigon. Nhưng sự đầu hàng của Dương Văn Minh đã thay đổi hết kế hoạch tiến đánh

Thái Lan của cộng sản (Tướng Lâm Văn Phát đã từ trần trong tuổi già tại Santa Ana, California ngày 30 tháng 10, 1998)



Nhưng hai trận đánh trên đây cũng chưa phải là trận đánh cuối cùng trong ngày 30 tháng 4. Trường Thiếu Sinh Quân Vũng Tàu đã chiến đấu mãnh liệt từ trong khuôn viên trường cho đến

khoảng 2 giờ trưa. Lúc này, cộng sản đã cầm chắc cái thắng trong tay nên chúng không muốn chết thêm nữa. Chúng ngưng bắn và điều đình với các em. Các em đòi chúng phải ngưng bắn và rút ra xa để các em tự giải tán. Khoảng ba giờ chiều, các em hát bài quốc ca, làm lễ hạ cờ. Xong rồi bỏ đồng phục, mặc quần áo thường và từ từ ra khỏi trại, nước mắt ràn rụa trên má...



3. Tài liệu: báo Wall Street Journal số ngày 2 tháng 5 năm 1975, bài bình luận của ký giả Peter Kahn, từng đoạt giải Pulitzer, có tựa đề “Truy Diệu Nam Việt Nam” “...Nam Việt Nam đã chống cự hữu hiệu trong 25 năm, và họ đã không phải luôn luôn được người Mỹ giúp. Tôi nghĩ ít có xã hội nào bền bỉ chịu đựng được một cuộc chiến đấu lâu dài như vậy... Quân lực VNCH đã chiến đấu can đảm và vững mạnh trong một số trận đánh mà chúng ta còn nhớ, thí dụ như trận An Lộc.



Quân đội ấy đã chiến đấu giỏi và can đảm ở nhiều trận đánh khác mà chúng ta không còn nhớ địa danh. Quân lực ấy đã can đảm và chiến đấu trong hàng ngàn trận đánh nhỏ, và giữ vững hàng ngàn tiền đồn hẻo lánh ở những nơi mà cái tên nghe rất xa lạ với người Mỹ. Hàng trăm ngàn người của quân lực ấy đã tử trận. Hơn nửa triệu người của quân lực ấy đã bị thương. Và trong những tuần lễ

chót, khi mà người Mỹ nào cũng biết là cuộc chiến đấu đã thua rồi thì vẫn còn những đơn vị của quân lực ấy tiếp tục chiến đấu, thí dụ tại Xuân Lộc. Nhờ có những sự chiến đấu ấy mà người Mỹ và một số người Việt lựa chọn mới an toàn thoát đi được. Rốt cuộc, quân lực ấy đã tài giỏi hơn sự ước lượng của người ta. Phía mạnh hơn chưa chắc đã là phía tốt hơn”.



4. Tài liệu của ký giả người Pháp Jean Larteguy, đã chứng kiến những giờ phút cuối cùng ở Saigon ngày 29 và 30 tháng 4, 1975. Thứ Hai, 28 tháng 4, 1975 Saigon sáng nay yên tĩnh. Các đơn vị của một lữ đoàn Dù chiếm đóng vị trí của họ trong thành phố, sau bức tường, trong những khu vườn. Họ không buồn rầu và không

tuyệt vọng. Họ điều động như thể đang dự một một thao dượt. Đôi lúc họ còn cười với nhau và liệng cho nhau những chai Coca Cola. Họ không nuôi một ảo tưởng về số phận của họ, về kết quả của trận đánh tối hậu này. Nhưng tôi có cảm tưởng là họ nhất định chiến đấu tới cùng, và sẽ tự chôn mình trong những đống nát của Saigon. Và những binh sĩ tuyệt vời này vẫn còn có được các cấp chỉ huy ở bên họ. Một trong các cấp ấy là một đại tá. Tôi hỏi ông ta xem tình hình ra sao? Ông trả lời: “Chúng tôi sẽ chiến đấu, và chúng tôi sẽ là những người lính cuối cùng chiến đấu. Hãy nói cho mọi người biết rằng chúng tôi chết không phải vì Thiệu, vì Hương hay vì Minh”.



Sau khi Dương Văn Minh đã tuyên bố đầu hàng. Larteguy lại được chứng kiến tận mắt trận đánh cuối cùng của các đơn vị VNCH tại Saigon, và ghi lại như sau: “Gần Lăng Cha Cả, quân Dù đánh trận chốt. Họ chiến đấu tới 11 giờ 30 trưa, cho tới khi các cấp chỉ huy của họ từ dinh Tổng Thống trở về sau cuộc gặp gỡ bi thảm với tướng Minh. Các sĩ quan này khuyên họ nên ngưng chiến đấu. Họ vừa hạ được 5 xe tăng T- 54.

Những xe ấy còn đang cháy ngùn ngụt. Một chiếc nổ tung vì đạn trong xe. Quân Dù không để lại trên trận địa một thứ gì, dầu là vũ khí, đồ trang bị, người bị thương hoặc người chết.” Larteguy cũng được thấy tận mắt các sinh viên trường Võ Bị Đà Lạt, lực lượng trừ bị chốt của QLVNCH, tiến ra trận địa. “...Và trong những bộ đồng phục mới, giày chùi xỉ bóng láng, các sinh viên anh dũng của Trường Võ Bị Đà Lạt đã đi vào chỗ chết. Họ ra đi thật hào hùng, đi như diễn binh, chỉ thiếu có cái mũ diễn hành và đôi bao tay trắng.”



Một đồng nghiệp của Larteguy là Raoul Coutard đã thu được cảnh xuất quân bí trảm ngay vào máy quay phim và cố nén xúc động để hỏi các sinh viên sĩ quan: “Các anh có biết là sắp bị giết chết không?” Một thiếu úy trả lời: “Chúng tôi biết chứ!” “Vì sao?” “Tại vì chúng tôi không chấp nhận Chủ Nghĩa Cộng Sản!”.... Các xe tăng đầu tiên của

cộng sản vào Saigon từ phía Đông, qua tỉnh lộ Thủ Đức và Biên Hòa...

Bộ Binh thì tiến từ phía Bến Cát và Tây Ninh. Tuy vậy, bọn này chỉ tới được trung tâm Saigon vào lúc 5 giờ chiều.



Từ ngày hôm trước các đơn vị cộng

quân này đã bị chặn tại gần Hóc Môn, gần nơi có Trung Tâm Huấn Luyện Nhảy Dù.



Lữ Đoàn 4 của sư đoàn Dù trấn giữ dưới sự chỉ huy của Đại Tá Vinh, sĩ quan

to con, mặt phong trần, nhất định bất chấp lệnh ngưng bắn. Các đơn vị Cộng quân bị thiệt hại nhiều. Sau đó chúng còn phải giao tranh 2 lần trên đường phố Saigon. Một lần trước trụ sở Cảnh Sát Công Lộ, nơi đây chừng 100 cảnh sát viên chiến đấu oanh liệt trong hơn một giờ, trước khi bị xe tăng Cộng Sản đè bẹp. Lần thứ hai ở ngã tư Hồng Thập Tự và Lê Văn Duyệt, là nơi chỉ có 4 người lính Dù vũ trang đại liên và Bazzoka mà chiến đấu được trong 50 phút. Đến khi hết đạn, họ đi ra ngoài, nắm vai nhau, lập thành vòng tròn rồi cho nổ một tràng lựu đạn tự sát. “Đến chiều tối 400 chiến sĩ Mũ Đỏ (Dù) được gom từ trận Hóc Môn và từ phi trường, tụ lại quanh Đại Tá Vinh, và còn chiến đấu gần chợ chính và các nơi có ruộng lúa của tỉnh Chợ Lớn. Đến 10 giờ đêm, Đại Tá Vinh cho lệnh các binh sĩ chia thành toán nhỏ, lợi

dụng bóng đêm để rút về đồng bằng...”
Darcourt cho biết Đại Tá Vinh đã ở lại vị
trí và tự sát.



